

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH QUẢNG NGÃI



**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
XÃ PHỐ PHONG, HUYỆN ĐỨC PHỐ, TỈNH QUẢNG NGÃI**

LỊCH SỬ
ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG
CỦA
ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN
XÃ PHỐ PHONG
1929 - 1975
(SƠ THẢO)

BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY QUẢNG NGÃI
1992

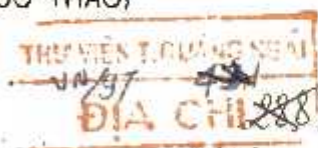
324.25970:553

L 302 S

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
XÃ PHỔ PHONG, HUYỆN ĐỨC PHỐ, TỈNH QUẢNG NGÃI

LỊCH SỬ
ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG
CỦA
ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN
XÃ PHỔ PHONG
1929 - 1975

(SƠ THẢO)



BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY QUẢNG NGÃI
1992



CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

- Ban tuyên huấn huyện ủy Đức Phổ
- Ban thường vụ đảng ủy xã Phổ Phong

BIÊN SOẠN

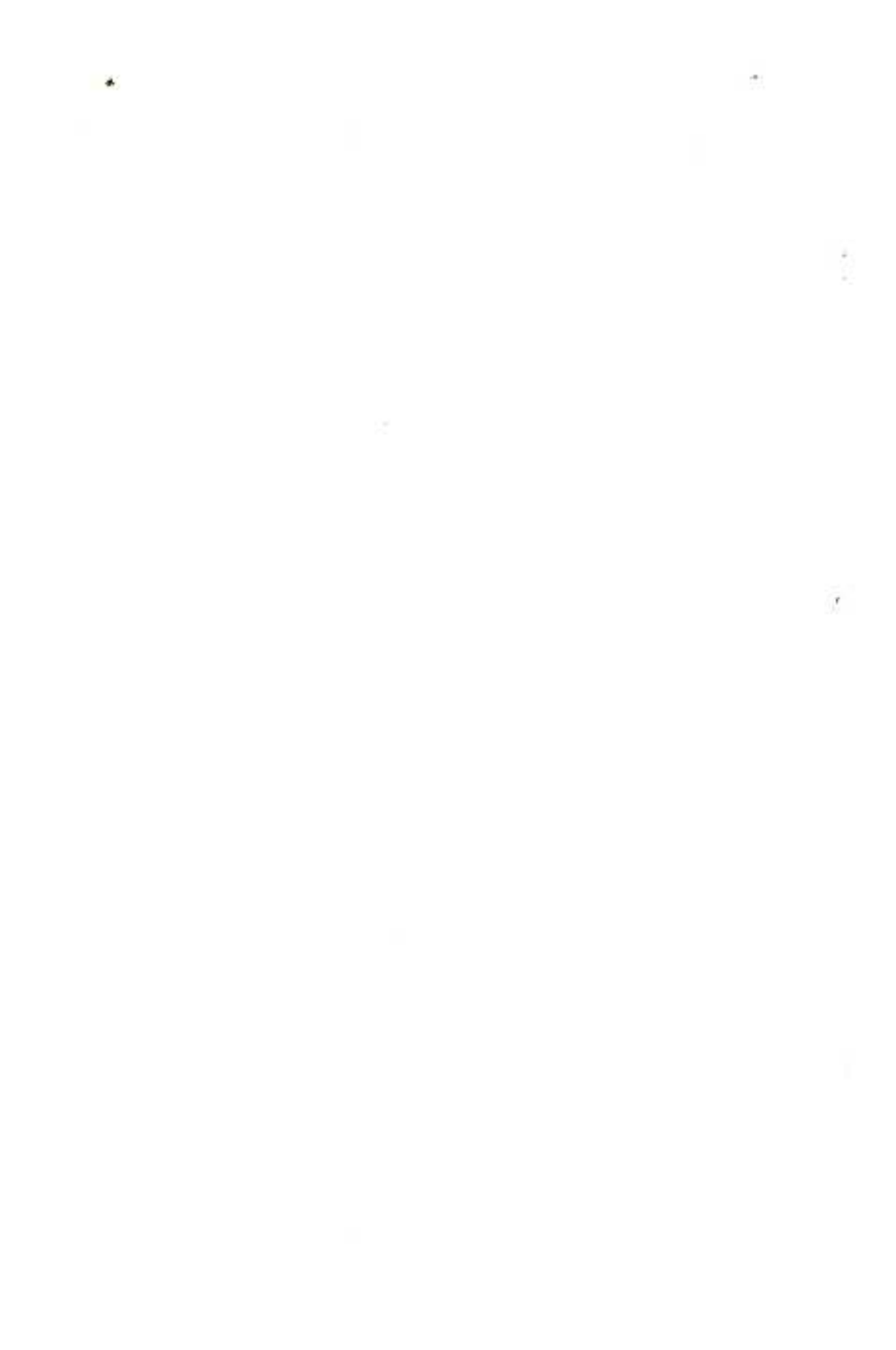
Trần Đức Cảnh

CUNG CẤP TƯ LIỆU

Hoàng Văn Bảy, Trương Bút, Nguyễn Thị Diệp, Phạm Đông, Nguyễn Lưu, Huỳnh Văn Lệ, Nguyễn Thị Nga, Huỳnh Quang Phương, Nguyễn Thiệu, Bùi Quang Thông, Nguyễn Xuân Thái.

SỬA CHỮA BẢN THẢO

Nguyễn Ngọc Oanh



LỜI NÓI ĐẦU

PHỐ PHONG, xưa kia vốn là một vùng đất gồm các làng nhỏ, nhân dân sống nghèo khổ dưới chế độ áp bức, bóc lột của phong kiến và đế quốc, nhưng cũng là một vùng có truyền thống rất đáng tự hào.

Thiên nhiên và đời sống xã hội ở đây đã hun đúc nên nhiều thế hệ, những con người cần cù, dũng cảm, trung thực, trọng chính nghĩa, kiên cường chống áp bức, bất công.

Từ ngày thực dân Pháp đặt chân lên đất Quảng Ngãi và cả nước, nhân dân Phố Phong sát cánh với nhân dân huyện Đức Phổ cũng như toàn tỉnh không ngừng đứng lên chống đế quốc và tay sai đấu tranh giành độc lập cho Tổ quốc.

Sự ra đời của Đảng mở đầu một thời kỳ mới trong lịch sử dân tộc ta, thời kỳ phong trào cách mạng của quần chúng được soi sáng bằng ý thức hệ mới, đường lối cách mạng mới, thời kỳ liên tiếp giành thắng lợi.

Lịch sử đấu tranh cách mạng của dân tộc nói chung và của nhân dân Phố Phong nói riêng, dưới ảnh hưởng của tư tưởng Mác - Lênin bắt đầu từ cuộc vận động thành lập Đảng bộ Đảng cộng sản Việt nam tỉnh Quảng Ngãi vào năm 1926 mà Phố Phong được vinh dự là một trong những cái nôi của phong trào. Đây là nơi ra đời và hoạt động của những tổ chức tiền thân của Đảng bộ Quảng Ngãi, là quê hương và nơi hoạt động của nhà cách mạng có vai trò trọng yếu trong sự thành lập Đảng bộ tỉnh, đồng thời là Bí thư đầu tiên của tỉnh: đồng chí NGUYỄN NGHIÊM.

Nghiên cứu và biên soạn lịch sử đấu tranh của Đảng bộ và nhân dân Phố Phong là việc làm rất cần thiết nhằm góp phần nâng cao sự hiểu biết về truyền thống cách mạng và lòng tự hào dân tộc cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã, đồng thời có tác dụng góp phần vào công tác nghiên cứu lịch sử Đảng, lịch sử dân tộc nói chung.

Từ năm 1984, chấp hành chủ trương của huyện ủy Đức Phổ, Đảng ủy xã đã cử người phụ trách việc sưu tầm tư liệu, nghiên cứu và biên soạn cuốn lịch sử Đảng bộ xã.

Trong quá trình nghiên cứu và biên soạn, các đồng chí biên tập đã dựa vào nguồn tư liệu và các công trình nghiên cứu về lịch sử Đảng, lịch sử chiến tranh nhân dân của tỉnh Quảng Ngãi và huyện Đức Phổ. Nhưng một phần rất lớn là căn cứ vào những tư liệu do các đồng chí cách mạng lão thành của quê hương cung cấp. Loại tư liệu này rất quý nhưng cũng có một hạn chế về tính chính xác, phải mất nhiều công phu phân tích, so sánh đối chiếu mới sử dụng được.

Sau một quá trình làm việc, với nhiều cố gắng của các đồng chí biên tập, đến nay cuốn sách đã biên soạn xong, được thông qua và bổ sung trong các cuộc hội thảo của xã, có sự tham gia của các đồng chí lãnh đạo của huyện và xã, các đồng chí cách mạng lão thành, các đồng chí cán bộ chuyên trách lịch sử Đảng của huyện. Ban chấp hành Đảng bộ xã quyết định cho cuốn sách ra mắt cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã.

Cuốn Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Phố Phong (sơ thảo) ghi lại có hệ thống quá trình ra đời và hoạt động của Đảng bộ xã và cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân trong xã từ ngày Đảng bộ ra đời đến

ngày kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước trên quê hương Phố Phong.

Thông qua những sự kiện lịch sử, cuốn sách nói lên truyền thống cách mạng của quê hương, khơi dậy niềm tự hào của nhân dân, đồng thời gọi ra những điều suy nghĩ bổ ích cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên xã nhà hiện nay. Cuốn sách này sẽ là tài liệu giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ hiện nay và các thế hệ mai sau, trước hết là cho cán bộ, đảng viên và thanh niên trong xã.

Ban chấp hành Đảng bộ xã mong rằng, toàn Đảng bộ và đồng bào trong xã hãy đọc kỹ cuốn sách này, tìm trong cuốn sách những điều cần thiết cho sự suy nghĩ và hành động của mình trong hoàn cảnh lịch sử hiện nay, mà trách nhiệm được đặt ra cho mỗi người con của Phố Phong là đoàn kết, chiến đấu, chung sức, chung lòng xây dựng và bảo vệ cuộc sống tự do, hạnh phúc trên quê hương, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Do những khó khăn về sưu tầm tài liệu và hạn chế về nghiên cứu, biên soạn, cuốn sách không thể tránh khỏi những thiếu sót. Mong các đồng chí và đồng bào trong xã nhà cùng bạn đọc góp ý cho cuốn sách, cung cấp tư liệu mới, giúp chúng tôi bổ sung, hoàn chỉnh cuốn lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Phố Phong.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ PHỐ PHONG

CHƯƠNG I

PHỐ PHONG - ĐẤT NƯỚC CON NGƯỜI VÀ TRUYỀN THỐNG CÁCH MẠNG.

Xã Phố Phong nằm về phía tây bắc của huyện Đức Phổ, một huyện phía nam của tỉnh Quảng Ngãi, tiếp giáp với 4 xã ngoài huyện: Đức Lĩnh, huyện Mộ Đức về phía bắc; Hành Tín, huyện Nghĩa Hành về phía tây bắc; Ba Thành và Ba Động, huyện Ba Tơ về phía tây, và hai xã trong huyện : Phố Nhơn về phía nam và Phố Thuận về phía đông. Diện tích tự nhiên khoảng 20 km²

Phố Phong là xã hợp nhất từ 6 làng (ấp) cũ của thời Pháp thuộc gồm: Tân Phong⁽¹⁾, Hùng Nghĩa, Vạn Lý, Vĩnh Xuân⁽²⁾ Gia An⁽³⁾ và Hiệp An. Đất đai Phố Phong nằm giữa là một vùng thung lũng có nhiều quả núi bao bọc như núi Lớn, núi Đất thuộc dãy Trường Sơn về phía tây tây bắc; núi Măng Tàng ở tây nam, núi Thụ ở đông bắc; núi Xương Rồng - Chóp Vung ở phía đông; sông Trà Cầu, một con sông nhỏ chảy qua phía nam của xã, xuống Phố Thuận, Phố Quang đổ ra cửa biển Mỹ Á.

(1) Trước gọi là Tân Hội

(2) Trước gọi là Trường Xuân

(3) Trước là Gia Ngọc

Phổ Phong thời thuộc Pháp là vùng nông thôn nghèo khổ. Trùm lên thôn xóm là những lũy tre, trên đó nổi lên một vài mảng xanh đậm của các khu rừng nhỏ rộng từ 2 đến 3 ha, với nhiều cây cổ thụ và dây leo rậm rạp gọi là "cắm", như cắm Trâm, cắm Gò Lụa ở Hiệp An, cắm Bà Trang ở Gia An v.v... Ở các thôn xóm rải rác có những cây cổ thụ hàng trăm năm như cây đa Cán Dù ở phía đông; cây si Bà Ân, cây Cầy xóm mới Hiệp An; cây Sộp ở Tân Phong v.v... Ngoài ra còn nhiều cụm cây bóng mát ven đường. Từ Quán Thửa (cây số 7) trở lên đèo Đá Chát (cây số 15) và ngược bờ sông Trà Cầu là dải rừng rậm. Tại Quán Thửa, thường có nhiều khách đi đường qua lại làm nghề rừng, buôn bán dừng lại nghỉ chân. Tại đây, khách có thể đi về ba phía: ngả phía nam về Liên Chiểu, Trà Cầu; ngả phía bắc về Tú Sơn, Thạch Trụ; ngả phía tây lên Ba-Tơ.

Phổ Phong có nhiều rừng. Rừng già ở núi Lớn, núi Măng Tàng có nhiều gỗ, trong đó có các loại gỗ quý như gụ, sơn, táu, sến... Rừng non từ chân núi chạy dài đến các đầu làng Vạn Lý, bắc Hùng Nghĩa và bắc Gia An. Nhiều thú rừng như heo, nai thường phá hoại hoa màu, hổ thường ra rình bắt trâu bò, gia súc ở các xóm gần rừng, hổ còn bắt người ăn thịt, đe dọa đến việc đi lại và làm rừng của nhân dân. Tuy nhiên, thú rừng, chim muông cũng có tác dụng cân bằng sinh thái, giúp ích cho cuộc sống con người.

Về đền, chùa, miếu mạo: Mỗi làng đều có đình; đình làng là nơi nhóm họp của lý hương và đón tiếp quan trên. Các miếu thờ Thần Hoàng, Thổ Địa có từ lâu đời, gạch ngói đã rêu phong, như miếu Dinh Bà, ở cây số 14, miếu Chùa Cháy, miếu Gò Hòa, miếu Cây Quýt v.v... Tại các nơi đây, hàng năm xuân kỳ, thu tế, các lý hương sai dân giết bò, lợn và

rước sắc thần về cúng lễ. Lễ rước có nhiều cờ ngũ sắc, trống chiêng. Những nơi như xóm Gò Hòa còn có lễ cúng rừng. Các đình, chùa, miếu mạo còn là những công trình văn hóa của địa phương.

Trên đất Phố Phong hiện vẫn còn di tích phủ Sơn Phòng Đức Phổ, do Nguyễn Thân lập ra để canh phòng nghĩa quân dân tộc thiểu số đánh xuống đồng bằng. Nay chỉ còn lại dấu vết của bờ lũy và bãi làm trường tập ở phía nam Gò Dê, Vạn Lý.

Thời tiết của Phố Phong cũng giống như cả tỉnh, chia làm 2 mùa trong năm rõ rệt: mùa nắng nóng từ tháng 1 đến tháng 8; mùa mưa lũ từ tháng 9 đến tháng 12 dương lịch. Nhiệt độ trung bình trong ngày là 25°C, giờ có nắng trung bình của một ngày trong năm là 6,4 giờ, độ ẩm trung bình cả năm là 83,9%, lượng mưa trung bình cả năm là 2.250 ly.

Dân số Phố Phong trước Cách mạng Tháng Tám có khoảng 5.000 người. Trong và sau chiến tranh dân số phát triển nhanh và có nhiều biến động, do sự di chuyển của nhân dân trong chiến tranh, đi các nơi trong cả nước chưa thống kê được. Dân số định cư tại xã hiện nay khoảng gần 8.000 người.

Về nông nghiệp, tổng diện tích đất canh tác trung bình hàng năm 800 ha, trong đó đất trồng lúa 450 ha, đất trồng màu 370 ha, đất thổ cư 80 ha. Nghề chính có truyền thống lâu đời là trồng lúa, phần lớn ruộng làm một vụ. Hoa màu chủ yếu là khoai lang, khoai mì, ít trồng ngô. Các cây họ đậu có năng suất cao, nghề làm mía đường khá phát triển. Thổ nhưỡng phần lớn là đất bạc màu, đất cát chiếm 80%. Xen vào các vùng đất cát bạc màu là các thửa ruộng rộc chiếm 20%, loại ruộng này có năng suất tương đối cao hơn. Cây ăn quả có chuối, mít, xoài, thơm, cam, quýt, ổi... là

những loại cây trồng trong vườn, sản lượng ít. Ngoài ra, còn có các cây ăn quả tự nhiên ở trong rừng như trám, xoài, sim, chà là, dâu da... ra quả theo mùa, sản lượng không đáng kể.

Về chăn nuôi gia đình, có trâu bò, gà vịt... Trâu, bò dùng làm sức kéo là chủ yếu. Cá nước ngọt, tôm, cua sinh sản tự nhiên theo mùa, đánh bắt bằng lò, dó, dơm hứng hoặc tát cạn nước để bắt cá trong mùa khô.

Về tài nguyên, ngoài đất nông nghiệp còn có khoảng 60% diện tích đất rừng, rừng có nguồn gỗ, củi, mây, nứa, lá. Đặc biệt có cây dầu rái ở núi Lớn. Một số dân làng Tân Phong làm nghề khai thác dầu rái để bán cho đồng bào ngư dân trét, xam ghe thuyền. Dầu rái còn dùng quét, trét dụng cụ gia đình, trước hết là các đồ chứa nước. Ngoài ra còn có lá toí, nguyên liệu của nghề chằm toí, nón.

Về nghề thủ công, phổ biến là nghề phụ gia đình như, nghề đan rổ, rá, đóng cối xay, dệt vải. Một số nghề, chuyên môn như nghề mộc, nề, rèn, có các lò rèn ở xóm Nà (Gia An) chợ Mới (Tân Phong). Nói chung, các nghề phụ gia đình gắn bó chặt chẽ với sản xuất nông nghiệp trong các hộ nông dân cá thể. Các nghề chuyên môn có tính chất tự sản, tự tiêu trong phạm vi hẹp của làng xã, không được phát triển, có một số nghề dần dần bị mai một.

Về nhà cửa, hầu hết nhân dân ở nhà tranh. Những người giàu có làm nhà gỗ đắp đất, nhưng mái vẫn là rui tre, lợp tranh. Loại nhà này mùa nóng thì mát, mùa rét thì ấm, rất thích hợp với nông thôn. Giàu như địa chủ thượng thư Nguyễn Hiền (thường gọi là Thượng Hiền) vẫn ở loại nhà đắp đất, lợp tranh.

Về đường sá, hầu hết các đường hương lộ trong xã là đường đất hẹp, cầu cống chưa có. Các quốc lộ, tỉnh lộ, huyện

lộ đi qua xã gồm có một đoạn 5 km chiều dài đường sắt bắc nam, có ga Mỏ Đức (nay là ga Thạch Trụ) đến năm 1935 mới thông xe. Một đoạn đường bộ 15 km liên tỉnh lộ 5a (Thạch Trụ - Kon Tum) và 10 km huyện lộ Trà Cầu đi Vạn Lý, giáp đường 5a tại cây số 7, hợp với quốc lộ 1 đoạn Trà Cầu - Thạch Trụ tạo thành mạng đường tam giác. Về phương tiện đi lại trong xã trước kia rất ít người có xe đạp, phần lớn nhân dân đi bộ, nhà giàu có xe kéo (xe tay). Địa chủ Thượng Hiền bắt tá điền không vớ để đi lại. Bưu điện chưa có, thư, báo do người "lính trạm" đi bộ từ huyện lỵ về tận nhà người nhận để giao.

Về buôn bán, chưa phát triển, sáu xã cũ chưa có chợ. Đến những năm 40, lý trưởng Phạm Ưc lập ra chợ Mới ở Tân Phong, việc mua bán mới bắt đầu, nhưng rất thưa thớt, trong thời kỳ chiến tranh chống Mỹ - Ngụy chợ bị bỏ.

Phổ Phong trước đây chỉ có dân tộc Kinh, về sau có một số hộ đồng bào dân tộc thiểu số từ Ba Tơ di chuyển đến Vực Liêm, Hàn Thuyên. Về mặt xã hội, có sự phân biệt giữa hai loại dân chính cư và ngụ cư. Dân chính cư là người dân cư trú từ lâu đời ở địa phương có thân thế, được tham gia vào các hội đồng lý hương, hào mục, được ưu đãi, trọng vọng trong việc làng việc nước. Dân ngụ cư là người dân từ nơi khác đến sinh sống, bị khinh rẻ, hà hiếp, không được hưởng quyền lợi của người dân chính cư.

Về tôn giáo, Phật giáo có từ lâu đời. Theo đạo Phật thường là lớp người già cả, ăn chay làm lành, tu tại gia hoặc vào chùa cầu kinh, niệm phật. Tại Hùng Nghĩa có chùa Thầy Tường do một vị sư "thầy cúng" trụ trì. Tại Hiệp An có chùa Thầy Thi do Pháp sư họ Trương sáng lập. Các chùa này vào những ngày rằm, mồng một hằng tháng làm lễ Phật, các

phật tử đến đọc kinh cầu nguyện. Đây cũng là ngày hội vui chung của người đi đạo và không đạo. Công giáo thì phần lớn con chiên là người họ Võ. Công giáo có nhà thờ ở Vạn Lý. Đạo Cao đài có tín đồ ở rải rác các thôn, có thánh thất ở Vạn Lý. Đạo Tin lành có vài tín đồ ở Hiệp An. Sau Cách mạng Tháng Tám các tôn giáo ở Phố Phong gần như không phát triển. Một hình thức nữa của tín ngưỡng là lập đàn tràng cúng chay. Tập quán phổ biến trong nhân dân là thờ phụng tổ tiên rất nghiêm trang, thể hiện trong những ngày giỗ, chạp.

Về tập quán vui chơi thì sắc bùa, hò giả gạo là tương đối phổ biến. Cứ vào dịp Tết Nguyên đán, một ông bầu cùng với tốp ca múa nữ do ông lập ra, đi đến các nhà khá giả giúp vui, chúc mừng năm mới nhà chủ và bà con lối xóm. Trong những đêm trăng, các đôi trai gái gặp nhau quanh cối giả gạo, đối đáp nhau bằng những câu hò, nói lên tình cảm lứa đôi. Các điệu hát bội, ca vọng cổ, bài chòi... cũng được nhân dân ưa thích. Ngoài ra ở Xóm Nà (Gia An), xóm Bàu (Tân Phong) còn có những cuộc đi săn và những buổi đánh lưới chim, nhử cuốc vv... của những người nhàn rỗi, sinh hoạt này vừa có mục đích kinh tế, vừa có mục đích vui chơi.

Về y tế, xưa có các thầy lang giỏi, có kinh nghiệm gia truyền bắt mạch kê đơn, chữa bệnh, nhân dân quen dùng thuốc nam, thuốc bắc. Bác sĩ, y tá rất hiếm, cơ sở y tế của toàn huyện chỉ có 1 trạm xá ở Lộ Bôi (Vĩnh Bình) cách xã non một buổi đi bộ, do một y tá phụ trách. Việc sinh đẻ của phụ nữ chỉ trông cậy ở các "bà mụ" (bà đỡ vườn).

Về giáo dục, trước Cách mạng Tháng Tám có các lớp học chữ nho do các thầy đồ trong làng tổ chức với bài học vờ

lòng "Nhân chi sơ, tính bản thiện"⁽¹⁾. Một số Nho sĩ có trình độ học vấn, đỗ đạt, giữ được phẩm chất, được mọi người quý trọng. Từ cuối những năm 30, thực dân Pháp không khuyến khích học chữ nho, mà khuyến khích học chữ quốc ngữ. Các lớp dạy chữ quốc ngữ được mở ra ở các thôn để dạy cho học sinh biết đọc, biết viết. Nền giáo dục dưới chế độ thuộc địa, phong kiến lệ thuộc vào chính sách cai trị của thực dân Pháp. Sáu làng cũ chỉ có một trường công sơ đẳng tiểu học, xây dựng bằng tranh, tre cạnh nhà hương bản Chánh (Tân Phong). Trường có 3 lớp: Đồng ấu (Enfantine), Dự bị (Préparatoire) và Sơ đẳng (Elémentaire). Người thầy giáo đầu tiên dạy trường này là Đặng Văn Dối (Hùng Nghĩa). Hầu hết lớp thanh niên có học trong xã đều là học trò của ông và phần lớn đã có bằng Sơ học yếu lược. Vì dạy học lâu năm nên khi nghỉ hưu, ông được Triều Nguyễn phong cửu phẩm văn giai.

Sau Cách mạng Tháng Tám, trường bị gió bão sập đổ, được dựng tạm lại, lấy tên là trường Gò Sim. Trường này đã đào tạo ra lớp người có trình độ văn hóa ban đầu, nhiều người về sau là cán bộ cách mạng. Một số người đi học tiếp ở trường huyện, trường tỉnh và các nơi khác để đạt trình độ trung học.

Nhìn chung, Phổ Phong trước Cách mạng Tháng Tám là một xã nông nghiệp với nền kinh tế tự túc, thương mại kém mở mang, thủ công nghiệp chưa phát triển, một xã nghèo, mức sống nhân dân rất thấp.

Nhân dân Phổ Phong từ bao đời sống dưới chế độ phong kiến, tiếp theo là chế độ thuộc địa nửa phong kiến của thực

(1) Người sinh ra vốn là tốt

dân Pháp. Các tầng lớp nhân dân lao động chịu cảnh nghèo nàn. Nhiều người dân quanh năm lao động nặng nhọc, nghỉ tay cuốc, tay cày, lại cầm rìu, rựa lên rừng nhưng không đủ ăn đủ mặc, đời sống thiếu thốn, ốm đau không có thuốc, chết non, chết yếu. Nhiều nhà phải cho con đi làm tôi tớ cho nhà giàu, dẫu dăm nghĩ đến việc cho con đi học, đành chịu dốt nát. Các tầng lớp nghèo khổ từ đời này sang đời khác, không được tham gia việc làng nước. Trong khi đó thì địa chủ, phú nông, những người có bằng sắc, chức tước như bát phẩm, cửu phẩm văn giai, cửu phẩm bá hộ và bọn thân Pháp... là lớp người có quyền thế.

Địa chủ và các nhà giàu có trong xã chiếm khoảng hơn 250 ha ruộng đất. Họ ở nhà cao cửa rộng, kín cổng cao tường, lớp người giàu càng làm giàu thêm bằng bóc lột tô, tức. Thủ đoạn làm giàu của địa chủ, phú nông còn là đầu cơ tích trữ. Ngày mùa họ trữ thóc lại, ngày thiếu ăn họ tha hồ bán giá cao (giá cất cổ), ai đói rách mặc ai, họ vẫn ung dung sống trên the lụa, khăn xếp, áo dài, giày hạ, dù đen, ăn tiêu thừa thãi. Họ cậy quyền, ý thế khinh rẻ nhân dân lao động. Địa chủ lớn nhất trong xã là Thượng Hiền, Chủ Cát ở làng Tân Hội. Thượng Hiền làm quan Thượng thư dưới triều vua Bảo Đại, vừa là quan lại thân Pháp, vừa là đại địa chủ giàu có nhất vùng; có nhiều vợ, nhiều con, ruộng đất có ở nhiều huyện trong tỉnh. Thượng Hiền còn có đồn điền ở Rạch Giá; riêng ruộng ở Phố Phong ông có đến 150 ha.

Giai cấp địa chủ dựa vào thế lực Pháp để áp bức, bóc lột nông dân. Vào năm Bảo Đại thứ 10, lúc Thượng Hiền về hưu, bọn Pháp dẫn lính khố xanh từ Đức Phổ về đàn áp nông dân làng Tân Hội, gây thương tích nhiều người và bắt

giảm 5 người, chỉ vì thiếu thóc không đủ nạp tô cho Thượng Hiền. Các con của Thượng Hiền đều sang Pháp học, họ trở thành "dân Tây", khi về nước có người quên cả tiếng mẹ đẻ.

Thực dân Pháp cấu kết với vua quan Nam triều, định ra các thứ thuế nặng nề, chồng chất lên đầu tầng lớp nhân dân nghèo khổ như, thuế thân (thuế người), thuế chợ, thuế thổ trạch (nhà vườn)... Trong các buổi lễ hội đình chùa, miếu võ, các dịp "xuân kỳ, thu tế", lớp người giàu có, lý hương bát dân chúng đóng góp lễ lộc. Họ tự giành cho mình địa vị an trên ngồi trước, còn lớp người nghèo khổ, thì chịu phần "vác búi thui trâu".

Trước cảnh "dân làm, tây cướp, vua ăn"⁽¹⁾ người dân Phổ Phong vô cùng căm phẫn để quốc phong kiến và họ luôn luôn chống đối chúng bằng nhiều cách.

Nếu như hai tỉnh Nam, Ngãi đã nổi tiếng là không khuất phục cường quyền "Quảng Nam hay cái, Quảng Ngãi hay cơ" thì nhân dân Phổ Phong đã tỏ rõ khí chất đó một cách nổi bật nhất. Bọn thống trị ở Quảng Ngãi phải nhận rằng dân vùng Tân Hội, Hùng Nghĩa là "cứng đầu" và "bất trị". Người lao động chống lại chế độ áp bức, bóc lột bằng hành động bỏ xâu, khất thuế, đòi bớt tô, có khi dùng cả dao, súng... Kẻ sĩ tỏ rõ khí tiết bằng cuộc sống ẩn dật, xem khinh công danh phú quý, dùng văn chương mỉa mai bọn quan lại dốt nát, nịnh hót Tây, và bọn địa chủ tham lam, bòn xén.

Với vị trí tiếp giáp núi rừng, Phổ Phong là địa bàn thuận lợi cho nhân dân trong cuộc đấu tranh chống áp bức, bóc lột, là nơi tụ nghĩa của các bậc hào kiệt, nơi khởi sự các hoạt động bí mật của các nhà cách mạng, là địa bàn quan

(1) Trích "Văn thơ yêu nước Quảng Ngãi" của Nguyễn Quang Mao.

trọng của chiến tranh nhân dân chống xâm lược.

Lịch sử còn ghi lại sự hưởng ứng của nhân dân Phổ Phong trong cuộc tiến quân của Tây Sơn ra phía bắc và rõ nhất là trong cuộc nổi dậy của nhân dân các dân tộc thiểu số ở miền tây Quảng Ngãi, chống lại chế độ cai trị tàn bạo của triều đình nhà Nguyễn. Từ ngày thực dân Pháp xâm lược nước ta, các hoạt động chống đế quốc, phong kiến của nhân dân trong xã và của các nhà cách mạng trong, ngoài tỉnh Quảng Ngãi trên đất Phổ Phong được ghi lại ngày càng đậm nét. Trong phong trào Cần Vương, nhân dân Phổ Phong đã tham gia và ủng hộ các cuộc khởi nghĩa chống Pháp trong tỉnh. Đất Tân Hội, Vạn Lý từng là địa bàn hoạt động của nghĩa binh. Trong phong trào Duy Tân, Phổ Phong là nơi mở các trường "Khai dân trí" của Đông Kinh Nghĩa Thục. Nhân dân Phổ Phong đã cùng với nhân dân toàn huyện Đức Phổ và huyện bạn đứng lên mạnh mẽ trong phong trào kháng thuế sôi sục trong toàn tỉnh. Song song với phong trào đấu tranh chính trị nổi lên trong từng thời kỳ, lúc sôi nổi, lúc âm ỉ, nhân dân Phổ Phong còn phối hợp với phong trào trong toàn huyện, toàn tỉnh, đấu tranh đòi các quyền lợi thiết thực như tự do khai thác dầu rái, lấy củi, lấy gỗ trên rừng, đòi giảm thuế, bớt tô v.v...

Trong phong trào yêu nước chống thực dân Pháp, trên đất Phổ Phong nổi lên các nhà yêu nước tiêu biểu: Nguyễn Tuyên, Trần Kha...

Cụ Nguyễn Tuyên (nhân dân thường gọi là Tú Tuyên, hay Tú Toán) sinh năm 1885, người làng Tân Hội, đầu tú tài đầu tiên trong làng. Nhà cụ và nhà của Thượng Hiền ở cạnh nhau. Cụ là người khí khái, khinh ghét thực dân Pháp và dám quan lại tay sai. Sau khi thi đỗ, được Nam triều mời

ra làm quan, cụ không đi, trả lời rằng: "Tôi tuy có học nhưng không biết làm quan". Cụ sống ở quê nhà, dạy chữ nho và làm thuốc bắc. Lòng yêu nước, đức tính khảng khái và cuộc sống thanh bạch của cụ ảnh hưởng đến lớp học trò và nhân dân trong làng. Cụ tham gia tích cực các phong trào Duy Tân, Đông Kinh Nghĩa Thục, "khất sầu", "cắt tóc" và là một nhà yêu nước có tiếng của đất Quảng Ngãi. Vì những hoạt động chống thực dân, phong kiến, cụ bị bọn thống trị kết án 9 năm tù, đầy đi Côn Đảo.

Cụ Tú Tuyên có một người học trò cũng là người cùng chí hướng và rất tâm đắc là Trần Kha. Chịu ảnh hưởng của tư tưởng và đạo đức của người thầy học, Trần Kha sớm có tinh thần yêu nước, tham gia cuộc khởi nghĩa năm 1916 do Nguyễn Du đứng đầu và là một chiến sĩ có nhiều công lao trong thời gian nghĩa quân hoạt động ở vùng Vạn Lý. Từ một người yêu nước tích cực, Trần Kha trở thành người Cộng sản, một trong những đảng viên đầu tiên và huyện ủy viên huyện ủy đầu tiên của huyện Đức Phổ, người Bí thư đầu tiên của Đảng bộ xã Phổ Phong.

Phổ Phong là nơi có những người con kiên cường, trọng nghĩa, có khí tiết, có một lịch sử đấu tranh liên tục và mạnh mẽ chống áp bức, bóc lột, nên khi cách mạng chuyển sang giai đoạn mới, Phổ Phong đã vinh dự là một trong những cái nôi của Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi.

CHƯƠNG II

SỰ THÀNH LẬP ĐẢNG BỘ ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM XÃ PHỖ PHONG VÀ CUỘC ĐẤU TRANH CỦA NHÂN DÂN PHỖ PHONG TỪ NĂM 1926 ĐẾN NGÀY TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM (1926 - 1945)

I/ SỰ THÀNH LẬP ĐẢNG BỘ XÃ PHỖ PHONG VÀ CAO TRÀO 1930- 1931

1/ Sự ra đời của Đảng bộ Phố Phong - Đồng chí Nguyễn Nghiêm, người tổ chức và chỉ đạo Đảng bộ trong những ngày thành lập.

Trước khi Đảng cộng sản Việt Nam ra đời, nhân dân ta trong cả nước liên tiếp đứng lên chống ách xâm lược của thực dân Pháp, nhưng các phong trào yêu nước đều bị đế quốc đàn áp, vì chưa có một đường lối chính trị đúng đắn dẫn đường.

Từ ngày cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga thành công, chủ nghĩa Mác - Lê nin, học thuyết cách mạng khoa học của thời đại đã được truyền bá rộng rãi trên thế giới. Người có công đưa chủ nghĩa Mác - Lê nin vào Việt Nam, kết hợp chủ nghĩa Mác - Lê nin với phong trào yêu nước của nhân dân ta, lập ra Đảng cộng sản Việt Nam, người lãnh đạo nhân dân ta đấu tranh tiến tới mục tiêu cao cả: Độc lập - Tự do



Hạnh phúc là đồng chí NGUYỄN ÁI QUỐC.

Sự ra đời của Đảng cộng sản Việt nam, tiếp theo là sự thành lập Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi là điều kiện tất yếu cho sự ra đời của Đảng bộ xã Phổ Phong.

Phổ Phong là một xã từ lâu đã có truyền thống đấu tranh chống áp bức, bóc lột. Đặc biệt có phong trào chống đế quốc và tay sai rất sôi nổi vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Vào những năm 20 của thế kỷ này, trong phong trào yêu nước ở Phổ Phong xuất hiện một số người có xu hướng tiến bộ. Họ liên hệ với những người cùng xu hướng trong tỉnh Quảng Ngãi và các nơi trong nước. Trong những người đó có: NGUYỄN NGHIÊM, TRẦN KHA, NGUYỄN SUYỀN... mà Nguyễn Nghiêm là người tiêu biểu.

Nguyễn Nghiêm là con nhà yêu nước Nguyễn Tuyên, anh sinh năm 1904, thuở thiếu thời Nguyễn Nghiêm đã tỏ ra có tư chất thông minh, ham hiểu biết và có những đức tính trung thực, hòa nhã, khiêm tốn. Khi cụ Nguyễn Tuyên bị đày đi Côn đảo, Nguyễn Nghiêm mới lên bốn. Dưới sự chăm sóc của người mẹ, yêu chồng thương con, trân trọng gia phong và tiết hạnh, Nguyễn Nghiêm đã trưởng thành. Anh học chữ nho, là một học trò giỏi, nhưng là người ham hiểu biết nên anh đã học cả chữ quốc ngữ, anh thích làm thơ phú. Khi cụ Tuyên trở về, sau 9 năm bị đày ở Côn Đảo, Nguyễn Nghiêm là người giúp cha trong công việc làm thuốc, thường cùng cha đi đây đó. Việc đi lại đã mở rộng tầm nhìn cho người thiếu niên. Nguyễn Nghiêm có những cuộc tiếp xúc riêng của mình với những bạn bè giàu nhiệt huyết và đi vào hoạt động cách mạng.

Cuối năm 1925, Nguyễn Nghiêm tham gia thành lập Công Ái xã. Sau khi Công Ái xã gia nhập Việt Nam Thanh niên



*1- Đồng chí Nguyễn Nghiêm (1904 - 1931) người làng
Tàu Phong, bí thư của tỉnh Đảng bộ Cộng sản Việt Nam đầu
tiên tỉnh Quảng Ngãi.*

Cách mạng Đồng chí hội (VNTNCMDCH), Nguyễn Nghiêm tham gia Ban lãnh đạo của tỉnh bộ thanh niên Quảng Ngãi. Hội nghị những người lãnh đạo của tỉnh bộ vào tháng 7/1929 họp tại núi Xương Rồng thông qua quyết định thành lập tổ chức "Dự bị Cộng sản" của tỉnh, cử ra bộ phận chuẩn bị thành lập Đảng bộ Đảng cộng sản tỉnh Quảng Ngãi, và cử đồng chí Nguyễn Nghiêm phụ trách bộ phận này.

Trong khi gánh vác trách nhiệm nặng nề đối với phong trào cách mạng toàn tỉnh, đồng chí Nguyễn Nghiêm rất quan tâm đến phong trào trong xã, trực tiếp chỉ đạo phong trào cách mạng xã từ những ngày hoạt động của VNTNCMDCH đến những ngày chỉ bộ Đảng đầu tiên của xã được thành lập.

Đầu năm 1927, với cương vị thành viên Ban lãnh đạo tỉnh bộ VNTNCMDCH, phụ trách huyện Đức Phổ, đồng chí Nguyễn Nghiêm có nhiệm vụ xây dựng tổ chức VNTNCMDCH trong toàn huyện. Trong khi hoạt động cho mục tiêu đó, vì nắm chắc được tình hình Phố Phong, đồng chí tranh thủ những điều kiện thuận lợi ở đây để sớm xây dựng tổ chức thanh niên trong xã.

Tổ chức VNTNCMDCH đầu tiên ở Phố Phong do đồng chí Nguyễn Nghiêm thành lập, có 4 hội viên: VÕ TRUNG (Van lý), HUỖNH LONG THÀNH, HUỖNH THIÊN THANH⁽¹⁾ (Tân Hội), NGUYỄN BÁ DIỄN⁽²⁾ (tức KHIẾT Gia An), thường gọi là Trung, Thành, Thanh, Khiết.

(1) Từ năm 1945 là Huỳnh Thuận

(2) Dưới thời Mỹ Ngạc Nguyễn Bá Diễn làm sai sai cho địch chống lại cách mạng

Sau đó, kết nạp thêm Trần Kha, Nguyễn Suyền, Trần Sang, Mai Thị (tức Phỉ) Huỳnh Toàn, Nguyễn Mương (Hùng Nghĩa), Trần Hy, Huỳnh Quyền (Huỳnh Cả) Tân Hội.

Cũng trong thời gian này, với sự hoạt động tích cực của đồng chí Nguyễn Nghiêm, tổ chức thanh niên được xây dựng ở nhiều xã và Ban chấp hành Huyện bộ Đức Phổ được thành lập.

Thực hiện chủ trương của tỉnh bộ VNTNCMDCH, hội viên thanh niên ở Tân Hội tổ chức các cuộc đấu tranh chống sưu cao thuế nặng, cường hào hách dịch, đòi mở trường học. Vào giữa năm 1927, phong trào lên mạnh, địa chủ và cường hào trong làng lo sợ, bọn Thượng Hiền, Chủ Cát mật báo tình hình trong xã với bọn thực dân Pháp ở Quảng Ngãi. Tháng 9/1927, tên công sứ Quảng Ngãi Paul Dligondod ra lệnh cho bọn tay sai dẫn lính về Tân Hội vây ráp, lùng bắt hội viên thanh niên, khủng bố nhân dân, nhưng các hội viên trong xã đều thoát được.

Trong các năm từ 1927- 1929, Tỉnh hội thanh niên Quảng Ngãi mở các lớp học cho hội viên và xuất bản tờ báo "Dân Cày" nhằm huấn luyện chính trị cho hội viên và quần chúng cách mạng. Các lớp huấn luyện và cơ sở in báo, truyền đơn đặt tại các làng Tân Hội, Hùng Nghĩa. Hội viên thanh niên và cơ sở của hội ở Phố Phong nhiệt tình giúp đỡ, bảo vệ các cơ quan và những cán bộ của Tỉnh hội hoạt động trong địa phương.

Để có tiền chi cho Hội hoạt động và phát triển, đồng chí Nguyễn Nghiêm đề nghị tổ chức thanh niên trong xã thực hiện chế độ thu nguyệt liêm (nguyệt phí) của hội viên. Mức đóng hàng tháng của hội viên là ba mươi đồng tiền (tức 10 đồng ăn ba, tương đương 0,008 đồng bạc Đông dương). Tổ

chức thanh niên còn vận động hội viên và những người cảm tình của hội đóng góp vào quỹ của cách mạng. Những người đóng góp là : Trần Kha 2 quang, (quang = 0,16 đồng Đông dương), Võ Khiết 2 quang, Nguyễn Bá Điện 1,4 quang, thầy Trần 1 quang, ông Hào Cang 3 quang. Ông Cang là thầy đồ đem cả số tiền đồng môn (tiền học trò thù lao thầy) thu được quyên vào quỹ. Số tiền quyên được này dùng làm vốn mở tiệm buôn tạp hóa ở Hùng Nghĩa (tại nhà Mai Thĩ) vừa làm tài chính, vừa làm trạm liên lạc cho Hội.

Nhu cầu về tài chính và liên lạc của Hội tăng lên, nên phải bán một phần tài sản của hàng Hùng Nghĩa, lấy tiền góp cho Hội mua một chiếc ô tô chở khách. Đồng chí Nguyễn Nghiêm cũng bán ruộng của gia đình và vận động đồng chí Trần Hàm (người Mộ Đức) cùng góp tiền mua chiếc ô tô này. Đồng chí Đồng Sĩ Tiến (tức Nhl) người làng Tân Hội được giao nhiệm vụ lái ô tô kiêm liên lạc của Hội.

Tháng 8/1929, bọn thực dân Pháp ở Quảng Ngãi tiến hành một vụ khủng bố nhằm phá tan tổ chức VNTNCMDCH trong tỉnh. Đồng chí Nguyễn Nghiêm thuộc số 22 cán bộ Hội trong đối tượng truy bắt của chúng. Nhưng do sự bố trí của tổ chức, đồng chí Huỳnh Toàn vào tù, đồng chí Nguyễn Nghiêm tiếp tục hoạt động.

VNTNCMDCH xã Ph. Phong đã hoàn thành sứ mệnh tổ chức, rèn luyện một lớp người yêu nước theo tư tưởng Mác - Lê nin trong xã, chuẩn bị cho việc thành lập Đảng bộ xã.

Ngày 3/2/1930, các Tổ chức cộng sản trong nước hợp nhất, thành lập Đảng cộng sản Việt Nam. Nguyễn Nghiêm khẩn trương tìm bắt liên lạc với Đảng, sau đó triệu tập cuộc hội nghị thành lập Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi. Đồng

chỉ được hội nghị bầu làm Bí thư tỉnh ủy lâm thời.

Cuối tháng 3/1930, sau khi hoàn thành việc xây dựng tổ chức Cộng sản đầu tiên và Tỉnh ủy đầu tiên của tỉnh Quảng Ngãi, với cương vị Bí thư tỉnh ủy, đồng chí Nguyễn Nghiêm trực tiếp chỉ đạo việc thành lập tổ chức Đảng ở huyện Đức Phổ.

Tháng 4/1930 một cuộc hội nghị tại nhà đồng chí Nguyễn Nghiêm, do đồng chí chủ trì. Chi bộ Cộng sản đầu tiên và Huyện ủy đầu tiên huyện Đức Phổ được thành lập. Đồng chí Nguyễn Suyền được bầu làm Bí thư huyện ủy, đồng chí Trần Kha, Huỳnh Quyền (Huỳnh Cáp) được bầu làm huyện ủy viên của huyện ủy đầu tiên huyện Đức Phổ. Bốn đồng chí quê ở Phố Phong được vinh dự đứng trong hàng ngũ 11 đảng viên đầu tiên của huyện Đức Phổ: Nguyễn Suyền, Trần Kha, Huỳnh Quyền (Huỳnh Cáp), Mai Thí.

Xã Phố Phong là nơi có cơ sở Đảng sớm nhất trong huyện Đức Phổ. Cũng trong tháng 4/1930 hội nghị thành lập chi bộ Đảng đầu tiên ở Phố Phong họp tại nhà đồng chí Nguyễn Nghiêm, đảng viên của chi bộ đầu tiên này gồm có các đồng chí: Trần Kha, Trần Hy, Nguyễn Suyền, Nguyễn Đức Liệu (sáu Khoa), Huỳnh Quyền, Nguyễn Hào, Nguyễn Chánh, Nguyễn Thị Văn, Nguyễn Giáo, Lưu Vây, Mai Xuân Thượng, Mai Thí, Trần Sang... Đồng chí Trần Kha được bầu làm Bí thư chi bộ. Phố Phong trước đây đã là nơi có cơ sở VNTNCMDCH sớm nhất, nay lại là nơi có cơ sở Đảng sớm nhất của tỉnh⁽¹⁾.

(1) Theo lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi trang 42



11. Đồng chí Huỳnh Thiên Thanh (tức Huỳnh Thanh)
người làng Tân Phong, là một trong bốn đồng chí Việt Nam
Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí hội do đồng chí Nguyễn
Nghiêm tổ chức năm 1927.

Đến đây, việc đưa tư tưởng Mác - Lê nin vào phong trào cách mạng ở Phổ Phong đạt được thắng lợi quyết định, nhân dân Phổ Phong có một tổ chức tiên phong dẫn dắt trong cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do; lịch sử Phổ Phong mở ra một thời kỳ mới.

2/ Cao trào cách mạng 1930-1931

Chi bộ Đảng Phổ Phong đã ra đời, Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi và Đảng bộ huyện Đức Phổ đã được thành lập, hệ thống lãnh đạo của Đảng từ tỉnh đến xã được thông suốt. Tỉnh ủy Quảng Ngãi và huyện ủy Đức Phổ đều đóng trong vùng Phổ Phong⁽¹⁾. Đó là điều kiện thuận lợi cho phong trào quần chúng ở đây vùng lên mạnh mẽ.

Sau khi chi bộ Tân Hội - Hùng Nghĩa ra đời, những đảng viên của chi bộ là những hạt nhân nằm trong các tổ chức quần chúng như "Nông hội đỏ", "Hội Ái hữu", Thanh niên Cộng sản đoàn. Đội Xích vệ v.v... Dưới sự lãnh đạo của chi bộ, các tổ chức quần chúng bắt đầu hoạt động tích cực. Chi bộ lãnh đạo tiến hành rải truyền đơn ở nhiều nơi trong xã và ngoài xã với số lượng 2 gánh. Truyền đơn được in ở các nơi bí mật như Trường Xuân, Vạn Lý, Hùng Nghĩa⁽²⁾, Gia Ngọc. Truyền đơn in những khẩu hiệu:

- Đả đảo đế quốc Pháp và Nam triều phong kiến!
- Việt nam độc lập, chính quyền về tay công nông binh!
- Giao nhà máy cho thợ thuyền, ruộng đất về tay dân cày!

(1) Sau khi Đảng bộ huyện Đức Phổ được thành lập, trạm liên lạc dời về nhà đồng chí Mai Thị (tức Phú) và cơ quan huyện ủy đặt trên mái đất trong nhà đồng chí Trần Khoa (Hùng Nghĩa).

(2) Tại nhà các đồng chí Trần Sang, Trần Khoa, Mai Xuân Thượng.

- Thực hiện nam nữ bình quyền!
- Miễn thuế đinh, thuế dò, thuế chợ, giảm thuế điền thổ!
- Hoàn nợ, hoàn xấu!
- Ủng hộ Liên bang Xô viết!

Thực hiện sự lãnh đạo của Tỉnh ủy và Huyện ủy, lần đầu tiên tại làng Tân Phong (Tân Hội) Hùng Nghĩa tổ chức lễ kỷ niệm ngày Quốc tế lao động 1 tháng 5 năm 1930. Tại đây, truyền đơn được rải khắp nơi và cờ đỏ búa liềm được treo trên các điểm cao, tung bay ra mắt nhân dân. Đồng chí Nguyễn Hoạt (Vinh Xuân) là người đầu tiên treo lá cờ búa liềm trên đỉnh núi Xương Rồng cao vút, sáu xã trong vùng và các xã lân cận đều nhìn thấy. Đồng chí Trần Bồi (Tế Biện Nhựt, Tân Phong) treo cờ tại Gò Lúa, hai đồng chí Bùi Liếng và Lưu Vây làm nhiệm vụ bảo vệ. Ảnh hưởng của Đảng bắt đầu lan rộng trong nhân dân, nhiều người nhiệt liệt hưởng ứng. Thanh niên là lực lượng tham gia treo cờ và rải truyền đơn hàng hải nhất, trong đó có Huỳnh Thúc (Gia An), Diến Thanh (Hiệp An). Nhiều người giấu cờ trong nhà.

Ngày 4 tháng 6 năm 1930, đại hội đại biểu lần thứ nhất của Tỉnh đảng bộ Quảng Ngãi họp tại làng Hùng Nghĩa. Các đảng viên và quần chúng tiến bộ được bố trí canh gác, nhiều lớp bên ngoài, giả làm người chăn vịt, chăn bò, cây cày... Tại đại hội này đồng chí Nguyễn Nghiêm được bầu làm Bí thư Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Tháng 9/1930, ảnh hưởng của Xô viết Nghệ Tĩnh vang dội trong cả nước. Thực dân Pháp đàn áp đẫm máu phong trào này, xử ủy Trung kỳ chỉ thị cho Đảng bộ các tỉnh, huyện tổ chức đợt đấu tranh biến cầm thù thành hành động để chín lửa với Xô viết Nghệ Tĩnh.

Thực hiện chủ trương của Xứ ủy, tỉnh ủy Quảng Ngãi tổ chức một cuộc đấu tranh rộng khắp trong cả tỉnh nhằm ủng hộ Xô viết Nghệ Tĩnh, đồng thời đưa phong trào tiến lên mạnh mẽ. Đầu tháng 10 năm 1930, Ban chấp hành lâm thời Đảng bộ huyện Đức Phổ họp ở Tân Hội có đồng chí Nguyễn Nghiễm tham gia. Hội nghị có hai nội dung: một là, quyết định chuyển BCH lâm thời của Đảng bộ huyện thành Ban chấp hành chính thức; hai là, thảo luận kế hoạch tổ chức cuộc biểu tình lớn trong toàn huyện. Các xã vùng Phố Phong được chọn làm nơi mở đầu cuộc biểu tình và các đồng chí Nguyễn Suyền, Trần Kha được cử vào Ban lãnh đạo cuộc biểu tình. Đồng chí Trần Kha, bí thư chi bộ trực tiếp phụ trách, cùng các đồng chí đảng viên trong chi bộ tiến hành đi sâu vận động quần chúng chuẩn bị lực lượng cho cuộc biểu tình. Đồng chí Trần Sang được phân công làm đội trưởng đội Xích vệ theo dõi bọn lý hương và khốmers khi cần thiết để bảo vệ cuộc biểu tình, bảo đảm bí mật và hiệp đồng tốt với các nơi trong huyện.

Để chuẩn bị cho cuộc biểu tình, trước đó 4 ngày, chi bộ cử cán bộ vào huyện lỵ Đức Phổ điều tra, nắm tình hình.

Vào nửa đêm ngày 7 rạng ngày 8 tháng 10 năm 1930, tại các làng Tân Hội, Hùng Nghĩa, Vạn Lý, Gia An, Vĩnh Xuân, Hiệp An từng đoàn người rầm rộ kéo về tập hợp tại ngã ba xóm Dền, sau đó kéo về cãm Cây Cầy (Trường Xuân) do đồng chí Long chỉ huy trưởng và đồng chí Hoạt chỉ huy phó. Đoàn người đến gốc cây đa dừng lại nghe đồng chí Nguyễn Nghiễm đứng trên hai chiếc trống chông lại để diễn thuyết. Sau đó, họ tiếp tục kéo vào Bích Chiếu, qua Eo Gió xuống gần trường Lộ Bàn (điểm tập kết cuối cùng của huyện). Tại đây, quần chúng tiếp tục nghe diễn thuyết, đợi giờ xuất phát.

Đoàn người biểu tình hàng ngũ chỉnh tề, tay cầm giáo mác, dây gậy và bành cờ, biểu ngữ trong tiếng hét, tiếng hô khẩu hiệu, tiếng trống mô vang dậy tiến về hướng huyện lỵ Đức Phổ. Lúc gần đến nơi, số người biểu tình lên đến 5.000 người, đồng chí Lê Long (Phổ Ninh), đồng chí Huỳnh Long Thụy (Tân Hội) phát cao cờ Đảng dẫn đầu đoàn người kéo vào huyện đường. Tên tri huyện Nguyễn Phan Lang và bộ hạ biết tin chạy trốn từ tối hôm trước. Đoàn người biểu tình đập phá bàn ghế, đốt tài liệu, tịch thu con dấu, phá cửa nhà lao giải thoát cho tù chính trị. Đến 7 giờ sáng ngày 8/10/1930 (tức ngày 17 tháng 8 Canh Ngọ) mới giải tán. Cuộc biểu tình lịch sử này đã được kể lại trong bài về "Núi gương Đức Phổ" mà nhiều người thuộc (Xem mục lục).

Lúc này, nhiều nơi trong tỉnh cũng nổi dậy biểu tình, bố trí lực lượng ở các ngã đường để chặn bắt bọn phản động chạy trốn, đồn cây rấp đường quốc lộ 1 từ Mộ Đức đến Đức Phổ. Phố Phong rấp đường 5a từ Thạch Trụ đi qua xã để hỗ trợ cho cuộc biểu tình.

Cuộc biểu tình vào huyện lỵ Đức Phổ đã cổ vũ tinh thần nhân dân toàn huyện. Phong trào nhân dân 3 thôn Tân Hội, Vạn Lý, Hùng Nghĩa dâng lên mạnh mẽ, làm cho bọn hào lý và nhà giàu như Thượng Hiền, Chủ Cát không dám hung hăng. Sau đó một ngày, bọn Pháp đưa lính lê dương, lính khố xanh về làng Tân Hội để đàn áp quần chúng, thu đốt truyền đơn. Nhưng nhân dân ở đây không hề sợ sệt. Chúng thu đốt xong những tờ truyền đơn này thì những tờ khác lại được rải ra càng nhiều hơn. Chẳng những phong trào cách mạng ở đây không bị dập tắt, mà còn lan rộng khắp các châu, huyện trong tỉnh và còn lan ra ngoài tỉnh như ở các vùng Tam Kỳ, Quế Sơn (Quảng Nam), Hoài Ân, An Khê,



*III- Đồng chí Trần Sang chỉ chỗ đồng chí in truyền đơn
tại góc vườn của đồng chí Trần Kha (Hùng Nghĩa).*

Tuy Phước (Bình Định)... Sau khi đàn áp đẫm máu phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh, đế quốc Pháp ra sức dập tắt phong trào cách mạng ở khắp nơi. Tại Tân Hội, Hùng Nghĩa và vùng lân cận, thực dân Pháp cùng với bọn lý hương lập ra đoàn phu, đoàn thập⁽¹⁾ canh; hồng cảnh mật và vây ráp, bắt bỏ những người công sản. Mật thám Pháp và tay sai ráo riết lùng bắt đồng chí Nguyễn Nghiêm, các đảng viên, quần chúng cốt cán của Đảng trong vùng này. Vào cuối năm 1930, những người cách mạng bị bắt gần hết. Các đồng chí Trần Kha, Nguyễn Suyền (Hùng Nghĩa) và phần lớn các đồng chí ở làng Tân Hội như: Trần Hy, Nguyễn Đức Liệu, Nguyễn Thị Văn, Huỳnh Quyền, Bùi Liếng, Nguyễn Giáo, Lưu Vây, Đồng Sĩ Tiến, Nguyễn Hào, Nguyễn Chánh... lần lượt bị bắt.

Những đồng chí bị bắt trên đây, bị thực dân Pháp kết án từ 2-15 năm tù và đày đi các nhà lao Quảng Ngãi, Buôn Ma Thuột và Lao Bảo. Tại nhà lao, các đồng chí cách mạng mặc dù bị tra tấn dã man, nhưng đều tỏ ra kiên cường bất khuất trước kẻ thù. Có người ra tù trở về hoạt động cách mạng, lại bị bắt lần thứ hai. Có những người chết tại nhà lao như đồng chí Trần Kha (Lao Bảo), Trần Hy (Buôn Ma Thuột), khi chết chân còn trong cùm... Tuyệt đại đa số các đồng chí đều giữ được khí tiết của người cộng sản.

Nhiều đồng chí tuy bị tù đày nhưng vẫn tin tưởng cách mạng sẽ thành công. Có đồng chí như Nguyễn Thị Văn luôn luôn khẳng khái chữi thẳng vào bọn cai ngục, không hề sợ sệt; có đồng chí vẫn ung dung làm thơ như Huỳnh Thanh.

(1) Đoàn phu: những người dân bị bắt buộc làm công việc tuân theo, canh gác trong làng xóm

Đoàn thập: cứ 10 người là "thập" đứng đầu có thập đoàn trưởng.

Tuy bị đàn áp khốc liệt nhưng phong trào quần chúng vẫn dâng cao trong toàn tỉnh Quảng Ngãi. Cuối tháng 12/1930, nổ ra cuộc biểu tình của nhân dân vùng phía bắc huyện Đức Phổ với hàng nghìn quần chúng tham gia. Quần chúng biểu tình tập trung ở Trà Cầu, rồi kéo đi tuần hành theo quốc lộ 1 vào đến Vinh Bình, họp mít tinh, nghe diễn thuyết, rồi giải tán.

Tháng 2/1931, một đợt đấu tranh mới lại nổ ra, lời cuốn nhân dân ở cả 3 vùng đông, bắc và tây huyện Đức Phổ.

Ngày 5 tháng 2 năm 1931 (tức 18 tháng chạp Tân Mùi) nhân dân vùng Phố Phong và lân cận dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy và Huyện ủy, đã tổ chức cuộc biểu tình, kéo về làng Tân Hội trưng trị các tên Chủ Cát, Cửu Đạt, Cai Ngoạn, Xã Ngổ. Cai Ngoạn bị giết, nhà của Chủ Cát, Cai Ngoạn và xã Ngổ bị đốt.

Sau khi đốt nhà Chủ Cát ít ngày, tại xóm Gò Chùa (Gia An) xảy ra vụ đốt nhà và giết Phở Bảy (Phở Siêu)⁽¹⁾. Phở Siêu thường cưỡi ngựa, đội nón chóp lông, có tên tay sai đắc lực là Trùm Nhiên, nổi tiếng hách dịch và gian ác, muốn đánh ai thì đánh, bất kể già trẻ, nhân dân trong vùng đều căm phẫn.

Phở Bảy là chú Nguyễn Bá Điện, hội viên thanh niên. Nhân khi Nguyễn Bá Điện đi tù, Phở Bảy cướp ruộng của gia đình Nguyễn Bá Điện. Trong làng có Nguyễn Trường vốn là người ở của Phở Bảy, có thù oán với Phở Bảy. Trong tình hình bọn cường hào khiếp sợ phong trào quần chúng, bà Cửu Hai, mẹ của Nguyễn Bá Điện, cùng với Nguyễn Trường

(1) Phở Bảy tên là Nguyễn Đăng Siêu, một tên phò táng đương thời tổng Phở Cầm

lập mưu giết Phó Bảy. Vào lúc nửa đêm, trong khi quần chúng cách mạng đang vây nhà Phó Bảy thì ba cha con ông Trưởng nổi lửa đốt nhà Phó Bảy. Lửa cháy nhà dưới, nhà cầu, Phó Bảy chạy vào nhà lớn chui trốn dưới bàn thờ, cha con Trưởng lại tưới dầu vào nhà lớn, lửa cháy bên trong nhà, buộc Phó Bảy bò ra, cha con Trưởng lôi Phó Bảy ra sân và dè xuống gốc cây xoài cắt cổ chết.

Sáng hôm sau, bọn Pháp đưa rất nhiều lính "Sơn đá" về làng khủng bố nhân dân. Chúng bắt ba cha con ông Trưởng dẫn đi. Sau vài tuần chúng kết án và đưa cả ba đi xử bắn tại cấm Tràm (Hiệp An), sau đó báo cho người nhà mang xác về chôn.

Thời kỳ này, tại Phổ Phong công tác tổ chức tiến hành tích cực, các tổ chức Đảng và quần chúng được củng cố và phát triển ra toàn vùng (6 thôn). Đã tổ chức đội Xích vệ 35 người (10 nữ, 25 nam) do Mai Xuân Thượng làm đội trưởng. Trần Sang phụ trách các thôn Tân Phong, Vạn Lý, Vĩnh Xuân; Huỳnh Khoáng phụ trách Hùng Nghĩa; Nguyễn Kiểng phụ trách công hội; Nguyễn Thị Đạt phụ trách phụ nữ. Nói chung, Chi bộ Đảng đã tổ chức, bố trí đảng viên và cốt cán phụ trách các mặt công tác.

Thời gian từ tháng 12/1930 đến tháng 3/1931, phong trào lên đến đỉnh cao, lực lượng cách mạng ở thế áp đảo, bọn cường hào, hương lý nằm im, một số đoàn phu, đoàn thập cũng tham gia rải truyền đơn cùng với lực lượng cách mạng, quần chúng được tự do.

Thực dân Pháp và bọn tay sai ở địa phương vô cùng hoảng sợ. Chúng ra sức dập tắt phong trào cách mạng, dùng nhiều thủ đoạn dã man khủng bố, đàn áp quần chúng, lùng bắt cán bộ, đảng viên. Nhiều người cách mạng trong tình lại tiếp

tục sa vào lưới giặc.

Tại Tân Hội, Hùng Nghĩa, những người còn lại phải tìm cách tạm lánh. Thực dân Pháp ráo riết lùng bắt đồng chí Nguyễn Nghiêm. Chúng đưa lính về làng Tân Hội đốt nhà của đồng chí. Lám nhà lại xong, chúng lại đốt, chúng đốt tất cả đến 3 lần. Giữa lúc đồng chí Nguyễn Nghiêm ngày đêm say sưa, không mệt mỏi, đi sát từng cơ sở để động viên phong trào, thì bọn thực dân Pháp khép dần vòng vây chung quanh đồng chí. Do Nguyễn Hòa khai báo và tên phản bội Nguyễn Đình (tức Chi) người làng Vạn Mỹ (Tư Nghĩa) phụ trách chi nhánh Quảng Hòa Tế (tiệm buôn) nên vào lúc 9 giờ 15 phút ngày 6/3/1931 (tức ngày 18 tháng Giêng Tân Mùi), địch cài trang cùng bọn phản bội đến nơi đồng chí Nguyễn Nghiêm ở. Thấy người của mình, đồng chí Nguyễn Nghiêm bước ra và rơi vào vòng vây của địch. Tại cấm Giám Tộ thuộc làng Nhu Năng (nay thuộc xã Nghĩa Hiệp) đồng chí Nguyễn Nghiêm bị giặc bắt. Sau khi đồng chí Nguyễn Nghiêm bị bắt, Tỉnh ủy họp bắt thường cử đồng chí Phan Thái Ất làm bí thư Tỉnh ủy.

Giặc Pháp bắt đồng chí Nguyễn Nghiêm đem về giam tại công đường Tuần vũ Nguyễn Bá Trác. Nghe tin này, nhân dân khắp nơi trong tỉnh, nhất là đảng viên, quần chúng cách mạng Phố Phong nơi quê hương đồng chí Nguyễn Nghiêm, sôi sục căm thù, định tổ chức cuộc biểu tình kéo ra Quảng Ngãi đòi thả đồng chí Nguyễn Nghiêm. Dịch biết được ý định đó, lập tức chuyển đồng chí sang nhà lao Quảng Ngãi. Tên Tuần vũ Nguyễn Bá Trác lúc đầu đến dụ dỗ để đồng chí Nguyễn Nghiêm đầu hàng. Nhưng đồng chí Nguyễn Nghiêm cự tuyệt và mắng vào mặt Trác: "Bọn bay là phường bán nước buôn dân". Trác mất mặt ra về, ton hót với tên



IV- Đồng chí Huỳnh Long Thành, người làng Tân Phong, là một trong bốn đồng chí Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí hội do đồng chí Nguyễn Nghiêm tổ chức năm 1927.

Công sứ để lập ngay Tòa án đưa Nguyễn Nghiêm ra xử, tên Nguyễn Bá Trắc trực tiếp làm chánh án. Chiếu theo Luật Gia Long, bọn chúng kết án "xử trảm, hêu đầu" đồng chí Nguyễn Nghiêm.

Trước đó mấy ngày, biết mình sẽ chết, đồng chí Nguyễn Nghiêm làm một bài thơ gửi ra cho đồng chí của mình nhan đề "Cuộc đời cách mạng" theo luật thất ngôn bát cú, trong đó có đoạn:

"Nơi gương kẻ trước thờ non nước,
Tiếp chí người sau rửa hận thù,
Lá cờ giai cấp bèn tay phát
Lưỡi kiếm anh hùng cố diêm tô.
Rồi đây bão táp vùi thây giặc,
Việt Nam độc lập đẹp muôn thu"⁽¹⁾

Trước khi đưa đồng chí Nguyễn Nghiêm ra pháp trường, đêm 22 tháng 4 năm 1931 (tức mùng 5 tháng 3 Tân Mùi) Nguyễn Bá Trắc sai dọn một bữa cơm đưa đến nhà giam để mời đồng chí Nguyễn Nghiêm ăn và hỏi: "Có nhán nhủ lại gì không?". Đồng chí không ăn, khẳng khái ứng khẩu đọc câu đối:

+ Trước Doan dương⁽²⁾ vài tháng, gần kỷ niệm⁽³⁾ mười ngày, rượu rót, đèn chông, gai mắt tiệc đưa phường đạo tặc.

+ Năm Nam, Ngải mộ: mối, gánh Bình, Phú đôi vai, gông đè, roi ép, nhức tai lời chúc lũ gia nô.

Hai câu đối chửi thẳng vào mặt quân bán nước và nói lên

(1) Theo lịch sử Đảng bộ Quảng Ngãi; trang 74

(2) Doan dương: Tết mùng 5 tháng 5 âm lịch.

(3) Kỷ niệm: Ngày lao động quốc tế 1/5 Dương lịch.

nổi lo toan của người lãnh đạo trước trách nhiệm nặng nề đối với phong trào 4 tỉnh miền Trung cho đến hơi thở cuối cùng.

Vào lúc nửa đêm, bọn cai ngục mang bản án hành quyết vào nhà lao đưa cho đồng chí Nguyễn Nghiêm xem, đồng chí không xem.

Sáng sớm ngày 23 tháng 4 năm 1931 (tức ngày mùng sáu tháng ba Tân Mùi), bọn thực dân Pháp và tay sai đưa đồng chí Nguyễn Nghiêm đi hành quyết.

Đúng 5 giờ sáng, cửa sắt nhà lao từ từ mở, đồng chí Nguyễn Nghiêm bước đi với hai tay bị trói, chân bị xích, giữa hai hàng lưới lẽ sáng. Đồng chí bình thân cất tiếng chào từ biệt đồng bào hai bên đường, đồng bào dõi theo người con trung kiên của quê hương mình. Trên pháp trường, tại bãi cát bờ nam sông Trà khúc, đồng chí Nguyễn Nghiêm vẫn hiên ngang, bất khuất, đồng dục lên tiếng vạch trần tội ác của đế quốc và tay sai, gật đầu chào đồng bào và hô to: "ĐẢNG CỘNG SẢN ĐỒNG DƯƠNG VẠN TUỆ", "CÁCH MẠNG VIỆT NAM NHẤT ĐỊNH THẮNG LỢI" trước lúc vĩnh biệt.⁽¹⁾

Sau khi đồng chí Nguyễn Nghiêm bị giết, Tỉnh ủy quyết định tổ chức đợt đấu tranh với nội dung: căm thù địch và truy điệu đồng chí Nguyễn Nghiêm. Trung ương Đảng cũng chỉ thị cho các nơi rải truyền đơn phản đối đế quốc Pháp sát hại đồng chí Nguyễn Nghiêm.

Chủ trương của Tỉnh ủy được tất cả các Đảng bộ trong toàn tỉnh nghiêm chỉnh thực hiện. Đêm 25/4/1931 băng cờ,

(1) Dịch thêm tới 13 nhát dao, đồng chí vẫn coi thường và luôn miệng chửi địch, hô khẩu hiệu cho tới khi đứt thở.

truyền đơn xuất hiện khắp nơi trong tỉnh. Truyền đơn in đậm khẩu hiệu: "Phản đối đế quốc Pháp giết hại đồng chí Nguyễn Nghiêm" cùng những khẩu hiệu chống khủng bố trắng, đòi bãi bỏ thuế thân, thuế đồ, thuế chợ...

Nhiều địa phương trong tỉnh tổ chức lễ truy điệu đồng chí Nguyễn Nghiêm, đặc biệt lễ truy điệu đồng chí Nguyễn Nghiêm bên bờ nam sông Trà Khúc có rất đông người dự. Bài diếu văn của tỉnh ủy Quảng Ngãi do đồng chí Trần Kinh Luân (Phổ Cường) viết, dài gần 550 chữ, trong đó có đoạn thơ:

... "Xác tuy chết, tinh thần không chết,
Chết: đi theo Các Mác - Lê Nin.
Người không còn, danh tiết vẫn còn
Còn: sống mãi với Trà giang, Bút linh".

Riêng ở quê hương đồng chí Nguyễn Nghiêm, Tỉnh ủy quyết định tổ chức lễ truy điệu vào đêm 1/5 tại núi Dầu (Hùng Nghĩa), có đại biểu tỉnh và nhân dân 6 thôn vùng Phổ Phong về dự. Nhiều nơi trong huyện cũng tổ chức lễ truy điệu như: Liên Chiểu, An Định, Văn Trường, An Thọ, Lộ Bàn, Tân Tự, Hải Môn, Nga Mân, Thanh Lâm...

Đồng chí Nguyễn Nghiêm mất đi, nhưng Đảng bộ Quảng Ngãi, đảng bộ mà đồng chí là người có công xây dựng và lãnh đạo, vẫn tiếp tục hoạt động.

Nhân dân Phổ Phong tự hào rằng, tại làng Tân Hội có gia đình cụ Tuyên đã sinh ra người con ưu tú, nhà cách mạng xuất sắc Nguyễn Nghiêm, người liệt sĩ mà đời đời nhân dân quê ta và khắp nơi sẽ còn ghi nhớ mãi. Lớp người đi sau nguyện noi gương vì nước vì dân, kế tục sự nghiệp mà đồng chí chưa hoàn thành.

Cuộc đấu tranh của quần chúng với nội dung tương nhớ đồng chí Nguyễn Nghiêm, lên án đế quốc Pháp và tay sai, vẫn tiếp diễn trong toàn tỉnh cho đến những ngày đầu tháng 5/1931, với những hình thức ngày càng mạnh liệt như biểu tình tuần hành, thị uy kéo vào thị trấn, bãi công, bãi thị, bãi khóa...

II/ CUỘC ĐẤU TRANH HỒI PHỤC PHONG TRÀO VÀ CAO TRÀO VẬN ĐỘNG DÂN CHỦ (1932-1939)

1/ Cuộc đấu tranh hồi phục phong trào (1932-1935)

Từ giữa năm 1931, phong trào cách mạng gặp khó khăn rất lớn. Trong huyện Đức Phổ, thực dân Pháp đưa lính khố xanh, khố đỏ, lê dương về đóng ở nhiều nơi. Chúng cùng với lính Bang tá, Đoàn phu, Đoàn thập được bọn lãnh giấy xanh chỉ điểm, sục vào các làng lùng bắt những người cộng sản còn tạm lánh trong dân chúng. Bọn chúng cấm không được tụ họp quá ba người (tùng tam, tụ ngũ), gia đình nào có gio chạp quá ba người phải được "làng" cho phép. Trong những cuộc lùng bắt cộng sản, nhiều khi chúng bắn chết ngay tại chỗ những người mà chúng nghi ngờ. Ở các làng vùng Phố Phong, ngoài bọn lính trong huyện Đức Phổ, bọn lính ở Mộ Đức cũng kéo về khủng bố, dân áp.

Trước sự khủng bố của địch, cũng như trong toàn tỉnh và trong huyện Đức Phổ, phong trào cách mạng vùng Phố Phong tạm thời lắng xuống. Hầu hết đảng viên và một số quần chúng cốt cán của Đảng bị bắt vào tù. Gia đình những người cách mạng bị giám sát chặt chẽ, chịu khó khăn về mọi mặt. Bọn phản động dựa vào lính tráng, mật thám và quan lại trời dấy trả thù những người cách mạng. Quần

chúng lo lắng bị quan. Tuy vậy, trong huyện và trong vùng Phố Phong vẫn còn một số đảng viên, quần chúng cốt cán của đảng không bị bắt và một số đồng chí bị án nhẹ từ đầu năm 1930 được thả về. Các đồng chí liên lạc với nhau, giữ mối liên hệ với quần chúng, tìm cách xây dựng lại tổ chức, khôi phục phong trào.

Đầu năm 1932, hội nghị thành lập lại huyện ủy Đức Phổ họp tại Hùng Nghĩa. Huyện ủy mới do đồng chí Huỳnh Toàn người làng Hùng Nghĩa làm bí thư. Tham gia huyện ủy còn có các đồng chí khác là người của Phố Phong: Huỳnh Thiên Thanh, Huỳnh Long Thành, Mai Thí, Nguyễn Thị Văn...

Nhờ sự hoạt động tích cực đầy gian khổ, hi sinh của các đồng chí trong Huyện ủy, tổ chức Đảng được củng cố, phong trào được duy trì, nên cuộc đấu tranh vẫn tiếp tục. Tại 2 làng Tân Hội và Hùng Nghĩa, các đảng viên cùng với quần chúng cốt cán họp mít tinh hưởng ứng cuộc đấu tranh của những người lao động làm đường xe lửa ngày 12/3/1930, tuần lễ kỷ niệm 3 nhà lãnh tụ quốc tế: Lê nin, Luých Xăm Bua và Liep Ních (3L), bắt đầu từ ngày 23/3/1932, và phổ biến tình hình, nhiệm vụ trước mắt của Đảng.

Cuộc khủng bố của địch vẫn tiếp tục. Huyện ủy mới lại bị vỡ. Nhưng nhờ sự nỗ lực của các đồng chí trong Đảng bộ nên đến tháng 6/1932 Huyện ủy lại được thành lập. Mặc dù đang giữa thời kỳ khủng bố trắng, nhiều cấp bộ Đảng ở các nơi trong tỉnh và trong cả nước bị địch phá vỡ, nhưng Đảng bộ Đức Phổ vẫn giữ được hệ thống tổ chức từ huyện đến cơ sở cho đến giữa năm 1935. Nhờ đó, phong trào trong huyện giữ được liên tục. Đảng bộ Đức Phổ đã góp phần vào việc xây dựng tổ chức Đảng, phục hồi phong trào cách mạng ở miền trung và nam Trung Kỳ.

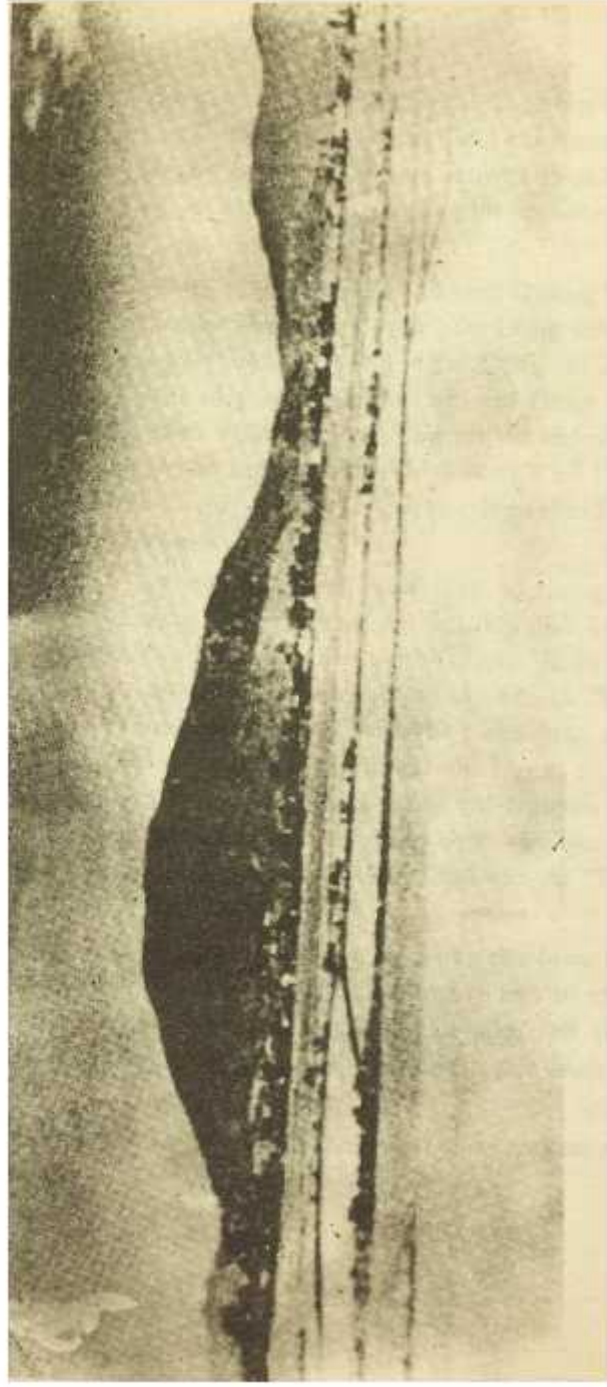
Thực hiện chủ trương của Huyện ủy, trong thời kỳ 1932-1935, các đồng chí đảng viên ở vùng Phố Phong đã chuyển hướng hoạt động với nội dung là, tập hợp và hướng dẫn quần chúng đấu tranh đòi những quyền lợi thiết thực về đời sống, nuôi dưỡng ý thức chính trị và niềm tin của quần chúng. Những hoạt động này đã đạt được kết quả tốt.

Kết quả giành được trong thời kỳ 1932-1935 tạo điều kiện cho Đảng bộ Phố Phong và quần chúng bước vào cao trào cách mạng sắp tới.

Vào giữa năm 1935, bọn thực dân Pháp ở Quảng Ngãi tiến hành một cuộc khủng bố lớn. Chúng bắt bớ hàng loạt đảng viên cốt cán và mở phiên tòa công khai tại trung tâm thị xã để xét xử. Chúng gọi đó là vụ án "Tái tổ Đảng cộng sản". Đảng bộ huyện Đức Phổ có 24 đồng chí bị án tù. Qua cuộc khủng bố này, một số đảng viên Cộng sản vùng Phố Phong bị bắt, nhưng các đồng chí còn lại vẫn tiếp tục hoạt động.

2/ Cao trào vận động dân chủ (1936-1939)

Năm 1936, Mặt trận bình dân Pháp giành được thắng lợi lớn trong cuộc đấu tranh nghị trường. Chính phủ Mặt trận bình dân lên cầm quyền, có sự thay đổi chính sách đối với thuộc địa. Thắng lợi của Mặt trận bình dân Pháp tạo điều kiện thuận lợi cho cách mạng Đông Dương. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Đông dương họp tháng 7/1936, nhận định tình hình thế giới và trong nước, đề ra chủ trương lập Mặt trận dân chủ nhằm, tập hợp mọi lực lượng dân chủ tiến bộ đấu tranh chống kẻ thù, mà chủ yếu là phát xít Pháp và bọn phản động thuộc địa, đòi hòa bình, dân chủ, cải thiện dân sinh, với các hình thức tổ chức và đấu tranh hợp pháp và nửa hợp pháp.



V- Núi Xương Rồng thuộc làng Tân Hội- địa điểm thành lập tổ chức "đội bị cộng sản" làm nhiệm vụ của Ban Văn động thành lập Đảng của Quảng Ngãi tháng 7-1929 là nơi trong hai nơi cấm là cờ Đảng năm 1930.

Đầu năm 1936, tỉnh ủy Quảng Ngãi được lập lại, sau đó huyện ủy Đức Phổ cũng hình thành, đồng chí Nguyễn Ty giữ trách nhiệm Bí thư huyện ủy. Từ đó Huyện ủy giữ được liên lạc với Tỉnh ủy và sớm tiếp thu đường lối vận động dân chủ của Đảng.

Tháng 12/1936, Mặt trận dân chủ tỉnh Quảng Ngãi được thành lập. Lúc này đồng chí Phạm Văn Đồng mãn hạn tù, định đưa về quản thúc tại Quảng Ngãi. Đồng chí Phạm Văn Đồng đã có một số ý kiến chỉ đạo đối với Đảng bộ Quảng Ngãi. Trong năm 1936, nhiều đồng chí tù chính trị được tha về, trong đó có một số đồng chí ở vùng Phố Phong như Huỳnh Long Thành, Huỳnh Quyền, Nguyễn Đức Liệu, Nguyễn Thị Văn.v.v...

Mở đầu thời kỳ này, trong toàn tỉnh và trong huyện ta có cuộc vận động Đông Dương đại hội, lấy chữ ký vào bản dân nguyện đưa lên nhà cầm quyền Pháp. Hiệu bản sách báo được mở tại thị xã Quảng Ngãi lấy tên là "Tín thành thư quán"⁽¹⁾ nhằm phổ biến sách báo của Mặt trận, vừa làm kinh tế, vừa làm trạm liên lạc của Đảng, do đồng chí Huỳnh Long Thành phụ trách, đồng chí Nguyễn Duy Phê đang còn tuổi thiếu niên cũng được chọn vào bản sách báo ở hiệu sách này. Tại thị trấn Đức Phổ còn có "Tín thành thư xã" của Mặt trận dân chủ.

Dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy trong các làng vùng Phố Phong, các đồng chí đảng viên đã lập ra các tổ chức quần chúng có tính chất nghề nghiệp, văn hóa, thể thao như: đoàn cây, đoàn cấy, nhóm đi củi, nhóm đọc sách báo, đội

(1) Tín là tên đồng chí Nguyễn Tín, Thành là tên đồng chí Huỳnh Long Thành.

đá bóng... để tập hợp quần chúng và hướng dẫn họ đấu tranh vì những quyền lợi dân sinh, dân chủ.

Ngày 1/3/1937 phái bộ chính phủ Mặt trận bình dân Pháp do Giút tanh Gôđa dẫn đầu sang Đông dương điều tra tình hình, đi qua Quảng Ngãi. Tỉnh ủy huy động một cuộc biểu tình với 3 vạn người tham gia, từ các huyện trong toàn tỉnh kéo về thị xã biểu dương lực lượng, dưới danh nghĩa đón tiếp phái bộ chính phủ Mặt trận bình dân Pháp. Tại các làng Tân Hội, Hùng Nghĩa, và vùng xung quanh, đông đảo quần chúng nhất là thanh niên nồng nhiệt tham gia biểu tình. Đoàn vùng Phố Phong có các đồng chí Huỳnh Danh, Trần Khách (Sê), Trần Sang, Huỳnh Long Thành, Mai Thỉ, Trần Tiến, Nguyễn Đức Liệu, Nguyễn Thị Vân, Nguyễn Thị Đạt, bà Nguyễn Nghiêm... Lý trưởng Tân Phong và lý trưởng trong vùng đứng về phía quần chúng, một số lý trưởng có mặt trong cuộc biểu tình⁽¹⁾.

Cụ Trần Kỳ Phong được cử làm đại diện tiếp xúc với Gô đa, đưa cho Gô đa bản kiến nghị với hàng vạn chữ ký của nhân dân. Trên đường Gô đa vào thị xã, quần chúng đứng chật đường, đưa cho Gô đa hàng nghìn bản kiến nghị với nội dung:

- Ủng hộ chính phủ Mặt trận bình dân Pháp, chống phát xít và phản động thuộc địa.
- Thả hết tù chính trị.
- Giúp đỡ công nông, cải thiện đời sống nhân dân.
- Bỏ thuế thân, giảm thuế điền.

(1) Báo cáo mật số 1175 ngày 11/7/1937 do Phó mật thám QN Bùi Trọng Lễ ký có đoạn viết: "Trong dịp Gô đa sang... lý trưởng làng Tân Phong cố bào chữa cho bọn đình nghị, còn các chức trách Hùng Nghĩa và vùng chung quanh cũng chẳng tốt đẹp gì hơn..."

- Tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do đi lại, hội họp.
- Ủng hộ phong trào cách mạng thuộc địa.

Nhờ sự lãnh đạo kiên quyết và khéo léo của Tỉnh ủy, bọn thực dân Pháp ở Quảng Ngãi buộc phải để cho cụ Trần Kỳ Phong, đại diện của nhân dân gặp Gô đa. Tất cả các bản kiến nghị của nhân dân trao trực tiếp cho Gô đa đều được tiếp nhận. Cuộc biểu tình lớn mở đầu thời kỳ vận động dân chủ giành thắng lợi, gây ảnh hưởng tốt trong toàn tỉnh.

Những người ở vùng Phố Phong đi đón phái bộ Gô đa về, đã kể lại với bà con những điều họ chứng kiến. Cuộc kể chuyện như một cuộc tuyên truyền bằng thực tế, người nghe phấn khởi và tin tưởng. Bọn Thượng Hiền, Cửu Đạt và bọn lý hương xấu vừa tức tối, vừa lo sợ, nhưng không dám phản ứng. Đa số lý hương có cảm tình với quần chúng cách mạng. Bọn thống trị ở Quảng Ngãi đã phải kêu lên là những người cộng sản ở Tân Hội và Hùng Nghĩa đã khống chế cả bộ máy hương lý trong làng⁽¹⁾.

Năm 1937, thực hiện chủ trương đấu tranh nghị trường, các đảng viên cộng sản đã vận động các nhân sĩ tiến bộ ủng hộ vào viện dân biểu Trung kỳ. Làng Tân Hội có ông Trần Thường(tức Cù Thường) trúng cử khóa 1937-1941.

Năm 1939, nhân ngày Quốc khánh nước Pháp 14/7, bọn thực dân tổ chức hội Chanh chung ở thị xã Quảng Ngãi. Chúng bày những trò chơi lạ mắt để lôi kéo nhiều người tham gia. Ở vùng 3 thôn Phố Phong, chi bộ đã bố trí một

(1) Công văn của phó mặt thám Quảng Ngãi ngày 11/6/1937 viết: "Tình trạng hiện nay là nhóm các tên Huỳnh Thanh, Huỳnh Long Thành, Huỳnh Út, Nguyễn Thị Vân, và đồng bọn khống chế một số... làm như vậy không thể tha thứ được. (Tài liệu lưu trữ tại tổ sưu tầm LSD Huyện ủy Đức Phổ).

số đảng viên và quần chúng cốt cán đi dự. Những người cộng sản đã chuẩn bị sẵn kế hoạch biến ngày hội của địch thành cuộc đấu tranh của quần chúng. Giữa lúc cuộc chơi đang nhộn nhịp thì cờ, băng, biểu ngữ được tung ra, đảng viên công sản lên diễn đàn, quần chúng hò reo, biểu lộ sự đồng tình.

Đây là cuộc đấu tranh có tiếng vang cuối cùng ở tỉnh Quảng Ngãi trong thời kỳ vận động dân chủ.

Thành quả của Đảng và nhân dân vùng Phố Phong đạt được trong thời kỳ 1932-1939 có ý nghĩa rất quan trọng. Uy tín của Đảng và tinh thần cách mạng của quần chúng đã giành được trong những năm 1930-1931, vẫn giữ vững, nuôi dưỡng và phát huy; làm cơ sở cho phong trào trong thời gian tới.

III/ CAO TRÀO VẬN ĐỘNG CỨU NƯỚC VÀ CUỘC KHÔI NGHĨA THÁNG TÁM NĂM 1945

1/ Tình hình những năm đầu của thời kỳ mới

Tháng 9/1939, đại chiến thế giới lần thứ hai bùng nổ, phát xít Nhật tràn vào nước ta. Thực dân Pháp ở Đông Dương từng bước đầu hàng Nhật. Nhân dân ta lâm vào cảnh "một cổ hai tròng", hai kẻ thù thi nhau đàn áp tàn bạo cách mạng nước ta, vét sạch của cải ta để cung cấp cho chiến tranh. Đế quốc Pháp thủ tiêu tất cả những quyền lợi nhân dân ta giành được trong thời kỳ Mặt trận dân chủ. Chúng vừa đàn áp, vừa lừa bịp quần chúng bằng những khẩu hiệu "Pháp Việt đề huề" "Cần lao, Gia đình, Tổ quốc". Ánh của Pê tanh, thống chế nước Pháp được chúng in ra

phát cho nhân dân. Bọn Nhật tuyên truyền rùm beng về "Khối Đại Đông Á", "Khối Thịnh vượng chung", "Nhật giúp Việt nam giành độc lập"... làm cho một số người có ảo tưởng đối với Nhật.

Từ cuối năm 1939, Trung ương Đảng đề ra chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược trong thời kỳ mới với nội dung: "Giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc; lập Mặt trận dân tộc thống nhất chống Pháp, Nhật, giành độc lập; chuẩn bị lực lượng chính trị và vũ trang, sẵn sàng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước...". Đường lối đó được hoàn chỉnh trong Hội nghị Trung ương lần thứ 8, tháng 5 năm 1941, do đồng chí Nguyễn Ái Quốc chủ trì.

Từ ngày bọn Nhật tràn vào Đông Dương, trên đất Quảng Ngãi bọn chúng đóng quân ở nhiều nơi, riêng ở huyện ta chúng đóng ở thị trấn Đức Phổ và Sa Huỳnh. Chúng lập ra tổ chức Liên đoàn, chuyên mua đậu phụng với giá an cướp. Bọn Pháp thì bắt lính, bắt sưu, trưng dụng xe cộ. Ách đế quốc, phát xít và gánh nặng chiến tranh làm cho đời sống nhân dân ta rất cơ cực về vật chất và tinh thần, sự hoạt động của Đảng gặp nhiều khó khăn.

Trong những năm 1940 - 1942, cơ quan lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi bị địch đánh phá. Huyện ủy Đức Phổ chưa lập lại được. Các đồng chí đảng viên còn lại ở các làng thiếu sự chỉ đạo của cấp trên, chưa được tập hợp lại trong tổ chức và cũng chưa nắm được đường lối của Đảng trong giai đoạn mới. Ở các làng vùng Phố Phong, tổ chức Đảng bị phá vỡ. Cuối năm 1939 các đồng chí Huỳnh Quyền (Cá), Huỳnh A bị bắt vào tù. Đồng chí Nguyễn Duy Phê di sống ở làng Văn Trường vừa làm ăn vừa liên hệ với các đồng chí đảng viên còn lại ở quanh vùng. Một số đồng chí ở Tân

Hồi, Hùng Nghĩa không bị bắt, nhưng vì mất liên lạc với cấp trên nên không hoạt động được. Tình hình này kéo dài cho đến cuối năm 1943 khi tỉnh ủy lâm thời Quảng Ngãi thành lập. Để đưa những tù chính trị đã mãn hạn ở các nhà lao Côn Đảo, Buôn Ma Thuột... về quân thức, nhằm cổ lập các chiến sĩ cách mạng với phong trào đấu tranh của quần chúng, đế quốc Pháp lập ra cảng an trí Ba Tư, lúc đầu dịch đưa đồng chí Nguyễn Đôn từ Di Lãng sang cảng an trí Ba Tư. Tháng 4/1942, dịch đưa về thêm đồng chí Huỳnh Tấn, vừa mãn hạn tù từ lao Buôn Ma Thuột. Tại đây, đồng chí Huỳnh Tấn, Nguyễn Đôn và một số đồng chí khác lập ra Ủy ban vận động cách mạng (UBVDCM) với mục đích làm trung tâm cho phong trào cách mạng trong tỉnh. Vì lực lượng còn thiếu nên hoạt động của UBVDCM chưa rộng. Giữa năm 1943, một số đồng chí nữa dịch đưa từ Buôn Ma Thuột về Ba Tư. Các đồng chí mới về đã nắm vững đường lối của Trung ương và có cả văn bản các Nghị quyết TW. Có lực lượng cán bộ đông, quán triệt được đường lối của Đảng, các đồng chí ở Ba Tư đã lập ra Tỉnh ủy lâm thời do đồng chí Huỳnh Tấn làm Bí thư và lập ra Ủy ban vận động cứu quốc (UBVDCQ) thay cho UBVDCM. Từ đây, hoạt động của Đảng trong toàn tỉnh chuyển lên một bước mới. Đường lối cách mạng của Đảng được truyền đạt ngày càng sâu rộng trong đảng viên và quần chúng trong toàn tỉnh. Tỉnh ủy và UBVDCQ tỉnh tìm bắt liên lạc với các đồng chí đảng viên còn đang hoạt động rời rạc trong cả tỉnh; xây dựng các UBVDCQ địa phương, phổ biến đường lối của Đảng xuống tới huyện và cơ sở. Giữa năm 1943, UBVDCQ Đức Phổ được thành lập, tham gia UB có các đồng chí: Trần Lâm, Huỳnh Tư (Phổ Văn) Nguyễn Duy Phê, Huỳnh A (Phổ Phong), Châu Hàng (Phổ Cường) Nguyễn Đức Nhân (Phổ An). Đồng chí Trần Lâm là

trường ban. Vùng Vạn Lý, Tân Phong, Hùng Nghĩa, Hiệp An, dọc đường 5a là cửa ngõ của Ba Tơ. Các đồng chí lãnh đạo của UBVDCQ tỉnh đóng ở Ba Tơ như: Nguyễn Đôn, Huỳnh Tấn, Phạm Kiệt liên lạc với đồng bằng đều qua cửa ngõ này. Do đó, các cơ sở cách mạng trên đường dây liên lạc sớm được hình thành và UBVDCQ vùng Phổ Phong được thành lập ngay từ giữa năm 1943.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, cùng với một số nơi trong tỉnh, UBVDCQ Đức Phổ tổ chức cuộc rải truyền đơn, treo cờ để cổ động cho đường lối của Mặt trận Việt Minh. Đêm 16 rạng ngày 17/7/1943, cờ Đảng, cờ Việt Minh, truyền đơn của UBVDCQ xuất hiện ở một số nơi trong huyện. Cờ được treo cao trên núi Xương Rồng. Sau cuộc treo cờ, rải truyền đơn, nhiều đồng chí trong tỉnh bị bắt, nhưng cơ sở cách mạng ở vùng Phổ Phong ít bị thiệt hại trong cuộc khủng bố này. Cuối năm 1943, các chi bộ Đảng ở Đức Phổ lần lượt thành lập, trong đó chi bộ Văn Trường do đồng chí Trần Lãm làm Bí thư, đồng chí Nguyễn Duy Phê sinh hoạt trong chi bộ này. Tháng 8/1944 chi bộ Tân Phong - Hùng Nghĩa được thành lập gồm có các đồng chí Huỳnh A, Huỳnh Quyền (tức Cá), Nguyễn Duy Phê, Trần Sê. Đồng chí Nguyễn Duy Phê được bầu làm bí thư, đồng chí Trần Sê làm phó bí thư.

Tháng 12/1944, hội nghị đảng viên toàn huyện họp tại An Thổ (Phổ An) để kiểm điểm công tác xây dựng Đảng và sự hoạt động của UBVDCQ. Hội nghị quyết định thành lập Ban chấp hành Đảng bộ huyện Đức Phổ. Chuyển một số đồng chí chủ chốt trong UBVDCQ huyện sang thành lập Huyện ủy lâm thời. BCH Đảng bộ huyện gồm có các đồng chí: Trần Lãm, Nguyễn Thoàng, Huỳnh Tư (Phổ Văn),

Nguyễn Đức Nhuận (Phổ An) và Nguyễn Duy Phé (Phổ Phong), do đồng chí Trần Lâm làm bí thư.

Ngày 9/3/1945, Nhật đảo chính Pháp. Ở Quảng Ngãi nhiều tên Pháp bị Nhật bắt, một số chạy trốn. Ta bắt một số tên Pháp, tước súng đạn và ta cũng thu được một số súng đạn của lính bảo an rã ngũ.

Tranh thủ thời cơ thuận lợi, căn nhắc các phương án, đã dự kiến, Tỉnh ủy quyết định tiến hành khởi nghĩa ở Ba Tơ. Đêm 11 rạng ngày 12/3/1945, cuộc khởi nghĩa ở Ba Tơ nổ ra và kết thúc thắng lợi. Sau khi tổ chức cuộc mít tinh lớn tại huyện lỵ Ba Tơ và vũ trang tuần hành ở vùng chung quanh, ta phát động tư tưởng quần chúng, chia tài sản tịch thu của địch cho nhân dân ta, để lại một lực lượng cán bộ làm công tác vận động quần chúng, chuẩn bị khởi nghĩa trong toàn huyện. Các đồng chí lãnh đạo khởi nghĩa đưa lực lượng vũ trang lên căn cứ Cao Muôn thành lập đội du kích Ba Tơ.

Tin về cuộc khởi nghĩa Ba Tơ lan nhanh về đồng bằng. Ở vùng Phổ Phong, dọc đường 5a, từ Vạn Lý đi Thạch Trụ, nhân dân truyền tin nhau sự kiện gây chấn động vừa xảy ra ở Ba Tơ.

Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Ba Tơ và sự ra đời của Đội du kích Ba Tơ, đã thúc đẩy mạnh mẽ và tạo điều kiện thuận lợi cho tất cả các mặt tuyên truyền, cổ động quần chúng, xây dựng các tổ chức chính trị và vũ trang, chuẩn bị về hậu cần cho lực lượng vũ trang nhằm chuẩn bị tổng khởi nghĩa trong toàn tỉnh. Việc gấp rút chuẩn bị khởi nghĩa đòi hỏi tăng cường mạnh mẽ hơn nữa vai trò lãnh đạo của Đảng.

Ngày 19/4/1945, đồng chí Trương Quang Giao, bí thư tỉnh ủy về Tân Phong dự cuộc họp của Chi bộ. Tại cuộc họp có



*VI- Nhà trưng bày về đời hoạt động của đồng chí Nguyễn
Nghiêm, bí thư đầu tiên của tỉnh Đảng bộ Cộng sản tỉnh
Quảng Ngãi năm 1930. (Tại vườn cũ nơi sinh của đồng chí
Nguyễn Nghiê).*

mật các đồng chí Nguyễn Duy Phê, Huỳnh Quyền (Huỳnh Cà), Huỳnh A, Trần Sơ. Đồng chí Trương Quang Giao tuyên bố công nhân chi bộ Tân Phong là chi bộ chính thức và tất cả đảng viên của chi bộ đều được công nhận là đảng viên chính thức. Đồng chí Nguyễn Duy Phê được công nhận là bí thư chi bộ. Một thời gian sau, đồng chí Nguyễn Duy Phê được bổ sung vào Tỉnh ủy và đi nhận công tác ở Đại đội Hoàng Hoa Thám của Đội du kích Ba Tơ. Đồng chí Trần Sơ giữ trách nhiệm bí thư chi bộ.

Từ tháng 4/1945, công tác chuẩn bị khởi nghĩa tiến triển với một tốc độ nhanh chóng. Một nhiệm vụ rất lớn của Đảng bộ và nhân dân vùng Phố Phong trong thời kỳ chuẩn bị khởi nghĩa là, giúp đỡ Đội du kích Ba Tơ từ ngày Đội ra đời, nhất là từ khi Đội chuyển về chiến khu Núi Lớn. Vùng Phố Phong có nhiều người làm nghề lấy dầu rái rất thông thuộc địa hình Núi Lớn. Chi bộ đã vận động và bố trí họ giúp đỡ được rất nhiều việc cho đội du kích Ba Tơ trong thời gian đóng quân. Các ông Lưu Vây, Bùi Liếng, Nguyễn Kiếng, Mai Lộc (tức Rèm)... làm nhiệm vụ liên lạc, dẫn đường. Riêng ông Vây và ông Liếng có công lớn trong việc tìm và đề xuất địa điểm của chiến khu Núi Lớn. Nhiều người khác làm nhiệm vụ tiếp tế lương thực, thực phẩm, sắt thép và canh gác.

Ủy ban vận động cứu quốc Phố Phong đã bí mật vận động quyên góp gạo, thực phẩm, quần áo, thuốc men, tiền bạc để tiếp tế cho chiến khu. Chi bộ giao cho bà Nguyễn Nghiêm và bà Nguyễn Thị Đạt (Bà Cá) lo nhiệm vụ này. Hai bà đã vận động quyên góp ủng hộ Đội du kích Ba Tơ được 2.100 đồng bạc Đông Dương và hàng tấn gạo, thực phẩm. Mỗi khi chiến khu thiếu gạo, thiếu mắm, muối, được ông Vây hoặc anh em về báo, đều giải quyết kịp thời. Các

bà đóng gạo nhà mình nếu gạo đóng góp của nhân dân chưa thu được. Các ông Nguyễn Mưu (Vinh Xuân) và Phan Lê (Tân Phong) đã góp nhiều lương thực gửi lên chiến khu. Bà Nguyễn Nghiêm nhân danh Phụ nữ xã Mỹ An (tên thật của xã Tân Phong) viết thư thăm và động viên các chiến sĩ du kích, gửi đi cùng lương thực, mắm, muối.

Việc xây dựng các tổ chức cứu quốc và lực lượng vũ trang trong xã cũng tiến triển nhanh chóng và thuận lợi.

- Hội nông dân cứu quốc: Thành lập tại nhà ông Huỳnh A (Tân Phong), BCH lâm thời gồm có: Huỳnh Danh, Huỳnh Dê, ông Trần, Nguyễn Xuân Đình, Trần Quán, Trần Sẻ... do đồng chí Trần Sẻ làm bí thư, với 3 tiểu tổ ở 3 thôn Tân Phong, Hùng Nghĩa và Vinh Xuân.

- Đoàn thanh niên cứu quốc: BCH lâm thời có: Nguyễn Trục, Huỳnh Hữu Thanh...

- Đồng chí Nguyễn thị Nga (con đồng chí Nguyễn Nghiêm) làm thư ký hội phụ nữ cứu quốc tổng Phố Cầm.

Đồng chí Nguyễn Thị Diệp (con thứ hai của đồng chí Nguyễn Nghiêm) được bầu làm bí thư Ban chấp hành lâm thời Hội phụ nữ cứu quốc Tổng.

Ban chấp hành phụ nữ xã: do Ban chấp hành phụ nữ tổng đứng ra thành lập, bà Nguyễn Nghiêm được bầu làm bí thư, bà Nguyễn Thị Đạt là phó bí thư.

- Mặt trận Việt Minh: do đồng chí Huỳnh Danh làm chủ nhiệm, Trần Sẻ phó chủ nhiệm, Nguyễn Trục thư ký, các ủy viên có: Trần Ngọc Thanh (Lộc), Huỳnh Quyền (Cà), Nguyễn Xuân Đình.

Về xây dựng lực lượng vũ trang: Đến tháng 6/1945, trong 4 thôn vùng Phố Phong đã có 15 đội viên du kích. Các đội

viên được luyện tập quân sự theo một chương trình huấn luyện cấp tốc. Huấn luyện viên do Đội du kích Ba Tư cử về. Chương trình huấn luyện có các môn: cón, kiếm, súng. Địa điểm tập luyện lúc đầu phải đặt trong nhà. Nhà các ông Phạm Phẩm (Hùng Nghĩa) ông Huỳnh A (Tân Phong) là nơi tập luyện của du kích các thôn. Anh Nguyễn Xuân Mỹ là người khéo tay được phân công đeo súng giả dùng trong luyện tập. Các đồng chí đảng viên và thanh niên nông cốt trong du kích các thôn vùng Phổ Phong là: Mai Nga, Trần Hoàng, Nguyễn Tá, Mai Rèm, Trần Lộc, Đồng Ngọc Hoàng... Một số trong các đồng chí trên trở thành chiến sĩ của Đội du kích Ba Tư.

Lúc này phong trào quần chúng lên cao và tình hình khách quan có lợi cho Việt Minh, bọn phản động co lại, không dám chống phá cách mạng. Tuy vậy, vẫn có một số tên ngoan cố bám gót phát xít Nhật, một vài phần tử cơ hội mong dựa vào Nhật để mưu danh lợi và một số người mơ hồ bị chúng lôi kéo. Bọn phản động trong đạo Cao Đài có âm mưu chống lại Việt Minh; bọn thanh niên Phan Anh rủ rờ thanh niên tập võ nghệ để tranh dành ảnh hưởng với Việt Minh. Một số lý hương xấu theo dõi, rình rập những đêm tập luyện quân sự của du kích để trình báo với bọn mật thám và quan nha. Nhưng tình hình khách quan không có lợi cho chúng, công tác tuyên truyền của Việt Minh đã vạch trần tính chất phi nghĩa của họ. Việt Minh còn vận động được nhiều người thuộc các tầng lớp trên và giới lý hương đứng về phía cách mạng. Lý trưởng các làng Hùng Nghĩa, Vĩnh Xuân không bắt dân nộp thuế và không nộp tiền thuế đã thu lên trên.

Trong khi nhân dân ta chạy đua với thời gian, chuẩn bị lực lượng cho cuộc khởi nghĩa thì tình hình thế giới và trong

nước diễn biến có thuận lợi cho ta. Ở châu Âu, phát xít Đức đầu hàng. Ở Châu Á phát xít Nhật liên tiếp thất bại. Công cuộc chuẩn bị khởi nghĩa ngày càng sôi nổi trên khắp nước ta, căn cứ địa Cao - Bắc - Lạng ngày càng được mở rộng và củng cố.

Công cuộc chuẩn bị tổng khởi nghĩa của nhân dân vùng Phố Phong bắt đầu từ khoảng giữa năm 1944, đến tháng 7/1945 đã đạt được những kết quả tốt đẹp. Nhân dân trong toàn huyện Đức Phổ và trong vùng Phố Phong nói riêng đã sẵn sàng đứng lên giành lấy chính quyền.

2/ Cuộc khởi nghĩa tháng 8/1945 ở Phố Phong:

Trưa ngày 14/8/1945 được tin phát xít Nhật tuyên bố đầu hàng đồng minh, tỉnh ủy Quảng Ngãi họp thông qua chủ trương phát động khởi nghĩa trong toàn tỉnh và thành lập Ban lãnh đạo khởi nghĩa do đồng chí Trương Quang Giao, Bí thư Tỉnh ủy đứng đầu. 15 giờ ngày 14/8/1945 đồng chí Võ Xuân Hựu, tỉnh ủy viên về Tân Phong truyền đạt mệnh lệnh và kế hoạch khởi nghĩa. Đồng chí Huỳnh A và đồng chí Huỳnh Danh tiếp thu mệnh lệnh và triển khai thực hiện.

16 giờ ngày 14/8/1945 tiếng trống vang lên từ làng Thị Phố Nhất, nơi đóng cơ quan tỉnh ủy Quảng Ngãi truyền đi hiệu lệnh khởi nghĩa cho cả tỉnh. Theo quy định, khi nghe tiếng trống, mỗi địa phương có trách nhiệm chấp hành lệnh khởi nghĩa trong địa phương mình. Đồng thời, đánh trống chuyển tiếp lệnh khởi nghĩa ra chung quanh.

Tại Tân Phong, trống lười liềm chiều hôm vừa sáng tỏ. Từ Gò Sim nổi lên những tiếng trống, chiêng, tù và.... Đồng bào già, trẻ, gái, trai hăng hái mang dao, mác, dây gậy...

đổ ra đường mỗi lúc một đông, hợp thành đoàn quân chính trị tràn đầy khí thế kéo đi biểu tình thị uy trong làng. Trong khi đó, Ban lãnh đạo khởi nghĩa đã bố trí lực lượng du kích tìm bắt bọn chống đối cách mạng trong xã. Hầu hết bọn phản động cường hào trong xã chạy trốn. Một số tên ngoan cố lạc lõng rình mò, bài xích hoặc đóng bờ khán đen, áo dài, sửa soạn đi báo Quan huyện. Nhưng tất cả đều bị du kích, tự vệ bắt giữ và khống chế ngay tại chỗ trước khi chúng hành động.

Sáng 15/8/1945, toàn xã tổ chức cuộc biểu tình, mít tinh, đông chưa từng có, tại sân vận động Tân Phong để mừng thắng lợi cuộc khởi nghĩa giành chính quyền. Ngoài nhân dân 6 thôn trong vùng, còn có các thôn lân cận như Bích Chiêu, Nhơn Phước, cũng đến đây tham gia cuộc mít tinh. Sau khi nghe đồng chí đại diện ủy ban khởi nghĩa nói chuyện từng đoàn người của các thôn với cờ đỏ sao vàng, băng khẩu hiệu kéo đi tuần hành thị uy, tư thế chỉnh tề, trật tự. Cuộc mít tinh chia ra nhiều đoàn tuần hành đi các hướng: vào Vĩnh Xuân, ra Gia An, Hiệp An lên Hùng Nghĩa, Vạn Lý. Tất cả các đoàn sau đó lại trở về sân vận động họp mít tinh nghe diễn thuyết. Quần chúng hô to các khẩu hiệu: Đánh đổ phát xít Nhật, tẩy sạch thực dân Pháp ở Đông Dương; ủng hộ Đội du kích Ba Tơ; tiêu trừ bọn Việt gian phản quốc. Trên sân vận động là một rừng cờ đỏ sao vàng bay phất phới, chen lẫn nhiều tấm băng đủ các màu ghi đậm những dòng chữ mới, nổi lên trên làn sóng người tràn ngập. Kết thúc thắng lợi cuộc biểu dương lực lượng, đoàn người giữ nguyên hàng ngũ trở về các thôn, khoảng 11-12 giờ trưa mọi người mới đến nhà.

Chỉ trong đêm 14 và ngày 15/8/1945 (tức mùng tám tháng

bảy năm Ất Dậu) toàn huyện Đức Phổ đã hoàn thành việc cướp chính quyền, kể cả huyện lỵ.

Trong những ngày này, nhân dân 6 thôn trong xã Phổ Phong vui như ngày hội lớn, mọi hoạt động đều khẩn trương nhưng có tổ chức và kỷ luật. Khi nghe tiếng trống tập trung, mọi người dù đang sản xuất ngoài đồng, hay đang làm lụng ở đâu cũng đều dừng tay, lập tức đến nơi qui định để nghe phổ biến công việc phải làm. Một ngày hạ tuần tháng 8, nhân dân Phổ Phong kéo về thị trấn Đức Phổ, dự cuộc mít tinh đông chưa từng có của nhân dân toàn huyện để chào mừng Ủy ban hành chánh lâm thời huyện Đức Phổ, do đồng chí Võ Tông làm chủ tịch.

Trong những ngày đầu cuộc khởi nghĩa, mặc dầu quân đội Nhật đã đầu hàng đồng minh, nhưng bọn Nhật đóng ở Quảng Ngãi chưa chịu công nhận chính quyền của nhân dân. Do đó, sau khi đã giành được chính quyền ta còn phải tiếp tục chiến đấu với quân Nhật.

Cùng với Đội du kích Ba Tư, là lực lượng giữ vai trò nòng cốt, đông đảo lực lượng du kích các làng ở nhiều nơi trong tỉnh và ngay trong huyện ta đã chặn được nhiều hành động ngang ngược của bọn Nhật xâm phạm chủ quyền quốc gia, tính mệnh và tài sản của nhân dân ta. Trong cuộc chiến đấu này của toàn tỉnh, du kích và nhân dân vùng Phổ Phong đã có lần chạm trán với Nhật trên đường số 5a.

Cách mạng Tháng Tám thành công là một thắng lợi lịch sử của dân tộc Việt Nam do Đảng cộng sản lãnh đạo. Với thắng lợi này, dân tộc ta chuyển sang một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên của độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội. Từ đây Đảng bộ và nhân dân Phổ Phong bước vào một thời kỳ mới trong lịch sử đấu tranh của mình.

CHƯƠNG III

CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC

I/ VỪA XÂY DỰNG CƠ SỞ MÔI - VỪA KHẨN TRƯỞNG CHUẨN BỊ KHÁNG CHIẾN (1945-1948)

Sáng 30 tháng 8 năm 1945 (tức 23 tháng 7 năm Ất Dậu), một cuộc biểu tình lịch sử được tổ chức để mừng thắng lợi giành chính quyền trong toàn tỉnh Quảng Ngãi và ra mắt Ủy ban hành chính lâm thời tỉnh. Tại vùng Phố Phong, chi bộ Đảng phân công các đảng viên vận động quần chúng đi biểu tình. Các thôn chọn và lập danh sách gửi về xã những người khỏe mạnh, đủ sức đi bộ ra thị xã Quảng Ngãi. Người được chọn phải chuẩn bị hành trang, cơm nước dùng trong ngày biểu tình. Đúng giờ qui định, các đoàn biểu tình của các thôn đã có mặt. Các đồng chí được phân công dẫn đầu các đoàn: đoàn Gia An do đồng chí Phan và Hai Cửu; đoàn Hùng Nghĩa do đồng chí Nguyễn Trị; đoàn Hiệp An do đồng chí Diễm Thạnh; đoàn Vĩnh xuân do đồng chí Nguyễn Xuân Thái; đoàn Tân Phong do các đồng chí Trần Kim Thời, Nguyễn Xuân Mỹ, Nguyễn Bì, Trần Lực. Các đoàn tập hợp tại ga Mộ Đức (nay là ga Thạch Trụ) sắp theo hàng đôi, từ ga đến gần nhà ông xã Chúc, tất cả khoảng hơn 300 người.

Đoàn người lên đường biểu dương lực lượng bằng các loại

vũ khí thô sơ, cùng đi với các đoàn biểu tình có đội dân quân tự vệ để đề phòng bọn Việt gian phá rối.

Trời vừa sáng rõ, nhìn lên quốc lộ 1a thấy đỏ rực màu cờ đỏ sao vàng cuộn theo dòng người tiến về thị xã. Lúc này ta vẫn cảnh giác đề phòng lính Nhật, nên đã chuẩn bị tư tưởng trước cho mọi người.

Đến 10 giờ tại sân vận động thị xã Quảng Ngãi (địa điểm mít tinh) người chật như nêm, nhiều đoàn người ở các huyện về dự mít tinh, không thể nào vào sân vận động được.

Tại cuộc mít tinh, Ủy ban hành chính lâm thời, Chính quyền cách mạng đầu tiên của tỉnh Quảng Ngãi do ông Trần Toại làm chủ tịch, ông Hồ Thiết làm phó chủ tịch ra mắt toàn thể nhân dân trong tỉnh.

Các vị trong Ủy ban hành chính lâm thời tỉnh còn có: Trần Quý Hai, Nguyễn Quang Lâm, Phạm Kiệt, Nguyễn Duân, Võ Xuân Hựu, Huỳnh Chu, Bùi Diệp, Nguyễn Đình và Bùi Trọng Hiến.

Sau khi chính quyền về tay nhân dân, chi bộ Đảng xã Phố Phong đứng trước nhiệm vụ vô cùng mới mẻ của công cuộc nắm chính quyền. Trước tiên, là tổ chức bộ máy hành chính; củng cố Mặt trận Việt minh, bổ sung người vào các tổ chức quần chúng; lập tòa án nhân dân xử số người chống đối, cách mạng đã bị bắt giam trong những ngày khởi nghĩa. Đồng thời với nhiệm vụ cấp bách trên, việc củng cố, phát triển Đảng cũng được quan tâm.

Tại Cây Xoài huyện ở Vạn Lý và thung lũng Núi Dầu ở phía bắc thôn Hùng Nghĩa vào đêm trăng mờ, dưới sự chủ trì của Ủy ban khởi nghĩa, tòa án nhân dân tuyên bố tội trạng của bọn chống đối cách mạng. Tất cả những người có mặt đều yêu cầu trừng trị một cách thích đáng, bản án được

thi hành ngay.

Bộ máy chính quyền cũ đã bị nhân dân lật đổ, cần tổ chức cơ quan chính quyền cách mạng để quản lý mọi mặt công tác ở địa phương. Lúc đầu giữ nguyên 6 đơn vị hành chính cũ, mỗi xã cũ thành lập Ủy ban hành chính lâm thời xã. Ủy ban hành chính lâm thời có nhiệm vụ tiếp quản toàn bộ tài sản công hữu của xã cũ, thu triện đồng của lý trưởng, trực tiếp quản lý và giải quyết mọi mặt hoạt động trong xã, trước mắt là việc bảo vệ an ninh trật tự. Các UBHC tạm thời sử dụng đình làng, chùa chiền làm trụ sở, xã nào còn giữ tiền thuế điền thổ năm 1945 phải giao lại cho Ủy ban hành chính lâm thời.

Chủ tịch Ủy ban hành chính lâm thời được chỉ định như sau:

- Xã Tân Phong: Võ Tuy (lý trưởng cũ Phạm Úc).
- Xã Hùng Nghĩa: Trần Nhứt (lý trưởng cũ Đặng Cư).
- Xã Gia An: Nguyễn Bá Diện (lý trưởng cũ Huỳnh Lượng).
- Xã Hiệp An: Nguyễn Hiệp (lý trưởng cũ Huỳnh Kim).
- Xã Vạn Lý: Phạm Độ (lý trưởng cũ Đặng Cảnh).
- Xã Vĩnh Xuân: Nguyễn Xuân Đình (lý trưởng cũ được chỉ định làm chủ tịch).

Việc củng cố các tổ chức quần chúng được tiến hành, trước tiên là củng cố và bổ sung các Ban chấp hành, sắp xếp và kết nạp thêm hội viên vào các tiểu tổ, lập các tiểu tổ ở những nơi chưa có.

Đầu năm 1946 bắt đầu hợp nhất các xã cũ, thành lập xã mới, tên đơn vị hành chính xã, huyện, tỉnh cũ được đổi lại như sau:

- Tỉnh Quảng Ngãi được đổi tên thành tỉnh Lê Trung Đình.

- Huyện Đức Phổ được đổi tên thành huyện Nguyễn Nghiêm⁽¹⁾.

- Tổng Phổ Cẩm được đổi tên thành tổng Trần Kha và chia ra làm 3 khu vực: Trần Kha Tây, Trần Kha Đông và Trần Kha Nam.

Một số xã cũ lúc tiền khởi nghĩa đã được lấy tên riêng để bảo đảm bí mật như: xã Tân Phong lấy tên Mỹ An, Vạn Lý lấy tên là Cạn Sơn... Nay 6 xã hợp nhất lấy tên là xã Phổ Phong. Các xã cũ chia ra các thôn nhỏ như, Vạn Lý chia làm 4 thôn: Vạn Lý Nam, Vạn Lý Bắc, Trung Sơn và Vực Liềm; Tân Phong chia làm 3 thôn nhỏ: Tân Phong Tây, Tân Phong Đông và Tân Phong Nam; Gia An chia làm 2 thôn nhỏ: Gia An Nam và Gia An Bắc. Các thôn Vĩnh Xuân và Hiệp An giữ nguyên. Nhưng sau một thời gian, chính phủ quyết định thống nhất trong toàn quốc là, vẫn giữ lại tên cũ của huyện và tỉnh, bỏ cấp tổng. Sau khi hợp nhất xã, các tổ chức chính quyền, đoàn thể quần chúng cũng sắp xếp lại theo đơn vị hành chính mới và sắp xếp lại cán bộ phụ trách như sau:

- Ủy ban kháng chiến hành chính xã: Chủ tịch là Võ Tuy, ít lâu sau bầu HDND xã, chủ tịch là Huỳnh Trí, đến Nguyễn Ngọc Anh (tức Trường), Trần Phổ, sau đó và trong suốt thời gian kháng chiến chống Pháp chủ tịch xã là đồng chí Trương Pháp Ba.

- Mặt trận Việt Minh xã, do đồng chí Huỳnh Danh làm chủ nhiệm từ trước ngày khởi nghĩa, về sau trong những năm kháng chiến các đồng chí sau đây làm chánh, phó chủ

(1) Huyện Bình Sơn: Nguyễn Tự Tân; Sơn Tịnh: Trương Quang Trọng, H. Tư Nghĩa: Nguyễn Thụy, H. Nghĩa Hành: Lê Đình Cẩn, Huyện Mộ Đức: Nguyễn Bá Loan.

nhiệm: Trần Sĩ, Phạm Phẩm, Ngô Mẫn (tức Kỳ)...

Ban chấp hành nông dân cứu quốc, các đồng chí sau đây làm bí thư: Huỳnh A, Huỳnh Că, Nguyễn Toại...

- Ban chấp hành thanh niên cứu quốc được củng cố trên cơ sở bộ máy trước ngày khởi nghĩa, bí thư qua các khóa : Nguyễn Thiệu, Trần Ngọc Tài, Phạm Ôn, Huỳnh Bổng...

- Chi bộ Đảng do đồng chí Huỳnh Danh là bí thư.

Lực lượng cán bộ, đảng viên trong xã sau ngày khởi nghĩa đã trở thành đội ngũ lớn mạnh, đảm nhận được những nhiệm vụ chủ chốt của xã. Ngoài ra, còn cung cấp nhiều cán bộ cho các vùng Cực Nam, Tây Nguyên, Hạ Lào...

Sau khi chính quyền về tay nhân dân, thì ngày 23 tháng 9 năm 1945 quân Pháp được sự giúp đỡ của quân Anh, Ấn bắt đầu gây hấn ở Nam Bộ. Chúng nổ súng tiến công vào lực lượng ta ở Sài gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược lần thứ 2 của thực dân Pháp trên đất nước ta.

Với một cơ cấu chính trị được củng cố và xây dựng sau ngày khởi nghĩa, mà hạt nhân lãnh đạo là chi bộ xã, nhân dân xã Phổ Phong vừa chung sức xây dựng cuộc sống mới, vừa ủng hộ cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đã nổ ra ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ.

Những công việc to lớn của Nhà nước ta về xây dựng đất nước, chống giặc đói, giặc dốt và nhất là chống giặc ngoại xâm, đòi hỏi rất nhiều về tài chính, nhưng thực dân Pháp và phát xít Nhật đã để lại cho ta một đất nước xơ xác, với một ngân khố trống rỗng. Vì thế, để giải quyết vấn đề tài chính, Đảng và Chính phủ phải dựa vào sự đóng góp của nhân dân.

Ngày 11 tháng 9 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi đồng bào toàn quốc lời kêu gọi về tổ chức "Tuần lễ vàng". Chi bộ Đảng chủ trương mở cuộc vận động lớn, lấy các tổ chức đoàn thể làm chỗ dựa và bằng mọi hình thức vận động các nhà hảo tâm, bất kỳ kẻ giàu, người nghèo đều tham gia rầm rộ "Tuần lễ vàng". Tuần lễ vàng diễn ra thật là phong phú, nào trống, nào loa phát thanh, văn nghệ, đấu hiệu, ca dao, hò vè. Có những điệu hát còn là rất vui, nay còn đọng lại trong lòng những người có mặt lúc bấy giờ:

"...Deo hoa, hoa chỉ tỏ, tỏ nặng tai,

Deo vàng, vàng nặng cổ, cổ hơi ai, ai có vàng.

Tang tỉnh tỉnh, tỉnh tỉnh tang..."

Có khẩu hiệu khiến người ta phải suy nghĩ: "Ai còn tiếc vàng là người không yêu nước". Ngoài hình thức cổ động, còn đi sâu vào các đoàn thể cứu quốc, đến từng nhà vận động ghi tên và đưa ra phát thanh trên loa, đài. Ngoài ra, còn đặt bàn nơi công cộng, chợ quán lạc quyền. Khách đi đường nhiều người cõng tư trang ra đóng góp. Cuộc vận động đã đem lại kết quả tốt đẹp. Khi quần chúng nhân dân giác ngộ, họ vui vẻ tự nguyện ủng hộ Nhà nước không tiếc của cải. Từ những vật kỷ niệm riêng tư của đôi vợ chồng, đến mâm thau, chậu rửa, thậm chí bộ lư đồng trên bàn thờ ... đều được mang ra ủng hộ. Ai cũng muốn được ghi tên vào "bảng vàng" trước nhất. Kết quả "Tuần lễ vàng" ở xã Phổ Phong đã lạc quyền được 1,2 kg vàng, 4.000 kg đồng.

Ngày 6 tháng 1 năm 1946, cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, cơ quan quyền lực cao nhất của nhân dân được tổ chức trong toàn quốc. Đây là một sự kiện trọng đại trong sinh hoạt chính trị của nhân dân ta.

Lần đầu tiên trong đời, người dân Phố Phong được thực hiện quyền làm người công dân của một nước độc lập, tự cầm lá phiếu đi bầu cử đại biểu Quốc hội.

Tổ chức cuộc bầu cử là một công tác mới mẻ của cán bộ và nhân dân xã ta. Chỉ bộ Đảng (do đồng chí Huỳnh A làm bí thư) và Mặt trận Việt minh cùng các đoàn thể đã được học tập, thảo luận thấm nhuần trước khi vạch kế hoạch thực hiện. Đây là cuộc sinh hoạt chính trị lớn của nhân dân Phố Phong, làm cho người dân biết được thế nào là tự do dân chủ, phổ thông đầu phiếu, nguyên tắc bầu cử, ứng cử...

Đến ngày bầu cử, các ngã đường đều có băng, cờ, biểu ngữ, cổng chào. Mỗi thôn chia ra làm nhiều bàn bỏ phiếu với hình thức trang nghiêm, đẹp đẽ. Sáng sớm, sau tiếng trống, tiếng loa cổ động, mọi công dân từ 18 tuổi trở lên mặc quần áo đẹp nhất đi đến bàn bỏ phiếu. Từ những nam nữ thanh niên đến các bà mẹ, các chị, các anh nông dân, các cụ lão thành, ai ai cũng vui vẻ như trong một ngày hội. Kết quả số người đi bầu gần 100 %, những người trúng cử đều đạt số phiếu cao. Những đại biểu Quốc hội đầu tiên ở Quảng Ngãi là các đồng chí: Phạm Văn Đồng, Phạm Quang Lộc, Nguyễn Trí, Nguyễn Duân, Lâm Hữu Bá, Hà Văn Tính, Lê Hồng Long.

Sau ngày khởi nghĩa, Hồ Chủ Tịch kêu gọi toàn dân chống giặc đói. Từ đó phong trào Bình dân học vụ (BDHV) ra đời. Một nhiệm vụ trước mắt là phải làm cho mọi người dân đều thoát khỏi nạn mù chữ. Ban BDHV xã đã được thành lập do đồng chí Trần Xứng (tức Dáng) làm trưởng ban. Những đảng viên, cán bộ biết chữ đều xung phong dạy học ban đêm không lương, coi đó là nghĩa vụ cách mạng, số giáo viên xung phong dạy ngày càng đông. Lớp học được tổ chức trong nhà

dân, bàn học có gì dùng nấy. Chẳng mấy lúc phong trào BDHV phát triển rất mạnh mẽ. Ngoài lớp thanh niên nam nữ còn lôi cuốn cả các cụ ông, cụ bà mang kính vui vẻ đi học. Đối với người chưa đi học, cán bộ BDHV phải đến nhà vận động từng người. Những người có điều kiện mà không đi học có khi phải dùng đến hình thức bắt buộc. Mỗi thôn đều phải đặt chỉ tiêu thi đua thanh toán mù chữ mù chữ. Qua những đợt kiểm tra kết quả thanh toán mù chữ ở các thôn, thì người mù chữ ngày càng giảm dần.

Những hình thức kiểm tra có tính chất bắt buộc là kiểm tra ngoài đường. Cán bộ BDHV mang bảng đen chân ở các ngã đường. Những người đi chợ, đi rừng, hoặc ra đồng muốn qua quãng đường có bảng đều phải đọc chữ, ai đọc được giáo viên cho đi, ai không đọc được thì ghi tên và bắt quay trở về. Nhiều cô gái xinh đẹp mà mù chữ, thấy xấu hổ phải đi học ngay. Tuy vậy, việc thanh toán mù chữ không phải dễ dàng, mà phải đến mấy năm sau, khoảng đến năm 1948 - 1949 mới hoàn thành.

Cuộc kháng chiến toàn quốc bắt đầu, Hồ Chủ tịch vị lãnh tụ vĩ đại của nhân dân Việt nam kêu gọi toàn dân đứng lên kháng chiến cứu nước. Từ bắc đến nam, nhân dân ta thực hiện tiêu thổ kháng chiến, phá hoại cầu cống, đường giao thông, nhà cửa ở những nơi giặc có thể đánh tới. Hưởng ứng chủ trương của Đảng, nhân dân Phố Phong mang cuốc, xuống đi phá đường 5a, đào hào cắt đứt ra từng đoạn, ô tô không còn đi được trên đường này.

Năm 1947, nổi lên phong trào tòng quân. Chi bộ Đảng cùng Mặt trận Việt minh và các đoàn thể vận động con em trong xã hàng hái gis nhập Vệ quốc đoàn. Lớp thanh niên nhập ngũ đầu tiên sau ngày khởi nghĩa khoảng 33 người.

Qua chiến tranh có nhiều người trong số họ không còn trở về quê hương nữa như các liệt sĩ: Nguyễn Xuân Lộc, Đồng Ngọc Hoàng⁽¹⁾, Nguyễn Ngọc Anh, Nguyễn Siêng, Nguyễn Vật, Mai Liễu..., các đồng chí đã lập công xuất sắc và đã anh dũng hy sinh. Phong trào tổng quân từ đây giữ mãi cho đến cuối thời kỳ kháng chiến. Những thanh niên Phổ Phong qua các đợt tổng quân đều vui vẻ, tự nguyện, phấn khởi và tự hào. Người không được trúng tuyển thì buồn bã và tìm cách phấn đấu chờ đợt sau. Những cánh chia tay lên đường tràn đầy xúc động giữa kẻ ở, người đi. Đoàn thanh niên chịu trách nhiệm tổ chức tiễn đưa; những bạn bè, người yêu tặng nhau những vật kỷ niệm. Các mẹ chiến sĩ, các chị phụ nữ mang quà, thức ăn trao tay những người con, người em lên đường ra tiền tuyến. Những người thân trong gia đình sẵn sàng đảm nhận mọi việc đồng áng, để con, em mình ra đi được yên tâm. Phong trào tổng quân của thanh niên Phổ Phong đã trở thành truyền thống, số người xung phong nhập ngũ bao giờ cũng cao, thường đứng vào hàng nhất, nhì trong toàn huyện.

Giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân là một nhiệm vụ quan trọng của cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ. Có giải quyết vấn đề này mới thiết thực đem lại quyền lợi cho nông dân, bồi dưỡng lực lượng kháng chiến. Chi bộ Đảng đã nhận thức đúng đắn và lãnh đạo thực hiện chính sách cải cách ruộng đất của Đảng và Nhà nước một cách tích cực.

Trước tiên, tịch thu 5 mẫu ruộng vắng chủ của địa chủ Nguyễn Hy, chia cho 25 hộ nông dân không có ruộng. Trưng

(1) Đồng Ngọc Hoàng ở Tân Phong, đánh nhiều trận xuất sắc, trong một cuộc tấn công tại một đơn vị ở Sa Huỳnh do lui nạn di tản đồng chí đã hy sinh.

thu toàn bộ ruộng đất của địa chủ Nguyễn Thân trên xã Phổ Phong để sử dụng theo nguyên tắc ưu tiên nguyên canh, nhưng đồng thời cũng điều chỉnh, phân phối lại cho nông dân ít ruộng. Nông dân biết ơn Đảng, biết ơn cách mạng đã mang lại quyền lợi cho họ.

Tuy nhiên, đây mới là bước đầu trong cả quá trình thực hiện nhiệm vụ chống phong kiến, đưa lại quyền lợi chính đáng cho nông dân.

Trong thời kỳ này chi bộ xã chủ trương làm thí điểm việc đưa nông dân vào con đường làm ăn tập thể. Đã vận động nông dân tiến bộ ở 3 thôn: Tân Phong, Hùng Nghĩa, Vạn Lý thành lập một cơ sở sản xuất tập thể lấy tên là "Hội đồng canh". Có 30 hội viên tự nguyện góp: 15 mẫu ruộng, đất, 50 con trâu, bò và toàn bộ nông cụ. Trang trại được xây dựng tại vùng gần cây số 5 đường 5a phía nam cầu Chùa Cháy (Hùng Nghĩa). Việc ăn chia được thực hiện theo cách tính công, chấm điểm. Nhưng vì chưa có kinh nghiệm tổ chức quản lý, chưa có những điều kiện cơ bản khác để tồn tại và phát triển. Chi bộ thiếu kiểm tra lãnh đạo, làm ăn không có hiệu quả, nên nông dân bắt đầu chán nản. Hội đồng canh này sau 3 năm đã phải giải tán. Tuy nhiên, từ đó cũng đã rút ra những kinh nghiệm bổ ích cho việc làm ăn tập thể sau này.

Phổ phong còn bố trí một trung đội dân quân di sản xuất tự túc, chia thành tiểu đội 15 người chuyên làm ruộng. Trung đội này có 5 mẫu ruộng, 6 con trâu do đồng bào ủng hộ trong phong trào vận động nuôi quân. Kết quả mỗi vụ thu hoạch vài ba trăm ang thóc để bổ sung vào quỹ nuôi quân. Trung đội sản xuất này được duy trì cho đến những năm cuối của cuộc kháng chiến.

Cùng thời kỳ này, chỉ bộ Đảng còn chủ trương thành lập Hợp tác xã (HTX) liên thụ. Chủ trương này được quần chúng nhiệt liệt tham gia. Có hơn 500 xã viên góp cổ phần vào HTX, với số vốn 10.000 đồng. Mục đích của HTX là mua nông thổ sản trao đổi với các xã bạn, mua nhiều mặt hàng tạp phẩm về phân phối cho xã viên và bán ra ngoài HTX nhằm phục vụ nhu cầu đời sống của nhân dân trong xã. Hợp tác xã còn mở lò rèn để rèn lưỡi cày, lưỡi cuốc, dao, rựa, liềm hái, và mở một lò giết mổ lợn để phục vụ nhân dân trong xã.

Cuối năm 1947 chỉ bộ Đảng có 22 đảng viên do đồng chí Nguyễn Văn Dai làm bí thư.

Bước sang năm 1948, sau hơn 2 năm chính quyền về tay cách mạng, nhân dân Phổ Phong đã từng bước trưởng thành vững chắc.

Dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, chỉ bộ Đảng được củng cố và phát triển, đã kết nạp thêm được nhiều đảng viên mới. Số lượng đảng viên là 75 đồng chí, Bí thư chỉ bộ là đồng chí Huỳnh Cừ. Các đoàn thể nhân dân cũng đều được xây dựng và phát triển vững mạnh để đảm nhận vai trò vận động quần chúng thực hiện chính sách của Đảng và Nhà nước. Đặc biệt, Đoàn thanh niên mang tên liệt sĩ Đồng Ngọc Hoàng do đồng chí Nguyễn Thiệu (Gia An) làm bí thư, xứng đáng là lực lượng xung kích trong mọi công tác của xã, được công nhận là một trong những đoàn xuất sắc trong 15 Đoàn thanh niên của toàn huyện. Chính quyền xã có kinh nghiệm trong việc quản lý mọi mặt hoạt động về kinh tế, văn hóa, trị an, huy động sức người, sức của phục vụ kháng chiến. Nhân dân Phổ Phong đã hoàn thành thắng lợi những nhiệm vụ chủ yếu và những đợt vận động lớn, nên đã đáp ứng được yêu

cầu vừa xây dựng chế độ mới, vừa chi viện sức lực cho cuộc kháng chiến trong cả nước, vừa chuẩn bị lực lượng mọi mặt, sẵn sàng chiến đấu ngay trên quê hương mình.

II - BẢO VỆ QUÊ HƯƠNG, BỒI DƯỠNG SỨC DÂN, THỰC HIỆN KHẨU HIỆU "TẤT CẢ CHO TIỀN TUYẾN TẤT CẢ ĐỂ CHIẾN THẮNG" (1948 - 1954).

Từ năm 1948, âm mưu đánh nhanh, thắng nhanh của thực dân Pháp đã thất bại, cuộc chiến tranh giữa ta và địch chuyển sang thế giằng co ác liệt. Địch ra sức đánh phá vùng tự do Quảng Ngãi nhằm tiêu diệt sinh lực và tiềm năng kháng chiến của nhân dân ta.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Ban chấp hành Trung ương Đảng, ngày 27/3/1948 xã Phổ Phong phát động phong trào Thi đua ái quốc, đẩy mạnh sự nghiệp kháng chiến với khẩu hiệu "Người người thi đua, ngành ngành thi đua". Chi bộ Đảng là hạt nhân lãnh đạo tuyên truyền tổ chức và phát động nhân dân ra sức thi đua tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm để tự cấp, tự túc cho mình, cho địa phương mình và đóng góp cho kháng chiến. Đồng thời, xây dựng lực lượng dân quân, làm tốt công tác bố phòng và sẵn sàng chiến đấu chống địch. Giải quyết vấn đề lương thực là nhiệm vụ hàng đầu của phong trào thi đua. Với truyền thống cần cù và tiết kiệm, nhân dân Phổ Phong ra sức làm lụng, quên cả ngày đêm, quay vòng không cho đất nghỉ, thực hiện thâm canh, xen canh gối vụ, khai hoang phục hóa. Họ nghỉ ra sáng kiến trồng khoai lang trên vạ để tiết kiệm đất, thu được năng suất khá. Khi bị nắng hạn thì đào ao, tát nước trồng cây ngắn ngày, phát triển hoa màu phụ, rau xanh.

Để gắn liền giữa thi đua sản xuất và tiết kiệm, chi bộ vận động nhân dân triệt để tiết kiệm gạo, thực hiện, an ghé quanh năm, ngay cả khi gạo thóc dồi dào. Thực hiện "Hũ gạo tiết kiệm" từng gia đình mỗi bữa nấu bột lại một nắm gạo, bỏ vào hũ góp cho quỹ nuôi quân. Để tiết kiệm lương thực, kinh nghiệm dùng bánh tráng bằng bột mì trong các bữa ăn chiều, ăn sáng, được phổ biến rộng rãi trong nhân dân. Thiếu vải nhân dân ta tổ chức trồng bông, gặt xong lúa tháng 3, cày đất lên trồng bông, lấy bông kéo sợi. Vào những đêm trăng, các cô gái mang xa kéo sợi tụ họp nhau ngoài sân, vừa kéo sợi vừa chuyện trò cho đến khuya mới về nhà. Nhiều nhà còn đóng khung cửi dệt vải khổ hẹp. Khi xưởng dệt Nam Cường bắt đầu dệt vải SITA khổ rộng, toàn bộ sợi của bà con Phố Phong được đem bán cho Phố An và mua vải SITA về dùng, vừa đẹp vừa rẻ. Thực hiện chủ trương chống "hàng ngoại hóa" từ vùng bị địch chiếm ở Quảng Nam tràn vào, nhân dân ta đã tự túc được cả những hàng công nghệ thiết yếu vốn phải dựa vào thị trường trong tỉnh và ngoại tỉnh. Thiếu dầu hỏa nhân dân trồng đậu phụng, tìm quả rừng có dầu như mù u, bồ hòn... để ép dầu, và dùng mỡ lợn, dầu dừa để thắp sáng. Thiếu mắm, muối thì dùng cây có đậm và chất mặn để chế biến thay thế. Thiếu giấy viết, ta tổ chức lấy tre nứa, rơm rạ làm ra giấy bằng phương pháp thô sơ. Xã Phố Phong phối hợp với xưởng giấy Trà Cầu tại cây số 8, để sản xuất giấy dùng cho học sinh và các cơ quan. Thiếu thuốc chữa bệnh, ta dùng cây thuốc nam. Nhờ đó, ta đã tự túc được một số hàng công nghiệp cần thiết khi nền kinh tế bị quân thù bao vây mọi mặt. Tuy vậy, ta cũng chấp nhận việc đưa từ vùng tạm bị chiếm vào vùng tự do một số nhu yếu phẩm như đá lửa, kim chỉ, thuốc chữa bệnh....

Về công tác bố phòng chống địch, chỉ bộ Đảng giao cho xã đội dân quân phụ trách hướng dẫn nhân dân tham gia phá hoại giao thông, xây dựng phòng tuyến chiến đấu, chống địch đổ bộ, nhảy dù, đẩy mạnh phong trào toàn dân đánh giặc. Mỗi thôn có cán bộ trung, tiểu đội chỉ huy, hướng dẫn nhân dân phòng tránh địch. Trung việc xây dựng làng chiến đấu, ta lợi dụng lũy tre, cây xanh, rào gai, đóng cọc để gia cố bên trong làng, đào giao thông hào từ vườn này sang vườn khác. Làng chiến đấu được bố trí liên cư, liên địa, được rào vì kiên cố, có cổng cho nhân dân ra vào. Phương án hành động khi có địch đến được vạch sẵn, gồm có: kế hoạch phân tán nhân dân, kế hoạch chiến đấu của du kích. Mỗi gia đình đều đào hầm bí mật, đào hầm trú ẩn, làm ụ chống cháy ngoài trời để chứa tài sản, lương thực. Ngoài ra còn làm lương khô dự trữ, chuẩn bị gói xách cho mỗi người được gọn gàng, để khi được lệnh có thể nhanh chóng tản cư lên núi. Phổ biến cho nhân dân cách xem "bồ tín hiệu" treo trên đỉnh núi Thụ, núi Xương Rồng. Nếu bồ kéo lên nửa cột là tàu địch ngoài biển chạy ngang qua, bồ kéo lên đỉnh cột là tàu địch đậu lại, hai bồ cùng kéo lên đỉnh cột là tàu địch chuẩn bị đổ bộ. Khi phát hiện địch đổ bộ, nhân dân bắt đầu tản cư. Ban tản, tiếp cư được thành lập gồm các cụ lão thành có uy tín, có kinh nghiệm, chuyên lo tìm-vùng an toàn chuẩn bị sẵn để đón nhân dân đến ở, khi có lệnh tản cư. Ban tiếp cư ở nơi nhận có nhiệm vụ đón tiếp đồng bào tản cư. Còn ban tản cư thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở việc chuẩn bị tản cư của các gia đình.

Thững người thuộc danh sách ở lại thì phối hợp với du kích, triển khai đánh địch theo phương án tác chiến đã vạch sẵn. Ngoài việc chống địch đổ bộ, còn chống địch nhảy dù.

Dân quân tổ chức đóng cọc trên các cánh đồng, giao cho mỗi người nam giới nộp hai cây cọc gỗ hoặc tre (gốc tre chẻ đôi) vót nhọn. Khi chủ trương này đưa ra, chỉ trong vòng 1 tuần mọi người đã nộp đủ cọc. Đoàn viên thanh niên là những người hăng hái nhất trong mỗi gia đình, có trách nhiệm động viên lời cuốn gia đình mình nộp đủ số cọc quy định. Sau đó, trên các cánh đồng rộng như: đồng Cánh Thuận, cánh đồng phía bắc Hùng Nghê, đồng Gò Tre, đồng Cây quit, và hầu hết các bãi trống trong xã Phổ Phong, nhìn đâu cũng thấy mọc lên những bãi cọc chia mỗi nhón lên trời.

Nhân dân Phổ Phong còn đổ bao công sức, đào hàng vạn mét giao thông hào, đặc biệt là công trình địa đạo Gò Lúa (Tân Phong), hàng vạn hầm trú ẩn và hầm bí mật của gia đình.

Vào giữa năm 1948, theo chủ trương của huyện và tỉnh Phổ Phong đưa một đại đội du kích ra Quảng Nam, cùng du kích huyện Thăng Bình tham chiến ba tháng để vừa phối hợp chiến đấu hỗ trợ tỉnh bạn, vừa rút kinh nghiệm chiến đấu cho lực lượng du kích xã nhà. Phong trào luyện quân trong xã được thực hiện thường xuyên và khẩn trương. Sau vụ đội viên Nguyễn Mưu chết do lựu đạn nổ khi đang tập luyện tại sân vận động Tân Phong, du kích Phổ Phong tích cực rút kinh nghiệm trong luyện tập. Đồng thời, tranh thủ học tập đơn vị bộ đội chủ lực đóng trong xã. Nhờ đó, qua những kỳ hội thi ở huyện, Phổ Phong luôn đạt những thành tích vẻ vang, thường được xếp vào hạng nhất, nhì và được tặng nhiều bằng, giấy khen của huyện, tỉnh. Nhân dân Phổ Phong tự hào và thương yêu lực lượng dân quân du kích của địa phương mình.

Để đảm bảo cho anh em yên tâm luyện tập, giảm bớt tình trạng "cơm nhà, áo vợ", chỉ bộ Đảng chủ trương lập quỹ nuôi quân và Ban vận động nuôi quân. Ban vận động nuôi quân gồm những người có uy tín trong Mặt trận Việt minh và trong các đoàn thể. Ban này có nhiệm vụ đề ra kế hoạch vận động nhân dân đóng góp quỹ nuôi quân bằng nhiều hình thức. Các đoàn thể quần chúng đều hàng hái hưởng ứng chủ trương của chỉ bộ. Hội nông dân giao cho mỗi hội viên trồng một "cây kháng chiến như, cây chuối kháng chiến, cây đu đủ kháng chiến..." Hội phụ nữ vận động chị em nuôi "con heo kháng chiến", góp "hũ gạo kháng chiến". Các cụ phụ lão trồng "hụi mía kháng chiến". Các em thiếu niên nuôi "con gà kháng chiến",... Tất cả những cây, con mang tên "kháng chiến" đều được chăm sóc cẩn thận. Ban vận động nuôi quân theo dõi, thu hoạch bằng tiền và chuyển vào quỹ nuôi quân. Ngoài các hình thức phong phú nêu trên, Ban vận động còn đến các nhà giàu có, vận động họ góp tiền, gạo, cho mượn ruộng để gây cơ sở sản xuất nuôi quân. Đồng thời còn vận động nuôi quân trực tiếp bằng bữa ăn cho anh em trong những ngày luyện tập. Trước mỗi đợt luyện tập của dân quân du kích, Hội mẹ chiến sĩ đến từng gia đình vận động mỗi người góp một số bữa ăn cho anh em theo tình thần tự nguyện. Kết quả vận động được gửi cho Ban vận động nuôi quân. Có những gia đình tình nguyện ủng hộ từ một mâm (6 người) đến 2, 3 mâm trong một, hai hay ba ngày. Có nhà giàu nuôi cả một trung đội trong một tuần. Sau những buổi luyện tập anh em đội viên đến ăn cơm ở các gia đình theo sự phân phối của Ban vận động nuôi quân. Việc làm này còn có ý nghĩa tăng cường đoàn kết giữa nhân dân với con em mình trong lực lượng dân quân du kích. Có gia đình nghèo chỉ mời một, hai đội viên về ăn chung bữa ăn thanh đạm, nhưng đầy

ình cảm với gia đình.

Phong trào vận động nuôi quân được duy trì trong nhiều năm, quỹ nuôi quân càng được dồi dào, anh em du kích yên tâm luyện tập.

Cuối năm 1949, chỉ bộ Đảng phát triển mạnh mẽ, số lượng đảng viên lên đến 450 người do đồng chí Trần Phổ làm bí thư. Lực lượng cán bộ của xã ngày càng đông. Theo yêu cầu của cấp trên, nhiều năm Phổ Phong đã cử cán bộ chi viện cho Cục Nam, Tây Nguyên, Hạ Lào và ra Bắc học. Trong số cán bộ này có các đồng chí: Huỳnh Nhưông, Huỳnh Lộ, Huỳnh Ngô, Nguyễn Thiệt, Nguyễn Xuân Thái, Đặng Thắng, Nguyễn Lưu, Nguyễn Lương, Lê Trung Tự, Lê Đức Phổ, Lê Huệ, Lữ Ngọc Bón, Phạm Ca, Huỳnh Vy, Phạm Văn Huệ...

Có đồng chí ra đi không trở về, có đồng chí công tác dài hạn ở nơi xa, có đồng chí hoàn thành công tác trở về xã.

Năm 1950 ta chiến thắng vẻ vang ở biên giới Việt Trung, trên chiến trường chính có bước chuyển biến lớn. Trung ương Đảng chủ trương tích cực chuẩn bị lực lượng mọi mặt để đưa cuộc kháng chiến sang giai đoạn mới. Thực hiện chủ trương đó, cần động viên đến mức cao sự đóng góp của nhân dân. Ngày 12 tháng 2 năm 1950 Hồ Chủ Tịch ký sắc lệnh tổng động viên.

Sau năm năm, nhà nước Việt Nam tiến lên tự chủ về kinh tế, đã phát hành giấy bạc Ngân hàng quốc gia Việt Nam, hủy bỏ tiền kim loại của Nam triều phong kiến. Đồng thời động viên tài vật lực bằng các chính sách như đảm phụ kháng chiến và công trái kháng chiến.

Để thực hiện chủ trương này, chỉ bộ Đảng bàn kế hoạch tuyên truyền giáo dục cho nhân dân, quán triệt sâu sắc khẩu hiệu "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng", làm cho

mọi người thấy rõ nhu cầu to lớn của cuộc kháng chiến. Chỉ bộ chủ trương tập trung vận động các tầng lớp trung, phú nông, địa chủ bằng cách thuyết phục mềm dẻo, kiên trì giáo dục họ về nghĩa vụ đóng góp cho kháng chiến. Cuộc vận động này đạt kết quả rất tốt. Nhiều gia đình địa chủ tiếp thu và thực hiện chính sách động viên; gia đình bà T. Trọng Hiền nhận toàn bộ mức yêu cầu do ta đưa ra. Chỉ trong 1 tháng nhân dân Phổ Phong đã nộp vào quỹ đảm phụ kháng chiến 14 triệu đồng, vượt chỉ tiêu của huyện đưa ra.

Sau quỹ đảm phụ kháng chiến, Chính phủ phát hành công trái kháng chiến, đây cũng là hình thức động viên tài lực trong nhân dân cho cuộc trường kỳ kháng chiến. Cuộc vận động này cũng phải thuyết phục, kiên trì, vì chúng ta động viên trong lúc nhân dân đang gặp khó khăn về đời sống. Phiếu công trái được phân phối cho các đoàn thể nông dân, phụ nữ, lão thành, thanh niên. Mỗi đoàn thể vận động người trong gia đình mình mua hết số phiếu được phân phối. Do đó, sinh ra tình trạng nhiều gia đình một lúc có cha mẹ, anh chị đều phải mua theo đoàn thể của mình. Vì vậy phải có cuộc điều chỉnh để giải quyết tình trạng bất hợp lý ấy. Đồng thời, chỉ bộ tập trung vận động lớp người giàu có mua với mức cao hơn.

Sự nghiệp cách mạng càng phát triển, nhu cầu cán bộ càng lớn, mặt khác do uy tín của Đảng ngày càng cao, nên nhiều người ngoài Đảng muốn gia nhập Đảng, kể cả những người thuộc tầng lớp trên.

Thời gian này, cấp trên có chủ trương "Thi đua phát triển Đảng". Thực hiện chủ trương đó, chỉ bộ tổ chức đại hội thi đua phát triển Đảng với hình thức cắm trại có băng, cờ, biểu ngữ.

Dại hội họp hai ngày, địa điểm cắm trại là cắm Thầy Lẻ (Hiệp An). Trước đại hội, mỗi tổ Đảng giao ước thi đua phát triển Đảng. Chỉ sau thời gian ngắn, hàng loạt đơn xin gia nhập Đảng từ các tổ Đảng được gửi về chi bộ. Ban Đảng vụ gồm các đồng chí Trần Thẩn, Nguyễn Phan, Trần Đức Cảnh. Ban này chuyên lo thẩm tra đơn xin gia nhập Đảng để thông qua chỉ ủy xét duyệt và làm các thủ tục kết nạp.

Sau gần một năm phát triển, vào cuối năm 1950 và đầu năm 1951, số đảng viên trong chi bộ Phố Phong lên đến hơn 650 người. Thành phần trong chi bộ có nhiều tầng lớp như, phú nông, trung nông lớp trên, thân sĩ...

Trong quá trình kháng chiến lâu dài, gian khổ, các chính sách như giảm tô, thuế nông nghiệp, hiến điền, công trái, đảm phụ... và chạm đến lợi ích các tầng lớp phú nông, địa chủ, một số đảng viên thuộc các tầng lớp trên không vượt nổi thử thách, xa rời Đảng, bỏ sinh hoạt.

Cuối năm 1951, chi bộ họp kiểm điểm công tác phát triển Đảng và chủ trương đóng cửa để củng cố Đảng, đưa ra khỏi Đảng một số đảng viên không xứng đáng. Giờ đây Ban Đảng vụ phải tập trung vào khâu xét, đề nghị thông qua chỉ ủy quyết định đưa những đảng viên không đủ tư cách ra khỏi Đảng. Đây là cuộc đấu tranh giai cấp phản ánh vào nội bộ Đảng. Vì vậy, chỉ ủy rất kiên quyết khai trừ ra khỏi Đảng đối với những đảng viên thuộc các tầng lớp trên không thi hành chính sách của Đảng, kể cả những đảng viên không chịu tiếp thu sự giáo dục của Đảng.

Cũng trong năm 1951, chính sách thuế nông nghiệp ra đời để dần dần xóa bỏ các hình thức đóng góp không công bằng trong nhân dân. Lâu nay, người hảo tâm thì đóng góp nhiều, kẻ ù lì thì không chịu đóng góp cho kháng chiến. Thuế

nông nghiệp là một phương thức động viên tiến bộ, công bằng, hợp lý đối với mọi tầng lớp nhân dân. Đầu tiên, chỉ bố tổ chức cho nông dân học tập điều lệ thuế nông nghiệp, sau đó mỗi thôn thành lập Ban thuế và mời một số cụ "lão nông tri điền" góp ý kiến trong việc phân khoán, xếp hạng ruộng đất. Dựa trên bản đồ địa bạ cũ, phân chia ra các xóm ruộng hạng nhất, nhì, ba, tư... Mỗi hạng ruộng được bình nghị và định sản lượng trung bình bằng kg thóc/sào trong năm đó làm biểu thuế. Biểu thuế căn cứ trên sản lượng thu nhập bình quân một nhân khẩu của mỗi hộ trong một năm. Những nhân khẩu có thu nhập thấp dưới mức khởi điểm thì được miễn thuế. Từ mức khởi điểm trở lên bắt đầu tính thuế. Biểu thuế lại được xây dựng trên nguyên tắc lũy tiến, bình quân thu nhập càng cao thì tỉ lệ đóng thuế càng tăng. Cách tính thuế này nhằm động viên khá năng đóng góp của những hộ giàu có... Những hộ ít người và nhân khẩu độc lập (1 người) thường thuộc diện chịu mức thuế cao.

Sau khi lập xong bộ thuế, họp nhân dân để công bố mức thuế của mỗi hộ, ai có khiếu nại thì Ban thuế xem xét giải quyết.

Đến mùa, sau khi thu hoạch xong, thóc được phơi khô, quạt sạch để gánh đi đóng thuế. Địa điểm thu thuế được chuẩn bị trước ở mỗi thôn, có bang, cờ, khẩu hiệu và các hình thức cổ động: trống, loa phát thanh, văn nghệ, ca dao, bài chòi rầm rộ. Có một bài ca dao cổ động thì đưa nộp thuế nông nghiệp như sau:

"Chim xanh trên cành chim hót,
Bướm ngoài đồng bướm tạt bướm chơi,
Thuế năm mươi mốt nạm rồi,
Giờ đây lo thuế kịp thời nam hai.

Gian nan chẳng nề đường dài

Trường kỳ kháng chiến một mai công thành"

Ban giao lương xã, tổ giao lương thôn phối hợp nhau giúp các gia đình neo đơn gánh thóc đi nộp. Tổ giao lương hoạt động suốt thời gian thu thuế, giúp đỡ Ban thuế chuyển thóc vào kho... Mọi gia đình ai nấy đều lo lắng nộp thuế nhà mình cho xong, nếu ai chưa nộp kịp thì phải gánh thóc qua thôn khác để nộp. Do đó, nhân dân đều hăng hái nộp thuế nhanh, đủ.

Chính sách thuế nông nghiệp là công bằng, hợp lý, cách thực hiện được qui định chặt chẽ, được nông dân ủng hộ. Nhưng cũng xuất hiện nhiều hộ "chạy chính sách" bằng cách phân tán bớt ruộng cho con, cháu để giảm tỷ lệ sản lượng bình quân, nhẹ thuế hơn.

Từ đây trở đi, ở nông thôn nguồn động viên tài lực chủ yếu cho kháng chiến là thuế nông nghiệp. Thuế nông nghiệp được sửa đổi dần cho hoàn chỉnh hơn và duy trì cho đến cuối cuộc kháng chiến. Hàng năm, xã Phổ Phong thu được bình quân 315 tấn thóc thuế, 25 % số này dành lại cho ngân sách xã để phụ cấp cho cán bộ thường trực, mỗi người 15 kg thóc/tháng.

Các kho thóc được phân tán cất giấu vào nhà dân. Dịch cho máy bay thám thính quan sát và kết hợp với bọn phản động chỉ điểm mặt đất để phát hiện và dùng máy bay đánh phá các kho thóc của ta. Dịch ném bom phá, bom cháy xuống thôn xóm khi chúng nghi ở đó có kho thóc. Trận ném bom cháy xuống xóm bà Thượng Hiền, làm cho nhà bà Hiền và các nhà xung quanh bị cháy. Trận ném bom cháy tại xóm mới Hiệp An làm cho nhiều nhà cháy, người chết. Trận ném bom phá nặng nhất là trận ở xóm Gò Chùa (Gia An), làm

chết và bị thương hàng chục người, nhiều nhà cửa bị cháy, tài sản bị thiệt hại. Đó là chưa kể các cuộc oanh tạc nhỏ dọc theo đường 5a.

Năm 1952, xảy ra nạn đói và trận giặc Pháp đổ bộ lên Phố Phong. Lúc bấy giờ các tỉnh vùng liên khu 5 bị thiên tai hạn hán kéo dài, mùa màng bị thiệt hại nặng. Nền kinh tế tự cấp, tự túc bị khó khăn nghiêm trọng. Thêm vào đó, địch tăng cường đánh phá vùng tự do, làm trở ngại công việc làm an của nhân dân. Địch còn phong tỏa nghiêm ngặt bờ biển, không cho đồng bào ra đánh cá. Nghề làm muối hầu như phải bỏ, giao thông đường biển bị tê liệt.

Nạn đói này rất nghiêm trọng, bắt đầu từ các xã ven biển, lan dần đến các xã đồng bằng và trung du. Phố Phong ruộng sâu không nước cấy, ruộng gò nắng cháy, gieo không mọc, nhân dân nhiều nhà hết lương thực, dân rủ nhau lên núi đào củ mài, củ năn hái trái cây có bột như bom, gắm... và các loại rau rừng, khoai nước để ăn. Trong vườn, từ củ chuối đến quả mít đều được thái nhỏ để hấp cơm, tẻ hại nhất là những đám mĩ vừa ra củ non không thoát khỏi những người đào trộm. Nhiều gia đình lúc đầu ăn độn, ăn cháo, về sau cả cháo loãng cũng không có mà ăn. Trong khi đó thì các nhà giàu giấu kỹ thóc, gạo và kêu đói để không bị ai nhờ cậy. Các nơi ngoài xã, nhất là nhân dân các xã ven biển như Trà Niên, An Thổ, An Thạch bị đói nặng họ dồn đến Phố Phong vay mượn, xin ăn càng nhiều. Tin người chết đói các nơi đưa đến ngày càng nhiều.

Tuy vậy, Phố Phong còn có khả năng tự cứu đói, và còn có thể tương trợ những nơi đói nặng, nên được huyện giao nhiệm vụ giúp đỡ xã Phố Quang. Với tinh thần nhường cơm xé áo, chỉ bộ và chính quyền xã vận động nhân dân kẻ ít

người nhiều góp thóc, gạo, mì, khoai, tiền bạc để cứu giúp nhân dân các xã bạn. Kết quả góp được trị giá bằng 200 ang thóc. Lực lượng du kích Phố Phong còn chi viện cho Phố Quang một trung đội để canh giới bờ biển.

Sau mấy tháng nắng hạn dữ dội, thời tiết trở lại bình thường, nhân dân ra sức đẩy mạnh tăng gia sản xuất, tranh thủ mọi điều kiện để gieo trồng muôn các loại cây lương thực, cây ngắn ngày, mau ăn như khoai lang, bắp, các cây họ đậu, đặc biệt là rau xanh... Chỉ sau thời gian ngắn, người dân Phố Phong đã đẩy lùi được nạn đói.

Cũng trong năm 1952, giặc Pháp từ tàu biển đổ bộ lên các xã ven biển vùng tự do Quảng Ngãi 35 lần⁽¹⁾, trong đó có một lần chúng lên đến Phố Phong. Từ rạng sáng giặc Pháp đổ bộ lên bờ biển Phố An gồm bộ binh và xe tăng thiết giáp, có máy bay yểm hộ, tiến lên đường 1a theo đường 5a, thọc sâu vào các thôn Hiệp An, Hùng Nghĩa (Phố Phong) nhằm thăm dò lực lượng bộ đội chủ lực của ta. Đồng bào các thôn sơ tán theo kế hoạch, du kích ở lại chiến đấu. Dọc theo các mũi tiến quân, xe tăng địch băng qua các bờ ruộng, nghiền nát cả hoa màu ngoài đồng. Máy bay địch ném bom cháy, bom phá xuống các vùng lân cận như Trà Câu, Vinh Hiến, Lỗ Sỏi làm nhiều nhà cháy, người chết và bị thương. Trong khi bộ đội ta đang trên đường hành quân cấp tốc về Phố Phong thì giặc vội vàng rút quân. Đúng 12 giờ trưa, chúng tập trung tại ga Mộ Đức ăn uống rồi rút chạy ra biển. Trong cuộc đổ bộ này, riêng ở Phố Phong địch đã đốt cháy 10 ngôi nhà ở xóm Ga, trong đó có nhà đồng chí Trương

(1) Theo "Quảng Ngãi lịch sử chiến tranh nhân dân 30 năm" trang 123

Pháp Ba chủ tịch xã và 5 người bị chết là các anh Ngô Hạ, Nguyễn Sáu, ông Mông và hai phụ nữ đi đường, qua xóm Gò Hòa.

Đông xuân 1953 - 1954 quân đội ta mở những chiến dịch lớn có ý nghĩa chiến lược, theo chỉ thị của Trung ương Đảng và Bộ tổng tư lệnh thì liên khu 5 có nhiệm vụ tiến quân lên chiến trường Tây Nguyên tiêu diệt địch để phối hợp với các chiến trường toàn quốc giành thắng lợi quyết định. Việc bộ đội ta mở chiến dịch lớn ở Tây Nguyên, đặt ra cho vùng tự do nhiệm vụ rất nặng nề là dốc toàn lực phục vụ tiền tuyến, đồng thời bảo vệ vùng tự do.

Phổ Phong nằm trên tuyến đường lên Tây Nguyên, nên nhiệm vụ phục vụ chiến trường càng thêm nặng, nguồn nhân lực giờ đây rất căng thẳng, vừa phải đưa một lực lượng lớn dân công tiếp tế cho mặt trận, vừa phải điều một bộ phận du kích tham gia chiến đấu cùng với bộ đội chủ lực, lại vừa phải làm tốt công tác bố phòng tại xã. Trên đồng ruộng chỉ còn lại phụ nữ và người già yếu, nam giới khỏe mạnh được xếp thành từng loại: A, B, C và tổ chức thành đội ngũ sẵn sàng, lần lượt lên đường phục vụ chiến đấu. Lớp này về, lớp khác đi, mỗi đợt đi từ 3 đến 4 tháng. Đảng viên làm nòng cốt trong các đơn vị và được phân công phụ trách từng đại đội, trung đội, tiểu đội dân công. Trong suốt chiến dịch Tây Nguyên, Phổ Phong đã cung cấp gần 1.000 lượt người trong 6 đợt dân công tiếp vận. Số người đi một lần bắt đầu quay vòng trở lại. Trước sự gian khổ, chết chóc ở chiến trường, công tác vận động đi lần thứ hai rất khó khăn. Nhiều nhà giàu bỏ tiền ra thuê người đi. Số người bất mãn với kháng chiến tỏ ra ù lì không chịu đi dân công. Chỉ bộ cùng với chính quyền quyết định huy động một đại đội dân công "đợt

vét" để đáp ứng yêu cầu của huyện. Dù khó khăn cũng phải quyết tâm thực hiện kỷ được, để có điều kiện thuận lợi cho việc huy động dân công vòng hai. Kết quả đã huy động được 1 đại đội 155 người. Đồng chí Huỳnh Vy được bố trí làm đội trưởng, cán bộ từ trung, tiểu đội đều là đảng viên. Đại đội này làm nhiệm vụ gánh gạo từ Trường An lên miền tây Quảng Ngãi. Họ phải đi đêm để tránh máy bay oanh tạc, ban ngày trú vào rừng, hàng tháng ăn cơm nằm, ngủ rừng, phải leo "đốc Ui lịch sủ" để vượt qua Kông Plông, tiến về đồn Mang Đen vừa giải phóng, lúa còn đang cháy, để đuổi theo kịp bộ đội. Mặc dù đói ăn, nhưng gánh gạo trên vai vẫn nguyên vẹn giao đến tận kho, để bộ đội ăn no, đánh thắng. Có những người trên đường đi già bệnh xin về, nhưng khi ra đến chiến trường, trước khí thế quân ta đánh thắng đã trở nên hăng hái, xung phong tiếp tục, gánh chiến lợi phẩm về Ba Tư đợt 2. Đây là một cuộc hành trình đầy hy sinh gian khổ. Những hình ảnh tốt đẹp trên đây không bao giờ quên. Sau 3 tháng hoàn thành nhiệm vụ trở về, đại đội dân công Phổ Phong được Ban chỉ huy mặt trận cấp giấy khen.

Trong công cuộc kháng chiến lâu dài, lực lượng chính của cách mạng là nông dân. Muốn cho nguồn lực lượng kháng chiến được dồi dào thì phải có chính sách bảo đảm lợi ích cho người nông dân. Thực hiện chủ trương của Đảng, đi đôi với việc động viên lực lượng nông dân, chỉ bộ Đảng quyết tâm lãnh đạo tiếp tục thực hiện triệt để giảm tô 25% và thoái tô triệt để, đồng thời phải kiên trì vận động địa chủ, phú nông thực hiện đúng chính sách giảm tô, giảm tức của Đảng.

Trong cuộc đấu tranh giai cấp quyết liệt, mặc dù có sự chống đối của địa chủ, phú nông, nhưng Phổ Phong đã thực

hiện đúng chính sách, làm cho 42 địa chủ chấp nhận các yêu sách của nông dân là chỉ được thu tô không quá 1/3, và phải thoãi tô vụ trước. Thuyết phục 40 phú nông thi hành chính sách. Riêng địa chủ Thượng Hiền ngoài số thóc thoãi tô còn phải trả 20 con trâu cho nông dân ở Trung Sơn và Vực Liêm.

Qua phong trào đấu tranh, uy thế của giai cấp nông dân đã được nâng cao, nông dân thực sự làm chủ ruộng đất. Đó là thành quả hơn 20 năm đấu tranh của nhân dân Phố Phong dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Cục diện chiến trường phát triển theo hướng ngày càng có lợi cho ta. Đêm 27/01/1954, chiến dịch bắc Tây Nguyên mở đầu, bộ đội ta đã tiêu diệt 3 cứ điểm lớn là Mang Đen, Mang Bút, Kông Bấy. Sau đó đánh vào thị xã Kon tum, giải phóng thị xã và toàn tỉnh Kon tum. Tin vui chiến thắng đưa về đồn dập. Trên đường 5a qua xã Phố Phong lúc này từng đoàn dân công và mọi phương tiện xe đạp thồ, voi thồ đi lại tấp nập, vận tải hàng ngàn tấn hàng từ đồng bằng lên Tây Nguyên và chiến lợi phẩm từ Tây Nguyên về đồng bằng.

Ngày 7 tháng 5 năm 1954, tập đoàn cứ điểm của Pháp ở Điện Biên Phủ bị quân ta tiêu diệt hoàn toàn. Đây là một thắng lợi lịch sử có ý nghĩa quyết định, kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta.

Ngày 20/7/1954, hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương được ký kết. Nước Pháp và các nước tham dự hội nghị cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, Lào và Cam Pu Chia. Thực hiện ngừng bắn ở Việt nam và toàn chiến trường Đông Dương. Fnáp rút toàn bộ quân đội về nước. Lấy vì tuyến 17 làm giới tuyến quân sự tạm thời. Nhân dân Việt nam sẽ tiến

hành tổng tuyển cử trong cả nước để thống nhất nước nhà.

Từ Quảng Ngãi, tin ngừng bắn đưa về làm cho người dân Phố Phong xôn xao và xúc động. Nhiều người dân thắc mắc tại sao ta đang đánh thắng mà không đánh tiếp lại ngừng bắn? Tuy vậy, đa số nhân dân qua chiến đấu lâu dài đã mệt mỏi, giờ phút này được thở phào như người đang gánh nặng được nghỉ ngơi.

Những ngày hòa bình đầu tiên trên quê hương Phố Phong là những ngày vui mừng. Không vui sao được, sau bao năm tháng chiến đấu cực kỳ gian khổ mới có chiến thắng vẻ vang ngày hôm nay. Nhưng trong tâm tư mỗi người thầm chứa một nỗi buồn chia ly do việc thực hiện hiệp định Giơ-ne-vơ đòi hỏi.

Chi bộ Đảng Phố Phong do đồng chí Trần Sẻ làm bí thư, đã cử cán bộ tuyên huấn về các thôn tổ chức cho nhân dân học tập nội dung của hiệp định Giơ-ne-vơ, làm cho nhân dân hiểu rằng, theo hiệp định nước Việt nam tạm thời chia làm hai miền, lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới, miền Nam tạm thời giao cho đối phương, lực lượng kháng chiến của ta tập kết ra Bắc, sau hai năm sẽ tổng tuyển cử thống nhất nước nhà.

Theo qui định của hiệp định Giơ-ne-vơ, sau 300 ngày, kể từ ngày ngừng bắn, quân đội và chính quyền ta rút khỏi Quảng Ngãi. Dợt đầu 80 ngày, ta bàn giao quyền quản lý hành chính cho đối phương từ thị xã Quảng Ngãi trở ra; đợt hai 100 ngày, ta bàn giao từ phía bắc sông Vệ trở ra; đợt ba 300 ngày, ta giao toàn tỉnh Quảng Ngãi.

Trước ngày chuẩn bị bàn giao cho đối phương, chi bộ Đảng họp quyết định đồng chí Trần Sẻ thôi giữ nhiệm vụ bí thư chi bộ, bí mật ở lại làm nhiệm vụ mới sau khi ta rút đi và cử đồng chí Huỳnh A làm bí thư; giao cho cấp ủy, trực tiếp

là đồng chí Huỳnh A và Phạm Độ lập danh sách số cán bộ, đảng viên đi tập kết và chọn số cán bộ, đảng viên có kinh nghiệm chiến đấu, tư tưởng vững vàng, trung thành tuyệt đối với Đảng, phân công ở lại bám trụ quê hương, làm nông cật lãnh đạo cuộc đấu tranh mới.

Số cán bộ được ở lại bắt đầu từ bây giờ được nghỉ công tác, sống như thường dân.

Một số đồng chí đối vùng, làm ăn buôn bán để tránh lộ diện, tìm mọi cách để sống và hoạt động hợp pháp dưới chính quyền của đối phương. Những đồng chí cán bộ cốt cán của xã được Đảng phân công ở lại là các đồng chí Huỳnh Cừ, Huỳnh Danh và một số cán bộ cơ sở ở các thôn ấp như: đồng chí Huỳnh Thuyền (Gia An), Huỳnh A tức Hoàng (Hiệp An), Nguyễn Mưu, Nguyễn Tráng (Vĩnh Xuân), Huỳnh Quang Trung (Hùng Nghĩa), Lê Thị Thước (Tân Phong)... Các đồng chí này suốt trong thời kỳ chống Mỹ-Ngụy vẫn một lòng trung thành với Đảng, thà chết không đầu hàng địch.

Chi bộ Đảng còn vận động một số người có thể tin cậy ra tham gia chính quyền của đối phương như ông Nguyễn Ngọc Anh (tức Trưởng), Trần Ngọc Toai..., và nhắc nhở họ đừng làm gì thiệt hại đến nhân dân.

Trong khi cán bộ ta lần lượt đi tập kết, thì đối phương đến tiếp quản phía bắc sông Vê, chúng tiến hành ngay việc san lũng, bắt bớ số cán bộ ta ở lại. Dã man nhất là vụ chúng bắt số cán bộ ta bỏ vào bao tải mang vứt xuống biển chết một cách thương tâm, làm ảnh hưởng đến tinh thần một số cán bộ ta ở lại.

Tại Phố Phong, trước khi ta bàn giao chính quyền cho đối phương, đã có số người xấu bí mật ra sông Vê nhận làm tay sai cho địch. Chúng về xã dò la cán bộ ta, nắm biết ai ở

lại, ai đi để sau này trình báo lập công với đối phương. Đồng chí Trần Sĩ bị chúng phát hiện, nên cấp ủy quyết định bố trí đồng chí đi tập kết. Chúng tổ chức họp kín với nhau trong các sông cỏ bực trá hình, trong đó có nhóm người ở Hiệp An do tên Trung cầm đầu. Mặc dù sắp bàn giao quyền quản lý cho đối phương, nhưng ta vẫn kiên quyết bắt giam tên Trung và những tên hung hăng khác. Sau vài ngày, đồng chí phó chủ tịch xã Nguyễn Dương giải thích và thả chúng về. Có tên lính súng địch giấu vào bao, giả người đi mua sợi để tìm hiểu tình hình cũng bị cán bộ ta phát hiện bắt giữ.

Nỗi buồn chia ly và nỗi lo lắng cho cuộc sống và đấu tranh dưới chế độ của đối phương, không phải riêng của những người ở lại, mà chung cho cả những người ra đi.

Tổng số cán bộ và quần chúng cách mạng của xã Phố Phong tập kết ra bắc khoảng 200 người (chưa kể lực lượng vũ trang).

Đến hết thời hạn 300 ngày, vào một ngày của tháng 4 năm 1955, xã Phố Phong nằm trong phần đất phía nam Quảng Ngãi phải bàn giao cho chính quyền đối phương. Những cán bộ được ở lại làm nhiệm vụ bàn giao cuối cùng là Huỳnh A, Phạm Độ và Nguyễn Dương.

Trải qua chặng đường chín năm kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954). Đội ngũ cán bộ, đảng viên xã Phố Phong qua các thế hệ nối tiếp nhau, nhiều đồng chí đã tham gia cách mạng từ tiền khởi nghĩa, sau Cách mạng Tháng Tám vẫn bền bỉ tiếp tục cuộc trường kỳ kháng chiến. Ngoài số cán bộ, đảng viên các ngành cấp xã, thôn, còn nhiều đảng viên trưởng thành đã kinh qua công tác ở các ngành cấp huyện, tỉnh.

Nhân dân Phố Phong đã đóng góp vô bờ bến nhân, tài,

vật lực cho cuộc trường kỳ kháng chiến. Nhiều gia đình còn nhường nhà ở của mình cho bộ đội đóng quân, cho các cơ quan quân, dân, chính, đảng cấp xã làm trụ sở.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp rất vĩ đại, nhưng sự nghiệp giải phóng dân tộc chưa hoàn thành. Đảng bộ và nhân dân Phố Phong đã cùng với toàn Đảng, toàn dân, đấu tranh bền bỉ từ ngày Đảng ra đời, đến ngày đánh bại thực dân Pháp xâm lược, giải phóng hoàn toàn miền Bắc, căn cứ địa cách mạng của cả nước. Giờ đây, cùng với toàn miền Nam, nhân dân Phố Phong bước vào cuộc đấu tranh gay go ác liệt nhất, chống đế quốc Mỹ và tay sai, hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước.

CHƯƠNG IV

PHỐ PHONG TRONG CUỘC ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG HƠN 20 NĂM CHỐNG MỸ-NGUY (1955-1975)

I. VUA ĐẤU TRANH CHÍNH TRỊ VUA XÂY DỰNG CĂN CỨ, SỬ DỤNG BẠO LỰC CÁCH MẠNG ĐỂ TỰ VỆ (1955-1960)

1/ Chuyển hướng các mặt hoạt động, chống địch khủng bố, đòi thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ, xây dựng căn cứ Vực Liêm

Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 được ký kết, hòa bình được lập lại, nước Việt Nam tạm thời chia làm hai miền. Miền Bắc hoàn toàn giải phóng, bước vào thời kỳ xây dựng xã hội chủ nghĩa, là căn cứ địa cách mạng, hậu phương chiến lược của cả nước. Miền Nam tạm thời đặt dưới quyền kiểm soát của đối phương. Nhân dân ta còn phải tiếp tục đấu tranh để giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Sau 300 ngày, kể từ ngày ngừng bắn, quân ta rút khỏi Quảng Ngãi. Huyện Đức Phổ thuộc khu vực rút sau cùng, trong đó có xã Phố Phong. Đến tháng 4 năm 1955 thì ta hoàn thành việc chuyển quân đi tập kết.

Chấp hành chủ trương của tỉnh ủy Quảng Ngãi và huyện ủy Đức Phổ, cán bộ ta chuẩn bị mọi mặt về tư tưởng, tổ chức để chuyển sang đấu tranh chính trị, giữ gìn lực lượng,

giữ vững phong trào. Chuyển hướng công tác tổ chức Đảng và quần chúng. Tăng cường giáo dục cán bộ, đảng viên và nhân dân về ý nghĩa thắng lợi của Hiệp định, sự thất bại của địch, âm mưu nham hiểm của kẻ thù mới. Bước đầu quán triệt phương châm, phương pháp đấu tranh trong tình hình, nhiệm vụ mới.

Dầu năm 1955, nhiều đợt cán bộ và nhân dân Phố Phong đã lên đường tập kết ra Miền Bắc, một số ít cán bộ ở lại làm nhiệm vụ hàn giao.

Vấn đề tồn tại phải khẩn trương giải quyết cho nhân dân là vấn đề tiền tệ. Trước khi bàn giao chính quyền cho đối phương, Đảng và Nhà nước ta chủ trương thanh toán "nợ nần" cho nhân dân. Thu hồi toàn bộ giấy bạc "Tín phiếu"⁽¹⁾, đổi lại cho nhân dân bằng vải vóc, thuốc men, gạo, giấy bạc Đông Dương và vàng để nhân dân khỏi bị thiệt thòi.

Tại xã Phố Phong, Ngân hàng liên khu 5 khẩn trương cử cán bộ về thôn, xóm đặt bàn đổi tiền, và thông báo cho nhân dân đi đổi tiền.

Các tầng lớp nhân dân, nhất là các cụ già cảm động rừng rưng nước mắt, không muốn tiêu tiền của địch, định giấu lại tín phiếu để còn nhìn thấy chân dung cụ Hồ trong tờ bạc, chờ sau 2 năm tổng tuyển cử thống nhất nước nhà sẽ mang ra tiêu dùng.

Theo kế hoạch thì thời gian để hoàn thành thu đổi tín phiếu còn rất ngắn. Do đó, phải trưng dụng một số cán bộ có trình độ văn hóa để làm công tác thu đổi tiền cho Ngân

(1) Trong khi kháng chiến, đất nước ta bị địch chiếm đóng từng vùng. Do đó giấy bạc NHQG Việt Nam không lưu thông được. Ở Liên khu 5 được phép phát hành "Tín phiếu" thay cho giấy bạc Việt Nam.

hàng Liên khu 5.

Xã Phổ Phong được trên điều động vào Ngân hàng Liên khu 5 một số cán bộ như: Trần Phổ, Phạm Ngọc Tài, Trần Đức Cảnh, Huỳnh Vy, Trần Lục, Nguyễn Văn Dai, Huỳnh Ân. Mọi đồng chí được phân công, mang giữ trong người một số tiền, vàng và hàng hóa lớn của Nhà nước, để tiến hành đặt bản dổi tiền ở các xã và thị trấn Bồng Sơn, huyện Hoài Nhơn.

Sau khi hoàn thành công tác thu đổi thì thiếu hụt tại chỗ giấy bạc tín phiếu, thanh toán sổ sách với Ngân hàng. Số cán bộ Phổ Phong nói trên đều hoàn thành tốt nhiệm vụ, không ai bị thiếu hụt công quỹ Nhà nước. Vào đầu tháng 4/1955, số cán bộ này được lệnh xuống tàu tập kết ra miền Bắc chuyển cuối cùng.

Ngày 27/4/1955, quân đội Pháp và ngụy quyền tiếp quản xong huyện Đức Phổ. Chúng lập ra các bộ máy kìm kẹp, gọi là Hội đồng hương chánh ở 15 xã, các Ban đại diện ấp, tổng xã đoàn, dân vệ, tổ chức ngũ gia liên bảo. Tổ chức ra mang lưới công an, mật vụ, công dân vụ để thu thập tình hình, lập danh sách cán bộ, đảng viên, những người kháng chiến cũ để trả thù. Chúng tuyên truyền, xuyên tạc cách mạng, gây mất lòng tin, chia rẽ Đảng và quần chúng. Thúc ép nhân dân vào các tổ chức phản động như "Phụ nữ liên đới, Phong trào cách mạng Quốc gia, Thanh niên cộng hòa v.v..."

Tại Phổ Phong, địch ráo riết tập trung bọn phản động tay sai, dựng lên bộ máy chính quyền quân quân và các tổ chức phản động khác ở địa phương. Bằng các chiến dịch "tố cộng, diệt cộng" với khẩu hiệu "bắn nhầm hơn bỏ sót". Chúng lùng vào từng nhà dân bắt khai báo, buộc ly khai Cộng sản. Chúng bắt bớ, đánh đập tra tấn dã man để trả thù những

người kháng chiến cũ, những gia đình có người thân đi tập kết và tất cả những người yêu nước, bằng những thủ đoạn man rợ, đả mạt, ngay cả tên thôn trưởng cũng có quyền bắt người tra tấn.

Tại thôn Vạn Lý, chúng đóng trụ sở Ủy ban quân quản tại nhà ông Võ Dung, Võ Trung, lấy nhà ông Phạm Độ làm nơi giam giữ, tra tấn, những người mà chúng nghi là Cộng sản.

Trước sự khủng bố của quân thù, huyện ủy lâm thời Đức Phổ lúc này đóng ở Đồng Râm (tây Phố Cường), chủ trương gấp rút chuyển hướng hoạt động của tổ chức Đảng, và tổ chức quần chúng cho thích hợp với tình hình mới. Để duy trì bằng được các cơ sở cách mạng, cần phân công cán bộ, đảng viên có kinh nghiệm đứng chân ở địa bàn xung yếu nhảm, làm nòng cốt cho phong trào gây dựng cơ sở, bám sát dân để tuyên truyền, vận động quần chúng đấu tranh. Số cán bộ này được nhân dân hết lòng thương yêu, che chở, nuôi dưỡng bảo vệ với tất cả niềm tin tưởng sát son vào cách mạng.

Thời kỳ đầu, đồng chí Huỳnh Danh được phân công ở lại quê hương Phố Phong để trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng.

Sau đó ít lâu, đồng chí Huỳnh Cừ được Huyện ủy cử về phụ trách các xã phía bắc Đức Phổ, đồng chí Cừ cùng đồng chí Danh chọn Vực Liêm làm căn cứ địa cách mạng. Tại đây, chọn gia đình ông Phạm Khôi, gia đình anh Nguyễn Nhứt làm cơ sở bí mật để xây dựng phong trào.

Vực Liêm là nơi địa hình thuận lợi, dân cư tốt, đủ điều kiện vừa xây dựng cơ sở kinh tế, vừa làm hậu cứ vững chắc, lại vừa giữ được thế hợp pháp cho quần chúng đấu tranh với



VII - Ra quân "Thề quyết tử, giữ gìn quê hương" sau hiệp

dịch. Từ đó, cơ sở cách mạng ở Vực Liêm được phát triển và lan rộng đến các thôn trong xã. Đồng chí Huỳnh Cừ bắt đầu triển khai công việc làm kinh tế, đồng chí móc nối ngay cơ sở ở Hùng Nghĩa là anh Lê Văn Lão, nhờ anh em mua và chuyển lên căn cứ một gánh thuốc và kíp nổ để anh em Vực Liêm lên sông Re đánh cá muối tại chỗ, đem về ăn và dự trữ ở căn cứ, đề phòng dịch bao vây không cho muối từ đồng bằng lên.

Tại Vực Liêm, đồng chí Cừ tổ chức đường dây liên lạc với các nơi trong huyện, tỉnh. Sau đó, huyện ủy điều thêm về hai cán bộ nữa là bốn, để góp sức xây dựng khu căn cứ vững mạnh. Phương thức hoạt động bấy giờ hết sức linh hoạt và sáng tạo. Việc vận chuyển lương thực lên căn cứ phải hết sức linh hoạt, qua mắt được bọn nguy quyền ở địa phương. Bố trí cho các cụ lão thành ở Vực Liêm đến chơi nhà bọn nguy quyền, kể chuyện vui, hấp dẫn, cốt giữ chúng tại chỗ, để bên ngoài lực lượng cơ sở ta tranh thủ chuyển nhanh lương thực về kho một cách bí mật, an toàn.

Cùng thời kỳ này, đồng chí Huỳnh Cừ về Gia An ở trong nhà đồng chí Huỳnh Thuyền, bọn tề nguy biết được kéo đến bao vây và khám nhà. Đang lúc thế bí thì bọn địch mở cửa vào nhà, đồng chí Cừ núp sau cánh cửa, lập tức tung ra cực mạnh làm ngã hai tên địch và nhanh chóng vượt ra. Bọn địch quay ra đuổi bắt, nhưng lạc hướng, đồng chí Cừ thoát khỏi và trở về căn cứ. Chính quyền quân quản địch lúc này « sục lòng bắt và đàn áp đẫm máu những người mà chúng nghi ngờ là Cộng sản còn lại. Mỗi khi chúng nghi ngờ là bắt ngay đem về giam và quản thúc. Đồng chí Huỳnh Danh bấy giờ chọn gia đình ông Viên Khoa ở dốc Ổi (Phố Nhơn) làm cơ sở hoạt động. Tên Thừa Lô con trai Viên Khoa phản

bội đánh lừa, báo đồng chí Danh nằm im trong nhà. Ngày 12/11/1955 hán đi báo địch kéo đến vây bắt đồng chí Danh. Lúc đó đồng chí Danh vượt ra khỏi nhà tên Thừa Lô, đồng bọn đuổi theo đâm, đồng chí Danh ngã xuống, chúng bắt treo đồng chí. Đồng chí Danh, dùng sức tàn còn lại mắng vào mặt chúng và quyết không khai báo. Sau đó, chúng dây đồng chí đi Côn Đảo, ít lâu sau đồng chí Danh chết ... đó, nhân dân vô cùng thương tiếc. Toàn xã Phổ Phong lúc bấy giờ chúng bắt và lần lượt tra tấn hàng nghìn người. Một số ra đầu thú địch, làm cho một phần cơ sở bị lộ, phải thay đổi toàn bộ ám hiệu của đường dây.

Tháng 12/1955 trên điều về thêm 3 cán bộ cho cơ sở hậu cứ Vực Liêm. Lúc này căn cứ có 7 cán bộ, nhờ đó tạo thêm sức mạnh cho cơ sở phát triển nhanh chóng. Chỉ sau thời gian ngắn, đã phát triển được các cơ sở mới như thôn Trung Sơn chọn gia đình ông Phan Lê, anh Nguyễn Mùi (con bà Thông), thôn Tân Phong chọn gia đình bà Lê Thị Thuộc, bà Nguyễn Thị Vân và ông Trần Thành, thôn Gia An có các gia đình ông Huỳnh Thuyền và ông Lê Tấn Mùi. Mặc dù bọn nguy quyền dùng các âm mưu, thủ đoạn xảo quyệt để rình bắt các cán bộ ta nhưng vô hiệu, vì nhân dân đã được giác ngộ cách mạng qua 9 năm kháng chiến một lòng che chở.

Năm 1956, cơ sở cách mạng ở Phổ Phong đã phát triển mạnh, tinh thần đấu tranh của nhân dân lên cao, họ hưởng ứng chủ trương của tỉnh ủy Quảng Ngãi phát động đấu tranh công khai, đòi hiệp thương tổng tuyển cử để thống nhất nước nhà theo hiệp định Giơ-ne-vơ. Ngày 20/7/1956 nhiều cuộc mít tinh, biểu tình của nhân dân ở Phổ Phong cũng như khắp nơi trong tỉnh được tổ chức, có hàng vạn người tham gia. Bọn nguy quyền thì tổ chức ăn mừng thắng lợi vì phá được

hiệp thương tổng tuyển cử.

Cùng với các xã trong huyện Đức Phổ, ngày 20/7/1956 nhân dân Phổ Phong không một người ra đồng sản xuất. Họ ăn mặc đẹp để biểu thị tinh thần đoàn kết đấu tranh chống khủng bố, trả thù những người kháng chiến cũ, đòi bọn quyền địa phương thực hiện tổng tuyển cử, đòi các quyền dân sinh dân chủ. Bấy giờ, chính quyền quân quản ở Phổ Phong càng bộc lộ bộ mặt dã man tàn bạo hơn. Chúng đi ra trò chống cộng, tố cộng, tìm mọi cách ly khai cán bộ cơ sở với quần chúng. Chúng bắt bớ, giam cầm, đánh đập, tra tấn cực kỳ man rợ hàng loạt quần chúng lương thiện, nhất là những người mà chúng tình nghi móc nối với Cộng sản. Chúng lập danh sách đưa vào các trại tập trung và đánh đập, tra tấn những người liên quan với Cộng sản, có người đi tập kết. Có trận chúng tra tấn đến chết 2 ông Phan Kinh và Nguyễn Lạc ở thôn Vạn lý. Chúng đánh đập tàn nhẫn ông Ngô Nhì (Vạn lý), không chịu nổi, ông Ngô Nhì phải nhận có làm kinh tài cho Cộng sản. Lấy lý do đó, chúng bắt ông phải nộp 600 ang thóc (mỗi ang 5 kg) và 2000 đồng mới tha về. Sau đó ông lâm bệnh rồi chết. Mặt khác, chúng thúc ép, bắt dân tập trung để thực hiện mưu đồ đen tối, hòng cắt đứt các đầu mối cơ sở của ta, chấm dứt sự lãnh đạo của Đảng. Sau đó, chúng thành lập chính quyền dân sự, phục hồi giai cấp địa chủ trong xã, chúng đưa bọn này lên nắm địa vị chủ chốt, xóa mờ thành quả Cách mạng Tháng Tám mà người nông dân đã được đem lại. Chúng khôi phục chế độ phong kiến địa chủ, bắt nông dân tá điền phải nộp tô nặng hơn.

Tuy tình hình khó khăn, nhưng cơ sở bí mật của ta vẫn giữ vững và tiếp tục phát triển như, ở thôn Vĩnh Xuân có

gia đình ông Nguyễn Mưu, Nguyễn Tráng, Nguyễn Sốt; thôn Hiệp An có gia đình ông Huỳnh A; riêng thôn Vạn Lý bấy giờ cơ sở cách mạng còn yếu, chỉ có một vài quần chúng được chọn để tạm thời làm cơ sở đơn tuyến.

2/ Phát triển căn cứ Vực Liêm, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang giành quyền làm chủ.

Đầu năm 1957, lực lượng địch ở Phố Phong có một trung đội dân vệ, mỗi thôn có một tiểu đội Thanh niên cộng hòa, lực lượng này được trang bị vũ khí đầy đủ để đàn áp cách mạng. Chúng bắt dân ta rào làng từng thôn, khoanh theo rào vì có cổng ra vào, lòng kiểm soát ngăn chặn mọi hoạt động của ta từ bên ngoài vào. Nhưng cán bộ ta đã có kinh nghiệm hoạt động và nhờ nhân dân che chở, nên vẫn giữ được đường dây bằng nhiều hình thức sáng tạo. Đồng thời, bảo vệ được cơ sở đơn tuyến, đối phó kịp thời với tình hình, giành lấy thế chủ động để tấn công địch. Chấp hành chủ trương của tỉnh ủy Quảng Ngãi và huyện ủy Đức Phổ về việc tiến hành xây dựng căn cứ ở đồng bằng để đứng chân hoạt động và từng bước phát triển lực lượng cách mạng về mọi mặt. Đức Phổ được chọn là một trong bốn căn cứ địa của tỉnh, các xã Phố Cường, Phố Nhơn, Phố Phong được chọn làm địa bàn đặt căn cứ. Nhờ đó, Phố Phong được sự hỗ trợ trực tiếp nhiều mặt, sẵn sàng cùng với huyện xây dựng phong trào. Một số cán bộ về bám trụ tại thôn Tân Phong, nhanh chóng đưa Tân Phong thành vị trí trung tâm của cách mạng để tiếp tục đẩy mạnh hoạt động, đưa phong trào quần chúng tiến lên.

Đầu năm 1958, vào dịp Tết Mậu Tuất, hầu hết cán bộ cơ sở bí mật của ta được phân về bám sát các thôn trong xã, để trực tiếp lãnh đạo quần chúng tiến hành các hoạt

động như rải truyền đơn, xây dựng phong trào; tiến hành tuyên truyền vũ trang ở hai thôn Vực Liêm và Trung Sơn. Từ đó, nhanh chóng triển khai xây dựng lực lượng vũ trang. Chọn thanh niên tốt ở các thôn đưa lên vùng căn cứ để phục vụ công tác vận chuyển tiếp tế lương thực, thực phẩm. Phong trào cách mạng của hai thôn Vực Liêm và Trung Sơn được phát triển mạnh mẽ. Các đoàn thể quần chúng ở đây được tổ chức và bắt đầu sinh hoạt. Cơ sở Vực Liêm dần dần đóng vai trò quan trọng trong phong trào sản xuất tự túc và đóng góp lương thực, tiền bạc cho cách mạng.

Năm 1959, chính quyền Ngô Đình Diệm càng lộ rõ bộ mặt phản động cực kỳ tàn bạo man rợ. Chúng đã tiến hành cuộc chiến tranh đặc biệt ở mức độ cao. Ban hành luật phát xít "10/1959", gây ra cho đồng bào Miền Nam biết bao thảm cảnh đau thương, tang tóc, trong đó có nhân dân xã Phổ Phong ta. Bấy giờ các đồng chí Huỳnh Cừ, Nguyễn Phận (tức Lý Phận)⁽¹⁾ phó bí thư huyện ủy Đức Phổ được huyện phân về bám sát hai xã Phổ Phong, Phổ Thuận để xây dựng cơ sở. Nhưng hai đồng chí này do nằm hăm bí mật đã lâu, nên ngày càng đau yếu, mặc dù nhân dân hết lòng chăm sóc nhưng sức khỏe không lên được. Vì vậy, tình điều động đồng chí Huỳnh Cừ về làm bí thư Nông hội tỉnh Quảng Ngãi.

Đồng chí Huỳnh Cừ đi, các đồng chí cơ sở vẫn tiếp tục hoạt động đều, mặc dù tình hình chiến tranh ác liệt, luật "10/59" của Ngô Đình Diệm nhằm bắt giết hết những người Cộng sản. Bọn chúng về thôn, xã lùng sục, nắm danh sách, điều tra xem ai là người cộng sản. Chúng bắt 7 người chúng cho dịch xác là đảng viên cộng sản: Huỳnh Tài, Huỳnh Văn

(1) Quê ở Vĩnh Hiền, Phổ Thuận

Lê, Nguyễn Ba (Khoa), Lê Tấn Mùi, Huỳnh Thuyền, Nguyễn Mưu và Huỳnh Phước. Chúng đưa đi giam cầm ở một nơi xa thuộc huyện Sơn Tịnh, thời gian 1 tháng, để chờ lệnh xử bắn. Vào một ngày của tháng 12/1959, chúng bị mất 7 người kể trên đưa lên ô tô chở đi, khi đi được một quãng đường chúng tuyên bố có lệnh khoan hồng và chở trở về giam tại nhà lao Quảng Ngãi cho đến ngày chúng tha. Được tin này, đồng chí Nguyễn Phan cử người ra thị xã giả đi thăm tù để nhân báo anh em, ai được tha về thì lần lượt thoát ly lên căn cứ tại nhà xã Dênh, một đồng bào dân tộc ở xã Ba Khâm thuộc huyện Ba Tư, ở đó sẽ có người đón để bố trí công tác. Số anh em này lần lượt được tha hết. Bấy giờ, lực lượng cán bộ ở căn cứ Vực Liêm vẫn giữ vững và trở thành đơn vị vũ trang Xuyên Sơn. Đơn vị này vượt núi Măng Tàng, qua sông Trà Cầu, băng về núi Lớn và trú quân tại Hố Diêm, phía bắc thôn Hùng Nghĩa. Trong thời gian này, ta bắt ngờ mở nhiều đợt tuyên truyền vũ trang lớn, rải truyền đơn, cắm cờ Mặt trận dân tộc giải phóng từ cầu Góc Sộp trở ra thôn Hùng Nghĩa, dán các bản cáo trạng ở ngã ba đường để cảnh cáo những tên gian ác, đã gây ra nhiều đau thương tang tóc cho đồng bào ta. Mở đầu hoạt động là những tiếng súng bắn vào quân thù, và lá cờ nửa xanh nửa đỏ, giữa có sao vàng năm cánh lần đầu tiên tung bay trên xã nhà. Đó là sự kiện lớn lao đã có sức mạnh cổ vũ nhân dân xã ta trong cuộc đấu tranh quyết liệt và bền bỉ của toàn dân tộc Việt Nam. Đó cũng chính là kết quả chiến đấu gian khổ suốt 5 năm qua mới có. Lực lượng ta lúc bấy giờ đã làm chủ từng mảng ở các xã Phổ Phong, Phổ Nhơn, Phổ Thuận...

Năm 1960, lực lượng cách mạng Phổ Phong tiếp tục bám dân, tiến hành diệt ác ôn, đồng chí Đỗ Duy Hưng (Phổ Nhơn) được huyện ủy Đức Phổ điều động sang làm Đội

trưởng công tác xã Phổ Phong.

Một hôm, khoảng nửa đêm ngày 29/4/1960 đồng chí Nguyễn Phận đi công tác qua xã Phổ Phong, khi vào đến thôn Vĩnh Xuân gặp một toán dân vệ trong đó có tên Trịnh Tý gian ác. Khi phát hiện được đồng chí Phận, Trịnh Tý cho người về huy động lực lượng, còn Tý ra mặt chào đồng chí Phận và bám đi theo đồng chí, khi đến bến ông Luận thì Tý vồ bắt sống đồng chí Phận. Dùng sức mạnh, đồng chí Phận vật Tý ngã xuống bóp cổ, cướp súng bắn hân chết. Khi bọn dân vệ kéo đến đồng thì đồng chí Phận đã lợi qua sống an toàn.

Từ khi tên Trịnh Tý bị bắn chết, bọn chúng bắt đầu co lại, không dám rình mò bắt bớ nhân dân; lực lượng chúng dần suy yếu. Chớp được thời cơ, ta tấn công địch liên tiếp và làm chủ hoàn toàn căn cứ Vực Liêm. Tiếp theo đó, ta diệt luôn tên đầu sỏ Nguyễn Liên Minh, đồng thời bắt một số tên khác cảnh cáo, giáo dục rồi tha về; một số tên bỏ chạy. Nhân dân thôn Vực Liêm giờ đây đã được thanh lọc nội bộ, và là thôn được giải phóng đầu tiên của huyện Đức Phổ. Ở Vực Liêm bắt đầu thành lập các tổ chức quần chúng, bầu ra Ban tự quản thôn. Những người từ 17 tuổi trở lên ở đây đều vào du kích và thường xuyên phối hợp chiến đấu với lực lượng vũ trang cách mạng ở dọc đường 5a (thôn Trung Sơn). Các thôn ở đồng bằng vẫn liên tục mở các đợt vũ trang tuyên truyền, làm cho địch lo sợ, mất ăn mất ngủ. Tiếp đến ta diệt luôn tên ác ôn Nguyễn Ngọc Đào ở thôn Vĩnh Xuân.

Qua nhiều lần diệt ác ôn, bọn tề ngụy xã Phổ Phong hoang mang, dao động. Ngụy quyền huyện Đức Phổ thấy cần phải trấn an tư tưởng nhân dân, chúng tổ chức mít tinh với lời

lẽ bào chữa cho sự thất bại nặng nề của chúng, nhưng vô hiệu. Lực lượng cách mạng của ta ngày càng được phát huy thắng lợi. Phong trào đấu tranh của quần chúng, ngày càng đẩy lên với khí thế sôi sục. Lúc này, trên tăng cường cho căn cứ Vực Liêm 5 người nữa, đưa số cán bộ lên 12 người. Nhờ đó, đã tạo điều kiện thành lập Đội vũ trang tuyên truyền của xã Phổ phong, Đội có súng trường và vũ khí thô sơ tự tạo, có nhiệm vụ nắm dân, tuyên truyền chính sách Mặt trận, chọn thanh niên cốt cán thành lập các tổ du kích bí mật ở các thôn từ Trung sơn đến Gia An. Các tổ này có nhiệm vụ bám địch và theo dõi nắm tình hình hoạt động của chúng để báo cho Đội vũ trang xã tìm cách đối phó kịp thời. Đội còn có nhiệm vụ vận động các cơ sở đóng góp lương thực và chuyển lên căn cứ để tạo điều kiện chiến đấu lâu dài.

II - GIÀNH THẮNG LỢI LỚN TRONG THỜI KỲ CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT (1960-1965)

1/ Vượt qua những thử thách của chiến tranh đặc biệt.

Cuộc nổi dậy của nhân dân miền Nam Việt Nam làm tan rã từng mảng chính quyền địch ở cơ sở. Chúng buộc phải chuyển sang chiến lược "chiến tranh đặc biệt". Vì vậy, bọn chỉ huy quân sự địch lập tức điều động đến Phổ Phong trung đoàn 49 thuộc sư đoàn 25 bộ binh để lập đồn tại cây số 7 (Vạn Lý) nhằm án ngữ và bảo vệ của ngõ lên Ba tư. Chúng đặt ở đây một sân bay trực thăng và lực lượng bộ binh, có hàng chục xe tăng, 7 khẩu pháo 105 ly, 16 khẩu cối 81 và 37 pháo các loại. Cây số 7 trở thành tập đoàn cứ



*VIII - Ban thường vụ đảng ủy xã Phố Phong họp thống
qua bản sơ thảo lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và
nhân dân xã thời kỳ 1929-1975.*

tiềm lớn tại xã Phổ phong. Chúng đóng đồn tại đèo Đá Chát (cây số 15) một trung đội, tại cây Ó Qua một trung đội, tại Gò Dê một trung đội, núi Chóp một trung đội và thường xuyên cho lực lượng tuần tra kiểm soát đường 5a cả ngày đêm. Chúng bắt dân trong xã phát quang hai bên đường để cho chúng dễ quan sát Cộng sản phục kích. Mặt khác, chúng bắt dân ta xây dựng ấp chiến lược, xây dựng trụ sở xã của chúng tại Gò Sim (Tân Phong). Ở đây, thường lệ lực lượng cách mạng đốt phá, không an toàn, nên chúng dời về đóng tại nhà ông Võ Ngô (Vạn Lý).

Trước những khó khăn mới, tưởng chừng không thể vượt qua, nhưng với mưu trí linh hoạt của Đội vũ trang xã, nhờ số người trung thành trong quần chúng, lực lượng cách mạng vẫn bám sát dân, áp dụng chiến thuật "chìm sà" và tần dần này ra nhiều sáng kiến mới để vượt qua khó khăn. Sau khi ta nắm được tên Võ My, cảnh sát ngụ quyền xã và tên Trần Tráng thông tin xã của chúng, ta tiến hành phá ấp chiến lược, nhân dân phía trong rào vì thường mở cửa ấp chiến lược cho lực lượng cách mạng vào. Đầu tiên ta đốt vì Vạn Lý, vì Hùng Nghĩa (vì Hùng Nghĩa kéo dài đến xóm Rẫy) sau đó cắt phá từng đoạn dài dây thép gai ở thôn Gia An và đốt phá ấp chiến lược, dịch cố sức huy động dân rào lại, ta liền phá ngay trong đêm đó.

Riêng căn cứ vùng giải phóng Vực Liêm, mặc dù ở sát ranh đồn Đá Chát, nhưng nhân dân ra sức chống địch căn phá nên đã bảo vệ được. Tại đây ta phát động phong trào tăng gia sản xuất tự cấp, tự túc, cải thiện đời sống và dự trữ cho cách mạng, tổ chức các điểm lánh cư, cất dấu tài sản, chống địch oanh tạc. Đội vũ trang xã dựa vào thôn Vực Liêm để sản xuất tự túc. Vực Liêm còn là căn cứ cho

các lực lượng vũ trang khác như: đơn vị 23 của tỉnh đội, đơn vị 219 của huyện Đức Phổ và là nơi lánh cư của một số đồng bào các xã Phổ Thuận, Phổ Văn và Phổ An. Họ lên đây sản xuất lương thực để nuôi sống, và đóng góp cho cách mạng. Nhờ đó mà vùng hậu cứ của ta trong thời gian này có thêm một số lương thực dự trữ.

Năm 1961, thực hiện chủ trương của Đảng, nắm vững phương châm giải phóng từng phần, giành thắng lợi từng nơi, từng lúc. Đội vũ trang xã Phổ Phong đã hướng dẫn nhân dân làm công tác bố phòng, vận động các gia đình vót chông, làm hầm chông, cạm bẫy trên các đường địch thường đi. Động viên nhân dân chặt cây, rải đường từ Vực Liêm ra Trung sơn, đào công sự, đóng cọc dày đặc để chống xe tăng địch. Du kích được phân công canh gác cho nhân dân yên tâm sản xuất. Tại Vực Liêm còn tổ chức biểu tình tuần hành thị uy, đi khắp thôn hỏ to những khẩu hiệu, đòi chúng không được bắn pháo bừa bãi vào làng để nhân dân làm ăn, không được bắt người cướp của, cướp trâu bò, lợn, gà, thóc gạo của nhân dân. Cuộc biểu tình vừa giải tán, liền một đoàn người do ông Nguyễn Cà dẫn đầu lên thẳng quân lị Ba Tư đòi bọn nguy quyền chấm dứt tình trạng trên. Ba lần đấu tranh như vậy, có hơn 35 người tham gia, buộc tên Quận trưởng Ba Tư phải chấp nhận giải quyết.

Tháng 6/1961, kết nạp 1 đảng viên ở thôn Trung Sơn và thành lập liên tổ đảng Trung-Liêm (lúc này chưa có chi bộ) để thống nhất lãnh đạo hoạt động. Tại đoạn đường 5a từ Trung Sơn về cây số 9 (Đá Giang), lực lượng cách mạng thường xuyên uy hiếp địch, giành quyền làm chủ trên đoạn đường này. Nhờ đó đã tạo điều kiện tiếp tục móc nối với các cơ sở ở đồng bằng. Lực lượng cách mạng giáo dục nhân

dân về chính sách Mặt trận và thường xuyên tranh chấp dân đến từng liên gia thuộc phía nam thôn Vĩnh Xuân, nam thôn Gia An, liên gia bốn thôn Tân Phong, xóm ông Vĩnh ở Hiệp An và một xóm phía đông thôn Hùng Nghĩa.

Năm 1962, theo yêu cầu của chiến trường, Trung ương điều động một số cán bộ dân, chính, đảng trước đây tập kết ra bắc trở về miền Nam công tác. Ít năm sau, các đồng chí quê Phổ Phong đã có mặt ở chiến trường miền Nam là: Trần Sẻ, Nguyễn Hoàng (Nguyễn Anh Hai), Bùi Thông, Nguyễn Phan (tức Hoàng Văn), Nguyễn Lưu, Nguyễn Thiệu, Nguyễn Toại, Nguyễn Lưu, Đặng Đồng, Đặng Mão, Phạm Ca, Trần Ngọc Tài, Trần Đức Cảnh, Lê Trung Tự, Nguyễn Tại (tức Tâm), Huỳnh Ân, Trần Vệ, Đặng Thảng (tức Tâm), Nguyễn Tinh, Nguyễn Thiệt, Phạm Tùng Liên, Huỳnh Ngô, Phan Sỹ..., chưa kể số cán bộ thuộc các lực lượng vũ trang. Trong số này có một số đồng chí được vinh dự về công tác tại huyện nhà và trực tiếp công tác ở quê hương Phổ Phong như Nguyễn Hoàng, Nguyễn Phan (tức Hoàng Văn), Trần Sẻ... Đồng chí Hoàng Văn huyện ủy Đức Phổ cử về trực tiếp công tác tại xã Phổ Phong. Lúc đầu đồng chí Hoàng Văn hoạt động tích cực giữa lúc địch ra sức khủng bố, lùng ráp ráo riết cách mạng, cắt đứt mối quan hệ giữa cán bộ và quần chúng. Dịch rào làng kiên cố ở 6 thôn, làm chòi gác, khủng bố nhân dân, đánh úp cán bộ, hạ khí thế đấu tranh của quần chúng. Đồng chí Hoàng Văn tìm cách móc nối với các cơ sở nhằm tranh thủ thời cơ để giành thắng lợi. Được sự đồng ý của huyện ủy Đức Phổ, chi bộ Đảng Phổ Phong được thành lập. Lúc đầu có 4 đảng viên: Hoàng Văn, Lê Tấn Mùi, Phạm Thanh Thủy, Huỳnh Rân (trong đó Thủy và Rân dự bị). Đồng chí Hoàng Văn được bầu làm bí thư chi bộ và trực tiếp lãnh đạo phong trào. Chi bộ hạ quyết tâm mở các đợt vũ trang tuyên

truyền mạnh vào các thôn Gia An, Vĩnh Xuân, Tân Phong và Hiệp An. Phương thức hoạt động lúc này rất linh hoạt, khi thì phân kích, khi thì phản phục kích, làm cho dân về, chính quyền nguy khiếp vía, kinh hồn, buộc chúng phải co lại.

Lực lượng Đội vũ trang xã dần dần phát triển về số lượng và nâng dần chất lượng. Giữa năm 1962 Đội có hơn 10 đồng chí, lúc này bắt đầu chia về các thôn để triển khai hoạt động.

Ngày 6/7/1962, lực lượng vũ trang của xã bí mật dấu quân tại đồng Rộc Nghiêm (bắc Hùng Nghĩa), sau đó men theo đường 5a và xuất hiện bất ngờ nổ súng vào toàn quân Ngụy, làm cho bọn chúng không kịp trở tay, tháo chạy về đồn Cây số 7. Chúng tung tin rằng, có một đoàn quân Cộng sản khá đông kéo về đến thôn Hiệp An đang nổ súng tiến lên Hùng Nghĩa. Thực ra chỉ có 6 đồng chí Đội vũ trang của ta. Thừa lúc này, ta tranh thủ mở nhiều cuộc mít tinh lớn, nhỏ ở các thôn xóm, liên gia ngay trong lòng địch và vùng giáp ranh, để tuyên truyền giáo dục cho nhân dân thấy rõ âm mưu nham hiểm của địch. Có cuộc mít tinh đến 300 người dự. Trong cuộc mít tinh ta bắt một số nguy quyền thôn, áp ra quỳ trước nhân dân để nhận tội, sau đó tha về, nhằm hạ uy thế của địch. Cuộc mít tinh giữa ban ngày (lúc 15 giờ) tại đập Hoành Sơn (Trung Sơn) có đến 200 người dự; đồng bào các huyện Tư Nghĩa, Sơn Tịnh, Bình Sơn chạy vào đây làm nghề củi, gỗ cũng tham gia mít tinh. Từ đây, phong trào tham gia phá ấp chiến lược cũng ngày càng sôi nổi ở các thôn. Qua phong trào này, ta chọn được 4 thanh niên, bổ sung cho Đội vũ trang xã 3 người, cho đơn vị vũ trang 219 của huyện 1 người. Phát triển thêm 2 đảng viên

mới và nhiều cán bộ cơ sở khác. Cuộc vận động đóng góp lương thực cho căn cứ cách mạng cũng thu được nhiều kết quả.

Đến cuối năm 1962, chi bộ Phổ Phong có 7 đảng viên gồm: Hoàng Văn, Phạm Thanh Thủy, Lê Tấn Mùi, Huỳnh Rân, Nguyễn Ba (Khoa), Huỳnh Tài, Trần Bì; Đội vũ trang của xã có 21 đồng chí; nhiều cơ sở cốt cán được phát triển ở hầu hết các thôn trong xã.

2/ Đẩy mạnh đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị, giành quyền làm chủ từng thôn, tiến lên giải phóng toàn xã Phổ Phong.

Bước vào năm 1963, để phối hợp với các cuộc tiến công nổi dậy của quân và dân ta ở các chiến trường, ở Đức Phổ nhất là các xã phía tây, quần chúng đã nổi dậy cùng với lực lượng vũ trang phá ban chấp hành chiến lược. Tiêu biểu cho phong trào đấu tranh chính trị trong thời kỳ này là xã Phổ Hiệp (xã 223). Rút kinh nghiệm Phổ Hiệp, một xã có đội ngũ đấu tranh chính trị mạnh; huyện chỉ đạo Phổ Phong tiến hành vận động tuyên truyền giáo dục quần chúng về ý thức tự giác, đoàn kết, sẵn sàng đấu tranh với địch bất cứ tình huống nào. Kết hợp đấu tranh chính trị với hoạt động vũ trang, Phổ Phong không những chống được càn quét, khủng bố của địch từ đồn Cây số 7 nong ra vùng căn cứ của ta, mà còn phá tan các công sự của địch, đập tan bộ máy ngụy quyền ở nông thôn.

Trước sự lớn mạnh của quân và dân Phổ Phong, địch càng lo sợ, chúng ra sức tăng cường thêm quân để khủng bố hơn nữa đồng bào ta. Chúng đổ thêm quân xuống đồn Cây số 7, tăng cường đồn Đá Chát, tiếp tục hoàn chỉnh áp chiến lược mới kiên cố hơn như đào hào sâu 2 mét, rộng 2

mét, hai bên bờ hào là hàng rào dây thép gai, dưới đáy hào cắm chông dày đặc, hồng ngân cách bằng được lực lượng cách mạng với quần chúng. Để đạt mục đích trên, chúng bắt dân làm khẩn trương cả ngày lẫn đêm, gây cho ta nhiều khó khăn phức tạp. Thời kỳ này, cán bộ, bộ đội tập kết lên đường về miền Nam ngày càng đông hơn.

Giữa lúc kế hoạch Xtalay-Taylor của Mỹ đã kéo dài thêm một năm nhưng vẫn bị thất bại, cuộc khủng hoảng về chính trị của nội bộ Ngụy quyền và Mỹ- Ngụy ngày càng thêm trầm trọng, bước đế quốc Mỹ phải giết dây lăm cuộc đảo chính ngày 01/11/1963, giết anh em Diệm, Nhu. Lúc này cấp trên triệu tập cán bộ về căn cứ chỉnh huấn để chuẩn bị đón thời cơ khởi nghĩa cướp chính quyền.

Tương chừng Diệm sụp đổ, Ngụy quyền suy yếu có lợi cho ta, nhưng Diệm đổ, Thiệu lên chỉ là thay đổi con bài. Từ khi Thiệu nắm chính quyền, chúng tăng thêm quân số để chiếm đóng các chốt điểm, bắt dân ra sức rào ấp chiến lược kiên cố hơn. Phát triển tổ chức Quốc dân đảng, tăng cường bộ máy ngụy quyền gây thêm khó khăn mới cho ta. Chi bộ Đảng họp nhận định tình hình địa phương, đặt ra nhiệm vụ cụ thể, xác định rõ những vấn đề cơ bản, khó khăn và thuận lợi để định ra hướng đấu tranh mới. Toàn Đội vũ trang hạ quyết tâm, mỗi đội viên làm lễ tuyên thệ trước đảng kỳ và cờ Mặt trận giải phóng. Tiến hành phân công một số ở lại xây dựng hậu cứ. Cử 6 cán bộ xuống các thôn đồng bằng lo việc đào hầm bí mật, củng cố và phát triển cơ sở, diệt ác ôn, nhằm phá tan bộ máy ngụy quyền ở thôn ấp.

Đang chiến thuật "chìm sâu", lực lượng vũ trang Phổ Phong kết hợp với lực lượng vũ trang của huyện tiến sâu vào đồn

Cây số 7, đánh bắt ngừ đồn Đá Chát, đồn núi Chóp, làm cho địch hoảng sợ, một số bỏ đồn chạy. Cuối cùng chúng phải chuyển toàn bộ pháo đồn Đá Chát đi nơi khác, thu hẹp phạm vi chiếm đóng, kéo quân đồn về giữ đồn Cây số 7.

Cùng thời điểm này, địch đưa hàng tiểu đoàn đổ quân đánh phá căn cứ Vực Liêm và Xuân Lĩnh. Quân ta chặn đánh dữ dội, gây cho chúng thiệt hại nặng nề, tàn quân địch tháo chạy về đồn Cây số 7.

Đi đôi với hoạt động vũ trang, ta tiến hành diệt ác ôn. Tên ấp trưởng Tư Bắc và tên Nho, cảnh sát thôn Trung Sơn đã bị trừng trị đích đáng. Sau đó, đến lượt tên Lê Ba, trung đội trưởng dân vệ thôn Vĩnh Xuân đã phải đến tới. Đốt và trang ta tiến vào Gò Sim thôn Tân Phong, phá cơ quan Hội đồng xã của chúng, đốt sạch bàn ghế, tài liệu, thu 1 máy đánh chữ, xé nát cờ ba que, treo lên thứ hai lá cờ Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Dưới góc cột cờ ta cắm chông, gài mìn, bọn chúng không có tên nào dám lại gần. Do đó lá cờ nửa xanh nửa đỏ vẫn cứ phất phới bay suốt trong hai đêm một ngày, kiêu hãnh và hiên ngang trên bầu trời trung tâm xã nhà. Kê qua, người lại đều ngẩng mặt nhìn lên lá cờ Mặt trận rồi mỉm cười sung sướng. Họ thầm nhớ đến năm 1930, cũng tại nơi đây, quê hương cách mạng có người anh hùng liệt sỹ Nguyễn Nghiêm thân yêu đã cùng với đồng chí, đồng bào mình sôi nổi đứng lên đấu tranh quyết liệt với quân thù.

Địch lúc này hoang mang, dao động, lo sợ. Bộ máy chính quyền ngụỵ thôn Gia An ban ngày coi như tranh chấp, ban đêm ta làm chủ hoàn toàn. Có số người trong ngụỵ quyền thôn Gia An đã đem nạp cho lực lượng cách mạng 3 khẩu súng các bin, gần trăm quả lựu đạn, 6 súng săn 12 ly, 8 cồng

đạn các loại để ta giữ thế hợp pháp cho chúng. Sau đó ta tuyên bố giải tán chính quyền ngay ở thôn này. Ta còn lôi kéo được một số lính dịch bỏ hàng ngũ về tham gia hoạt động cùng với lực lượng cách mạng.

Phổ Phong còn là xã nổi tiếng phá ấp chiến lược trong toàn huyện Đức Phổ. Có đêm ta huy động hàng trăm quân chúng phá ấp chiến lược Vĩnh Xuân thu dọn dây thép gai, và lấy cọc sắt đem làm cầu qua Phố Nhơn. Dụng cụ phá dây thép gai là kìm cộng lực của Mỹ mua từ Sài Gòn ra⁽¹⁾, cộng với rựa tranh, cuốc đầu của nông dân mang đến, hiệu quả phá hoại rất nhanh. Lực lượng vũ trang Phổ Phong lúc này đã lớn mạnh, hoạt động thường xuyên thu nhiều kết quả. Nhiều hôm ta đánh địch giữa ban ngày. Có lần, vào lúc 15 giờ Đội vũ trang ta đuổi theo bắn tên canh sát thôn Vĩnh Xuân. Một số du kích hoạt động hợp pháp đưa hàng ngàn truyền đơn vào thôn Vạn Lý giữa ban ngày. Một hôm, vào lúc 19 giờ đồng loạt 6 thôn đều nổ súng vào bọn nguy quyền, đốt các chòi gác, mở mít tinh, trong khi đó bọn dân vệ đang ăn nhậu say sưa tại cây số 6 (Vạn Lý) cũng bị du kích ta đánh một trận, làm cho chúng khiếp vía chạy thực mạng về đồn Cây số 7. Sau đó, chúng quay lại bắn trả vu vơ, ta an toàn rút lui. Một trận khác, ta ép bọn nguy quyền ấp Gia An lên xã yêu cầu chính quyền xã đưa lực lượng dân vệ xuống thôn mở mít tinh, trấn an tinh thần dân chúng. Chính quyền nguy xã nhất trí định ngày giờ về, bọn ấp Gia An báo lại với ta theo kế hoạch đã định. Hôm ấy, đội vũ trang xã

(1) Ông Ba Đông người Vĩnh Xuân là quân chúng tốt, có xe tải vào buôn bán Sài Gòn, đồng chí Hoàng Văn nhờ mua kìm cộng lực của Mỹ.



*IX - Em thiếu niên Nguyễn Cường (Gia An) là dũng sĩ diệt
mỹ xa Phổ Phong*

cùng với đại đội 219 của huyện được trang bị đầy đủ, về trú quân tại thôn Gia An lúc 12 giờ mà địch không hề hay biết. Chiều đến chúng bí hừng kéo nhau xuống ấp. Cán bộ ấp tập trung dân tại một địa điểm đã định. Lúc này lựa thế nổ súng vào bọn chúng rất khó, vì sẽ trúng vào dân, du kích ta đành rút ra ngoài, chuyển sang vị trí khác để chặn đánh chúng trên đường về. Khi bọn chúng giải tán về đến xóm bà Thuận, quân ta nổ súng tới tấp, bọn tề ngụy bỏ cả xe chạy tán loạn, mất vía kinh hồn. Từ đó, hai thôn Gia An và Vĩnh Xuân ta làm chủ hoàn toàn, nhưng vẫn giữ thế hợp pháp để buộc chúng giải quyết đời sống cho nhân dân.

Trong thời gian này, địch tập trung tuyên truyền ảnh hưởng của tổ chức Quốc dân đảng. Với hình thức đánh trống ghi tên, có mời mà không có mặt cũng ghi vào danh sách. Chúng tìm cách phân hóa ly gián, gây cho ta khó khăn lớn trong việc phân loại quần chúng. Ta tổ chức cuộc đấu tranh vạch trần bộ mặt thật của chúng, đồng thời đưa người xâm nhập vào tổ chức Phật giáo để vận động người trong đạo tung tin ông Võ Bàu (Vạn Lý) là người Quốc dân đảng, làm chủ tịch hội Phật giáo mà lại ăn thịt trâu, thịt chó, uống rượu, yêu cầu cho ông Võ Bàu nghỉ. Trong Hội Phật giáo dư luận xôn xao, bọn chúng phải cho ông Võ Bàu nghỉ. Qua đó, ta vạch cho quần chúng nhân dân rõ thêm cái gọi là "Quốc dân đảng" của chúng và hạ uy tín ông Võ Bàu, là một người nguy hiểm cho cách mạng.

Thời gian này huyện đội Đức Phổ cho đại đội 219, thường xuyên phối hợp chiến đấu với Đội vũ trang tuyên truyền Phổ Phong. Từ đó, ta có lực lượng chiến đấu mạnh. Có lần ta đánh ngay vào trung đội Thanh niên cộng hòa Hiệp An do tên ấp trưởng Trần Huỳnh làm bí thư, tên Huỳnh Cúc (Hiệp

An) làm phó bí thư nằm trong trung đội này. Trận này ta vây đánh, bắt sống được 7 tên, thu 6 súng, tên Huỳnh Cúc ngoan cố không chịu giao súng, ta bắn chết ngay tại chỗ. Ta viết bản cáo trạng đưa ra công chúng nêu rõ tội trạng của y. Ít hôm sau ta bắt luôn tên Bùi Tuyên bí thư chi bộ Quốc dân đảng (Tân Phong) đi cải tạo, sau đó tha về. Trong dịp này, ta chọn được 30 thanh niên bổ sung cho lực lượng vũ trang.

Về kinh tế, thời gian này ta động viên nhân dân đóng góp thóc, gạo, tiền bạc cho lực lượng cách mạng. Nhân dân hưởng ứng, kết quả thu được 500 ang thóc (5kg/ang), 60 ang gạo. Ta đã kịp thời chuyển lên căn cứ số thóc và gạo trên để ăn và cất giấu dự trữ.

Bấy giờ, tiểu đoàn 50 lính kinh đóng ở cứ điểm Cây số 7 và các chốt ở Phố Phong bị ta đánh liên tục, không chịu nổi, chúng bỏ đồn rút chạy. Ít lâu sau, chúng đưa đại đội lính Ra đê đóng giữ lại. Riêng thôn Trung Sơn cạnh đồn Đá Chát, ta vẫn giữ thế tranh chấp, ngày ta lặn, đêm ta làm chủ. Lực lượng vũ trang Phố Phong phối hợp với đơn vị Đặc công của Công trường 3 Quân khu 5 liên tục đánh phá các chốt, điểm của địch và chặn đánh các xe quân sự của chúng qua đoạn đường 5a. Ta làm chủ đoạn đường này trong thời gian dài.

Năm 1964, chi bộ Đảng Phố Phong có 19 đảng viên. Tháng 8/1964 đồng chí Hoàng Văn được điều về huyện, đồng chí Phạm Thanh Thùy làm bí thư chi bộ. Cơ sở quần chúng lớn mạnh cả lượng và chất. So sánh lực lượng giữa ta và địch một cách khách quan, thì xã ta đủ điều kiện tiến lên khởi nghĩa cướp chính quyền. Nhưng phong trào các xã lân cận chưa phát triển đều, cần phải có thời gian mới phối hợp hành động được. Thời kỳ này, lực lượng vũ trang Phố Phong

đã mạnh và có uy thế, nên đã huy động một lúc đến 300 dân đi phá ập chiến lược. Trong một đêm ta đã phá và san bằng ập Gia An, rồi mở một tỉnh dân chúng, truy bắt bọn chính quyền địch, chúng hoảng hốt chạy trốn.

Đối với đấu tranh vũ trang, có hàng chục cuộc đấu tranh chính trị kéo vào đồn Cây số 7 đòi chúng không được bắn vào dân, để mọi người yên tâm làm ăn. Mỗi lần đi đấu tranh ít nhất là trên dưới 30 người, có lần đến 100 người. Ta đưa đơn hợp pháp buộc Đồn trưởng phải chấp nhận giải quyết các yêu cầu: các cuộc hành quân bằng bộ binh, xe tăng... không được làm hư hại đến hoa màu, không được cướp bóc tài sản, trâu bò, heo, gà, thóc, gạo và không được hiếp dâm v.v... Sau đó địch có phần hạn chế đi càn quét.

Tháng 8/1964, dưới sự lãnh đạo của huyện ủy Đức Phổ và của chi bộ, ta khởi nghĩa cướp chính quyền ở thôn Gia An, thu được thắng lợi bước đầu. Tiếp theo đó, thôn Vĩnh Xuân khởi nghĩa cũng thu được thắng lợi. Ta mở một tỉnh tại chỗ có khoảng 300 người tham dự, ta tuyên bố giải tán bộ máy chính quyền của địch trước nhân dân, mọi người đều vui mừng, phấn khởi. Sau khởi nghĩa 2 ngày, ta đã thành lập được 2 trung đội tự vệ chiến đấu ở Gia An và Vĩnh Xuân; ta cũng xây dựng làng chiến đấu và tổ chức tự vệ canh gác ở hai thôn này.

Cuộc khởi nghĩa ở hai thôn nói trên đã tạo cho các xã Phổ Nhơn, Phổ Thuận bắt đầu nổi dậy giải phóng các thôn gần xã Phổ Phong. Lúc này bọn nguy lo sợ, chúng điều nhiều xe, pháo và trung đội bộ binh từ Mộ Đức lên đánh vào thôn Hiệp An, Gia An, và tiến thẳng đến thôn Vĩnh Xuân. Lực lượng du kích ta quần cho địch một trận dữ dội từ 12 giờ trưa cho đến 5 giờ chiều, cuộc chiến đấu diễn ra

ác liệt. Cho đến tối hôm ấy, chúng phải rút lui về đồn Mộ Đức, mang theo nhiều xác chết và người bị thương. Từ đó bọn địch ở Mộ Đức hoảng sợ bỏ mặc cho bọn đồn Cây số 7.

Tháng 10/1964 (Giáp Thìn) trong khi ta đang chuẩn bị lực lượng đánh lớn, thì xảy ra trận lũ lụt lớn chưa từng có, làm núi lở, cây đổ, nước dâng cao ngập cả ruộng đồng, đường sá. Nông dân bị thiệt hại về mùa màng, bộ đội khó khăn trong hành quân.

Lúc này, ta huy động hàng trăm quần chúng từ Gia An kéo ra phá đoạn đường 5a. Trong một đêm ta đã cắt đứt quãng đường này ra nhiều đoạn, làm trở ngại giao thông giữa quận lỵ Ba Tư xuống đồng bằng và ngược lại. Trong việc chỉ huy phá đường, các đồng chí Nguyễn Xã, Huỳnh Phúc, Nguyễn Bảy (đều là người Gia An) trúng phải mìn, hi sinh. Sau khi cắt đứt giao thông, bọn địch phải dùng máy bay trực thăng tiếp tế cho quận lỵ Ba Tư.

Riêng bọn lính ở đồn Cây số 7 thì nằm im lo sợ, nội bộ rối ren. Ta tranh thủ đưa ba thôn Hiệp An, Hùng Nghĩa và Tân Phong vào thế tranh chấp. Ban ngày ta để cho dân hợp pháp đấu tranh, đêm ta làm chủ hoàn toàn. Sau đó, ta tiến hành khởi nghĩa nốt 3 thôn này và giao cho đại đội 219 chốt giữ để bảo vệ thành quả đã giành được,

Khởi nghĩa xong ở ba thôn, Mặt trận dân tộc giải phóng ra mắt toàn dân. Riêng thôn Vạn Lý, vì điều kiện cơ sở còn yếu chưa tiến hành khởi nghĩa được. Và lại, ta còn phải truy tróc bọn ác ôn, phá tan tổ chức Quốc dân đảng, truy bắt bằng được bọn này để cho đi cải tạo, rồi sẽ tiếp tục khởi nghĩa. Lúc này, lực lượng quân khởi nghĩa có nhiều khi thế, đi đến đâu cũng được quần chúng sẵn sàng đón tiếp, nuôi dưỡng và dẫn cán bộ đi lùng bắt bọn ác ôn, tề

nguy còn ẩn núp trong thôn xóm.

Vào một đêm trăng thu tháng tám, bầu trời quang đãng mát mẻ, nhân dân các thôn được giải phóng đã tổ chức cuộc biểu tình lên hàng nghìn người. Từng đoàn người già, trẻ, gái, trai, có những cụ già ngoài 80 tuổi như cụ Chánh, ở thôn Vĩnh Xuân cũng tham gia cuộc biểu tình. Đoàn người phần khởi tay cầm cờ Mặt trận, miệng hô vang khẩu hiệu cách mạng, hiện lên những gương mặt hân hoan và tràn đầy tin tưởng. Khi các đoàn người đến địa điểm tập trung tại thôn Tân Phong, bà con sắp hàng có trật tự và tất cả đều hướng về phía lễ đài, nhìn lá cờ Mặt trận dân tộc giải phóng đang tung bay. Dưới cờ là chân dung chủ tịch Hồ Chí Minh và ảnh của chủ tịch MTDTGPMNVN Nguyễn Hữu Thọ. Ông Lê Tấn Mùi (Gia An) chủ tịch MTDTGPMNVN xã Phổ Phong bước lên lễ đài, một tràng vỗ tay dài của hàng nghìn người nổi lên chào mừng, rồi từ từ im lặng để nghe vị chủ tịch Mặt trận nói chuyện. Từng đoạn dứt lời của vị Chủ tịch, từ trong đám người lại nổi lên hàng loạt tiếng vỗ tay để tỏ ra hoan nghênh và quyết tâm thực hiện lời kêu gọi của Mặt trận DTGP. Cuộc mít tinh đã kết thúc thắng lợi, đồng bào giải tán ra về. Sau đó hai hôm, có đến gần 100 thanh niên tình nguyện xung phong lên đường làm nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc.

Dưới sự lãnh đạo của chi bộ Đảng nhân dân ra sức đoàn kết chiến đấu đến cùng để bảo vệ quê hương được giải phóng.

Về phía địch, sau khi bị thất bại ở các thôn, đường 5a bị cắt đứt, đồn Cây số 7 bị cô lập, Bọn nguy quyền cấp trên cố hà hơi tiếp sức cho bọn nguy quyền xã, ấp. Chúng hòng đánh chiếm lại Phổ Phong để lấy ảnh hưởng và gỡ thế bí trong lúc này, nên cho tình báo thọc sâu vào các thôn, nhiều tên

bị du kích ta tóm cổ. Có tên chạy đến phía nam thôn Tân Phong bị cụ già Huỳnh Quới dùng rựa chém chết, vì tên này đã có nợ máu nên phải trả bằng máu. Sau đó, chúng phải tên Dinh Ngô đại tá nguy đi máy bay trực thăng xuống đồn Cây số 7 chỉ huy số lính còn lại. Khoảng 1 tiểu đoàn cơ động có quân địa phương, dân vệ, phối hợp từ Mộ Đức phiêu lưu kéo lên càn quét từ thôn Vạn Lý, đến Tân Phong vào Vĩnh Xuân. Trên đường hành quân chúng kéo đến gần cầu Thi, trước ngõ ông Khoa thì bị ba tổ du kích ta do Nguyễn Văn Lý chỉ huy, phục sẵn đánh cho chúng một trận bất ngờ, làm chết một tên, bị thương nhiều tên. Dịch vội vàng mang xác chết và người bị thương chạy thẳng về đồn Cây số 7. Bọn lính kinh còn lại ở đồn Cây số 7 hết hoảng ngày đêm dò dẫm đi nơi khác, chỉ còn bọn lính Re lo cố thủ và chờ tiếp tế bằng máy bay. Một hôm, có chiếc máy bay trực thăng đến tiếp tế, du kích ta dùng súng garăng bắn rơi tại cây số 6, tên lính trong máy bay nhảy dù ra chạy bộ về đồn Cây số 7. Kết hợp với đấu tranh chính trị, lực lượng vũ trang cách mạng cùng với nhân dân thôn Vạn Lý tìm bọn dân vệ truy bắt, diệt bọn ác ôn, thường xuyên uy hiếp đồn Cây số 7, đòi địch phải thực hiện dân sinh, dân chủ. Đã có hàng trăm lượt người đưa đơn vào đồn yêu sách. Có 27 lần đấu tranh chính trị, buộc chúng phải nhận đơn và xin ta để chúng yên. Giữa lúc địch rệu rã, ta phóng thanh suốt ngày đêm vào đồn kêu gọi bọn lính ra hàng hoặc bỏ đồn về nhà. Sau đó, có một số dân vệ mang súng ra hàng. Bọn nguy quyền ra trình diện hàng chục tên. Số còn lại thì ngoan cố, nhưng sau đó cũng tìm đường trốn thoát. Vào một ngày cuối tháng 12/1964, bọn lính ở đồn Cây số 7 chạy về đồn Mộ Đức, bị du kích Phố Phong bao vây chặn đánh một trận tại khu vực ga Mộ Đức (nay là ga Thạch Trụ), làm chết 20 tên, số còn lại tháo chạy về Thạch Trụ.

Từ đó, vùng xóm Ga do ta làm chủ. Bọn dân vệ thôn Hiệp An bỏ chạy về đồn Đức Phổ.

Vào cuối năm 1965, trong đêm ta tấn công đồn núi Thụ, gặp trận lũ lớn không kém năm Giáp Thìn. Đồn này do tên thiếu tá Trọc khét tiếng ác ôn chỉ huy. Bị trận lũ bất ngờ, nên các cánh quân ta không hợp đồng được với nhau. Kế hoạch tác chiến bị nhờ, quân ta không đường rút lui. Dịch dùng hỏa lực pháo mạnh phản kích lại, quân ta bị tổn thất nặng nề.

Ít lâu sau đó, ta lại vây ham đồn núi Thụ, thiếu tá Trọc phải rút chạy, ta triệt hạ luôn cứ điểm này.

Sau khi địch ở đồn Cây số 7 bỏ chạy, xã Phổ Phong mới được hoàn toàn giải phóng. Chính quyền cách mạng được thành lập từ xã đến thôn. Ta tiếp tục truy lùng bắt thêm được 12 tên nguy hiểm ở xã ấp đưa đi cải tạo. Tổ chức mít tinh nhân dân đưa một số tên ra đầu thú, nhận tội. Lúc này Mặt trận dân tộc giải phóng xã Phổ Phong và các đoàn thể trong xã được kiện toàn từng bước vững chắc. Chi bộ Đảng phát triển đến 25 đảng viên và đã giữ vững vai trò lãnh đạo trong mọi công tác. Đảng viên nhân dân đóng góp nuôi quân được 500 ngàn đồng (bạc ngày), 2.500 ang thóc và đã huy động nhân dân vận chuyển thặng số thóc này về vùng căn cứ. Quân khu V về xin một lúc hàng trăm thanh niên Phổ Phong lên đường phục vụ chiến dịch Tây Nguyên thời gian 4 tháng để làm đường từ Ba Tơ lên Kon Tum.

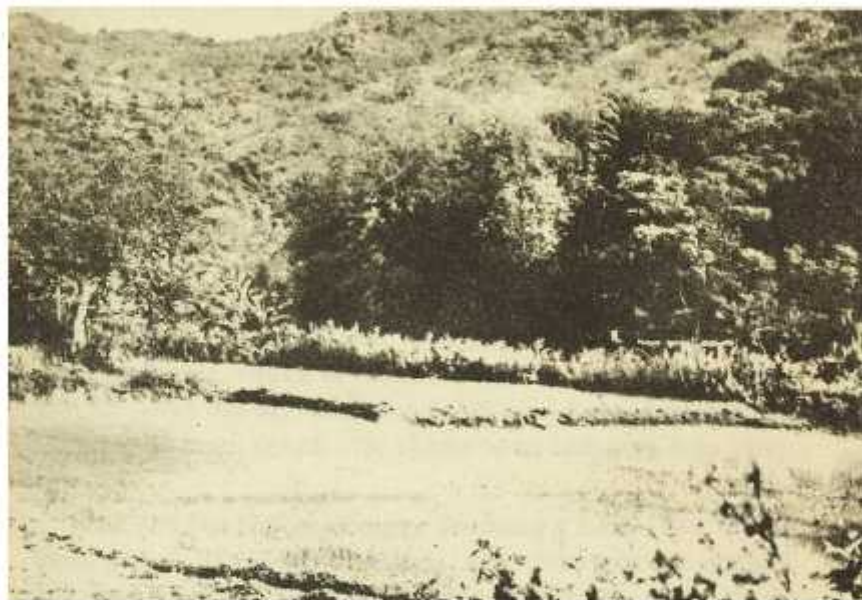
Giải phóng Phổ Phong là một thuận lợi lớn cho cách mạng, tạo thế liên hoàn giữa đồng bằng và miền núi Tây Nguyên, nối liền hậu phương với tiền tuyến.

III - QUÂN DÂN PHỐ PHONG ĐÁNH MỸ, DIỆT NGŨY TRONG CUỘC CHIẾN TRANH CỤC BỘ (1965 - 1968)

1/ Mỹ đổ quân xuống Phố Phong, sự ác liệt của chiến tranh cục bộ.

Năm 1965, chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ có nguy cơ phá sản hoàn toàn, buộc chúng thay đổi chiến lược mới, "chiến tranh cục bộ", hòng nhanh chóng giành lại thắng lợi quyết định bằng sức mạnh quân sự của quân đội viễn chinh Mỹ. Chiến lược này do tướng Mỹ Oét-mo-len đề xuất, được Tổng thống Mỹ Giôn-xơn chuẩn y. Chúng đưa sang miền Nam Việt Nam nhiều binh đoàn quân chiến đấu Mỹ, cùng với số máy bay, bom đạn cực lớn để làm lực lượng cơ động chiến lược. Chúng bắt đầu mở các cuộc hành quân lớn "tìm diệt", chủ lực ta. Cục diện đấu tranh nói chung và riêng xã Phố Phong giờ đây đã bước lên một tầm cao mới. Cuộc chiến đấu không còn bó hẹp trong phạm vi xã mà còn liên quan đến các vùng rộng lớn trong tỉnh, trong huyện và các xã bạn. Đối tượng chiến đấu giờ đây chủ yếu là quân đội viễn chinh Mỹ và bọn chư hầu. Bọn tề ngụy trong xã sau khi bị đánh gục, một số lớn không tham gia tề ngụy nữa, đã bỏ quê đi làm ăn nơi khác. Một số bọn trẻ thì hiếu chiến, hung hăng lao theo Mỹ, dựa vào sức mạnh vũ khí của Mỹ để ngóc đầu dậy.

Ngày 2/5/1965, Bộ Tư lệnh Quân khu 5 ra chỉ thị "chuẩn bị tư tưởng cho bộ đội trực tiếp chiến đấu với quân Mỹ". Trong đó phân tích, nếu ta tiêu diệt được đơn vị Mỹ thì có ý nghĩa quan trọng không chỉ đối với chiến trường miền Nam



X - Hồ Bả Diễm, căn cứ kháng chiến chống Mỹ - Ngụy của Đảng bộ và nhân dân xã Phổ Phong.

Việt Nam mà còn có ý nghĩa quốc tế.

Cuối năm 1965, huyện ủy Đức Phổ tổ chức nhiều cuộc họp mở rộng đến cán bộ xã, chuyên bàn về đẩy mạnh phong trào chiến tranh du kích trong huyện, củng cố vùng giải phóng, chuẩn bị sẵn sàng đánh quân Mỹ càn quét, khi chúng đến Đức Phổ. Phổ Phong cùng với các xã trong huyện khẩn trương tổ chức, quán triệt cho lực lượng vũ trang và nhân dân kinh nghiệm đánh Mỹ của quân và dân Bình Sơn và xác định ý chí quyết tâm đánh Mỹ. Ban chỉ huy huyện đội Đức Phổ phát động phong trào thi đua "quyết đánh và quyết thắng giặc Mỹ xâm lược". Sau đó, đã cử nhiều đoàn cán bộ xuống bám sát cơ sở để trực tiếp giúp đỡ, kiểm tra, đôn đốc các địa phương, chuẩn bị mọi mặt, sẵn sàng triển khai chiến đấu với quân đội Mỹ. Chỉ trong thời gian ngắn, hầu hết các thôn xã, đã hoàn thành việc chuẩn bị tư tưởng và biện pháp diệt Mỹ.

Mùa khô lần thứ nhất, ngày 28 tháng 1 năm 1966 Mỹ đã dùng đến 5 tiểu đoàn lính thủy đánh bộ thuộc sư đoàn 3 thủy quân lục chiến với tám nghìn quân, hàng trăm xe cơ giới, pháo binh và nhiều máy bay, pháo tàu biển tấn công vùng Đức Phổ. Ngày 31/1/1966 lần đầu tiên Mỹ đổ quân ồ ạt xuống Phổ Phong. Chúng đổ quân xuống núi Xương Rồng và tỏa đi lùng quét vùng Vĩnh Xuân, Nhơn Phước. Giờ đây lực lượng ta thực sự tiếp cận với quân đội Mỹ.

Bấy giờ, lực lượng công trường 3 (sư đoàn 3) Quân khu 5 đóng tại xã Phổ Phong phối hợp với lực lượng vũ trang địa phương để triển khai đánh Mỹ. Tại chân núi Xương Rồng, chiến sĩ Nguyễn Văn Lý (Vĩnh Xuân) cùng đồng đội dùng súng trường K.44 đánh cho chúng một trận phủ đầu, diệt 18 tên Mỹ ngay tại chòm xã Tầu (Vĩnh Xuân), buộc chúng

phải rút quân trong ngày hôm đó. Đây là trận thắng Mỹ đầu tiên của du kích Phố Phong. Trận này đã củng cố thêm quyết tâm diệt Mỹ của nhân dân và du kích xã ta.

Ít lâu sau, quân Mỹ đổ về Phố Phong ngày càng nhiều, chúng bắt đầu chiếm đóng các cao điểm trong vùng. Phố Phong bấy giờ nằm trong tầm pháo của các cao điểm núi Thụ, và núi Xương Rồng. Suốt ngày đêm lính Mỹ kiểm soát, bắn pháo vào các thôn xóm. Chúng bắn tĩa từng người đi lại làm ăn, mà chúng nghĩ là du kích. Có khi thấy đồng người, đi lại làm ăn ngoài đồng, lính Mỹ bắn hàng trăm quả pháo 105, gây đau thương chết chóc cho đồng bào ta. Chúng còn thạo cách đánh du kích, ngày đêm chúng đi từng tổp nhỏ rình mò trong thôn xóm để phục kích bộ đội ta. Cùng với bộ binh, trên bầu trời không lúc nào ngớt tiếng máy bay lên thắng, chúng quần lượn để săn bắt nhân dân, cán bộ, bộ đội đưa lên máy bay chở về tra hỏi. Có khi chúng bắn đến cả đàn trâu bò đang ăn cỏ, đốt phá nhà cửa v.v..., gây cho đồng bào ta biết bao tổn thất nặng nề. Phố Phong có hàng trăm người dân làm ăn bị pháo Mỹ bắn chết. Ngoài pháo mặt đất, giặc Mỹ còn thường xuyên bắn hàng nghìn quả pháo từ hạm đội ngoài biển vào dọc hai bên hành lang đường 5a đến núi Lớn và Vực Liêm... Để tiêu diệt lực lượng ta giành quyền kiểm soát đoạn đường 5a từ Thạch Trụ đến cây số 7, lính Mỹ thường xuyên sục sạo, vây ráp đồng bào ta hai bên quảng đường này.

Qua các trận săn lùng, phục kích, địch đã bắn giết nhiều đồng bào ta khi chúng nghĩ là cán bộ, bộ đội, trong đó có các đồng chí Phạm Tùng Liên (Hùng Nghĩa), Nguyễn Thiệt (Gia An). Thời kỳ đầu, nhân dân cố hoang mang, lo sợ, bản tính việc lánh nạn. Nhưng dưới sự chỉ đạo của chỉ bộ Đảng,

cán bộ đã kịp thời đi sâu từng gia đình thăm hỏi, trấn an tinh thần và động viên nhân dân vượt qua khó khăn. Giặc Mỹ đánh phá ban ngày, ta sản xuất ban đêm. Đồng thời, củng cố lại hầm hố tránh bom đạn, vận động bà con giúp nhau làm lại nhà cửa, mua sắm dụng cụ sản xuất đã bị giặc cướp phá. Quyết tâm trụ bám quê hương, sản xuất và chiến đấu, tìm cách đánh trả lại địch. Giữa lúc khó khăn này, Quân khu 5 yêu cầu nhân lực, Phổ Phong đã vận động được 300 thanh niên để bổ xung vào quân đội Liên khu, 50 thanh niên vào bộ đội huyện. Động viên tài lực cho chiến trường với mức cao.

Quê hương Phổ Phong giờ đây thực sự là chiến địa, quang cảnh xác xơ, ruộng đất bỏ hoang, nhà cửa vườn tược bị giặc Mỹ bắn phá, đốt đi đốt lại nhiều lần, trở thành vành đai trắng. Nhân dân muốn sống yên ổn làm ăn, phải dồn về ở cạnh đồn, bớt địch để sống hợp pháp. Do đó, một số dân trong xã đã tạm lánh đến ở tại xóm 6 chân núi Thụ. Những khi lính Mỹ nguy bắn phá, cướp bóc thì dân ở đây kéo thẳng vào đồn địch để đấu tranh. Có lần, nhân dân Phổ Phong tập hợp số đông kéo đến đồn Trà Cầu kêu kiện về việc bắn phá bừa bãi vào dân. Lần này bọn chỉ huy nguy lánh mặt không tiếp, chúng còn vây bắt một số đồng bào ta đem giam cầm, tra tấn.

Mở đầu cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ hai vào tháng 01/1967, Mỹ dùng một trung đoàn thuộc Sư đoàn 3 Thủy quân lục chiến đổ quân vào Đức Phổ. Sau đó, chúng huy động thêm các đơn vị thuộc sư đoàn Không vận số I, Sư đoàn "Anh cả đỏ" và đến tháng 4/1967, chúng đưa thêm toàn bộ Lữ đoàn I, sư đoàn dù 101 thay phiên nhau đánh phá trên địa bàn Đức Phổ. Thời kỳ này, Mỹ tiến hành xây

dựng các căn cứ lớn như sân bay Gò Hội, khu hậu cần Phố Vinh và các cao điểm trong vùng.

Từ các cứ điểm trên, Mỹ tiến hành đánh phá vùng giải phóng nhằm tiêu diệt chủ lực ta. Hàng ngày, trên bầu trời có hàng trăm chiếc trực thăng hạ và cất cánh xuống các điểm trong vùng.

Tại xã Phố Phong, chúng lần lượt đổ xuống các đơn vị lính Mỹ thuộc các sư: Không vận số 1, Anh cả đỏ và Maricon. Toàn huyện Đức Phổ có 33 cứ điểm lớn, nhỏ, trong đó, xã Phố Phong có 7 chốt điểm. Chúng thường dùng hỏa lực mạnh không chế ác liệt lực lượng chiến đấu của ta. Những tên chiêu hồi như Nguyễn Chiến (Hiệp An) dẫn lính Mỹ đi đốt nhà nhằm dồn dân về một chỗ, tạo ra vành đai trắng để chúng dễ bề kiểm soát. Nhưng nhân dân ta quyết một tấc không đi, một ly không rời. Mặc dù sống cảnh màn trời chiếu đất, họ vẫn che tạm chỗ ở để bám ruộng đồng làm ăn. Tại thôn Gia An, nhân dân đấu tranh không chịu vào khu đồn, bọn chúng cưỡng chế rất tàn bạo, đã bắn chết các ông Huỳnh Thuyền, Hồ Nha và chị Cớ, nhân dân vô cùng căm phẫn, quyết trả thù cho những người bị giết.

Trước tình hình ác liệt đó, chỉ bộ Đảng do đồng chí Huỳnh Rân làm bí thư, đã kịp thời chỉnh đốn tư tưởng cho tất cả đảng viên và nhân dân để vừa bảo tồn lực lượng vừa đẩy mạnh phong trào chiến tranh du kích lên một bước, vừa phổ biến kinh nghiệm đánh Mỹ đã rút ra từ thực tế. Tiến hành bám dân, bám địch, tạo thế đấu tranh hợp pháp để giành thắng lợi từng bước. Về công tác tư tưởng, chỉ bộ tổ chức buổi lễ tuyên thệ cho tất cả đảng viên, cất máu xin thề và ghi tên vào sổ vàng danh dự, thành trang sử cho người đời sau. Sau buổi lễ tuyên thệ, tổ chức phân công cho từng cấp

ủy viên và tổ trưởng Đảng phụ trách từng bộ phận công tác. Chấn chỉnh tinh thần nhân dân, giúp dân làm nhà, đào hầm, chống pháo địch, đào công sự, hầm bí mật để bám trụ chiến đấu và sản xuất, lấp vùng trắng. Chỉ đạo việc trưng trị bọn chiêu hồi dẫn lính Mỹ về đánh phá nhân dân ta. Tuy trước cảnh chiến tranh ác liệt nhưng tinh thần đánh Mỹ của nhân dân đã được nâng cao, nên đã nổi lên nhiều gương chiến đấu dũng cảm. Cô gái cứu thương Nguyễn Thị Nga (Tân Phong Đông) mượn súng của du kích tập bắn, đã bắn chết 3 tên Mỹ. Thiếu niên Phở Phong cũng tham gia đánh Mỹ, nhiều em tìm cách làm quen với lính Mỹ, để lấy súng Mỹ, như: em Trần Ngọc Oanh ở Gia An đâm lưng cho lính Mỹ ngủ, rồi lấy cắp một khẩu AR15 về nạp cho du kích xã. Em thiếu niên Nguyễn Tú ở xóm Ga, bò nấp theo bờ ruộng đến xác chết một tên Mỹ để lấy vũ khí, trong khi đạn Mỹ bắn như mưa. Em thiếu niên Nguyễn Cường (Gia An) nhiều lần chơi với lính Mỹ, đã lấy cắp nhiều vũ khí về nạp cho du kích xã. Em đã đánh Mỹ nhiều trận lớn nhỏ, trong đó có trận đánh tại ga Mệ Đức, em ném một quả lựu đạn làm chết 3 tên Mỹ và hai tên khác bị thương, lấy được 1 súng M.72, 5 lựu đạn và một số đạn dược. Về sau em được công nhận là dũng sĩ diệt Mỹ. Chị em phụ nữ càng có lợi thế, chị Nguyễn Thị Lú ở thôn Vĩnh Xuân vừa gánh hàng rong đi bán, mang theo bó truyền đơn bằng tiếng Anh làm giấy gói hàng bán cho lính Mỹ. Nhiều lính Mỹ mua hàng chuyển cho nhau đọc truyền đơn, đã gây cho chúng tâm lý nhớ nhà, nhớ vợ con, nhiều tên khóc và không chịu đi hành quân. Các bác nông dân, các cụ già cũng có cách đánh bằng đầu trạo chính trị hợp pháp như: ông Nguyễn Môn, ông thầy Bộ (chùa Hiệp An) viết đơn vào quận trưởng Đức Phở kêu kiện lính Mỹ ở đồn núi Xương Rồng bắn pháo sập góc chùa, yêu cầu bồi

thường. Với sự đấu tranh có lý, bọn Mỹ phải chịu bồi thường 300.000 đồng bạc ngụy để sửa chữa chùa.

Dưới sự lãnh đạo của chi bộ Đảng, nhân dân và cán bộ Phố Phong ngày càng dày dạn, tin tưởng, họ nguyện sống chết cùng bám quê hương, làm an sinh sống để chống giặc. Trái lại, có một số cán bộ, đảng viên mệt mỏi, sợ chi , bất mãn, lẩn trốn cầu an, hoặc chiêu hồi ra đầu hàng địch như Huỳnh Trung(xóm Ráy), Huỳnh Phẩm, Nguyễn Chiến, Võ Văn Qua, Phạm Năm, Nguyễn Thám.

Chúng dẫn lính Mỹ về đốt phá nhà dân, đốt kho tàng, chỉ hãm bí mật để bắt giết cán bộ ta. Trong đó có tên Phẩm đã trực tiếp bắn chết các ông Nguyễn Sốt (Vĩnh Xuân), Trương ban kinh tài xã Phố Phong, ông Nguyễn Hòa và ông Trương Chúc ở Vạn Lễ. v.v...Tội ác này làm sao người dân Phố Phong quên được.

Sau khi xây dựng xong sân bay Gò Hội, Mỹ-Ngụy mở con đường đi qua thôn Vinh Hiến (Phố Thuận) lên triển núi Xương Rồng để vận chuyển nhiều pháo cỡ lớn lên cứ điểm này nhằm bắn phá khống chế xã Phố Phong và vùng xung quanh. Bấy giờ Phố Phong cả ngày đêm không lúc nào ngớt tiếng pháo địch, nhân dân phải chạy dạt ra nhiều nơi để ẩn tránh.

Ngày 19/4/1967, du kích xã Phố Phong do đồng chí Nguyễn Ba (Khoa) bí thư chi bộ cùng đồng chí Nguyễn Thanh Văn xã đội phó phối hợp với công trường 3 Quân khu 5 chặn đánh quân Mỹ tại Gò Lửa (Tân Phong). Trận này địch dùng hỏa lực cực mạnh, lực lượng ta không chịu nổi đã bị tổn thất nặng nề, 23 chiến sĩ bị hy sinh.

Về phía địch, bị quân ta bắn rơi ba máy bay HU.1A và diệt 1 xe tăng, giết nhiều tên lính Mỹ. Số còn lại rút nhanh

về căn cứ Gò Hội.

Sau trận Gò Lừa ít ngày, giặc Mỹ đổ quân xuống vườn xoài Bà Đường (cây số 6 Vạn Lý). Lần này lực lượng chủ lực công trường 3 quyết tâm đánh trả nên đã diệt gọn 1 đại đội Mỹ.

Vào tháng 7/1967, có 3 máy bay HU.1A đổ lính Mỹ xuống cánh đồng Bò Lồi, Dập Đá và Hố Diêm. Du kích Phố Phong do đồng chí Nguyễn Ba (Khoa) chỉ huy, đồng chí Huỳnh Kim xã đội trưởng cùng đồng đội diệt 5 lính Mỹ, thu 5 súng, 1 máy bộ đàm PRC.25 và nhiều chiến lợi phẩm.

Một trận khác, vào giữa tháng 8/1967, lính Mỹ đổ quân xuống Trại Tòng, Hố Bện, nơi có nhiều hang đá, nhiều cán bộ và nhân dân đến trú ẩn. Đồng chí Ba (Khoa) chỉ huy cùng đồng chí Nguyễn Đa xã đội trưởng, chiến sĩ Nguyễn Văn Lý và đồng đội quần cho địch một trận tới bờ, diệt hơn 30 lính Mỹ, nhiều máy bay địch đến nhốt xác ngay chiều hôm đó. Giặc Mỹ liên tiếp bị quân và dân Đức Phổ giáng trả nhiều trận ở Phố Phong, nhưng chúng càng điên cuồng đánh phá dã man. Nguy quân, nguy quyền dựa vào sức mạnh vũ khí của Mỹ tỏ ra hung hăng, tàn ác hơn. Nguy hiểm nhất là bọn chiêu hồi, chúng đã nắm biết lực lượng ta, nay cung cấp tin cho địch, làm cho cán bộ, nhân dân ta bị hy sinh, và bị bắt bị tù ở nhà lao Quảng Ngãi.

Trong hoàn cảnh vô cùng khó khăn, chỉ bộ lãnh đạo tư tưởng cho đảng viên và nhân dân, trước mắt phải tìm bắt hết bọn ác ôn trong xã, ném bản cáo trạng tội ác vào nhà chúng để cảnh cáo, buộc chúng phải dừng tay, nếu không thì nhân dân sẽ trừng trị.

Từ ngày trực tiếp đánh giặc Mỹ, một quân đội hiện đại, nhà nghề, nhân dân Phố Phong ta vô cùng khó khăn, không

còn nhà cửa, làng xóm không còn màu xanh, quê hương trở thành vành đai trắng. Một số nông dân bỏ ruộng đồng ra đi làm ăn các nơi như Nam bộ, Tây Nguyên, Võ Xu, Võ Dắc, Sài Gòn... bằng các nghề vận tải, lái xe ô tô, đập xích lô, sửa chữa xe máy, máy móc, trong đó có những người mua được ô tô, xây dựng nhà cửa, mở cửa hàng, làm ăn sinh sống khá giả. Có người đã giúp đỡ lực lượng cách mạng để đánh Mỹ, bỏ vốn đầu tư cho xã nhà đem lại lợi ích cho nhân dân như ông Hồ Sa. Còn những nông dân bám trụ quê hương làm ruộng thì chịu cảnh nghèo nàn cơ cực, bắt buộc phải sống hợp pháp với địch, một số chuyển sang làm nghề buôn bán.

2/ Quân dân Phổ Phong kiên cường bám trụ, tiếp tục tiến công địch bằng chính trị và quân sự.

Trên đà chiến thắng liên tiếp ở các chiến trường Miền Nam, giữa lúc địch leo thang đến mức cao nhất, sau khi điểm lại tình hình thực hiện chiến lược "chiến tranh cục bộ" của địch, tháng 12/1967, Bộ chính trị họp và ra quyết định lịch sử: tình hình cho phép, ta có thể chuyển cuộc chiến tranh cách mạng sang một thời kỳ mới.

Ngày 31/01/1968, cuộc Tổng tiến công nổi dậy Tết Mậu Thân của quân và dân ta bắt đầu. Chi bộ Đảng Phổ Phong bảy giờ nhận được chỉ thị của cấp trên, tổ chức chuẩn bị cuộc khởi nghĩa Tết Mậu Thân. Theo kế hoạch hợp đồng tác chiến, tối 30 Tết, đồng chí Huỳnh Rân dẫn một lực lượng du kích ra hướng phía bắc, đồng chí Huỳnh Văn Lẻ, dẫn một lực lượng vào hướng huyện lỵ Đức Phổ, giấu quân vào dân từ nam Phổ Thuận đến Trà Câu cùng với lực lượng các xã bạn chờ lệnh nổ súng.



XI - Toàn thể cuộc hội thảo về lịch sử xã Phổ Phong ngày 14 và 15/2/1992 tại hội trường của xã.

Qua ngày hôm sau, mùng một Tết, cánh phía bắc không phối hợp được phải rút quân về. Cánh phía nam ở lại kéo đến đầu cầu Trà Cầu, bọn địch ở đồn này bắn xả vào lực lượng vũ trang ta, làm hy sinh nhiều người, trong đó xã Phổ Phong hy sinh 2 người là anh Nguyễn Ta (Hùng Nghĩa) và anh Nguyễn Thị (Hiệp An). Đến chiều cùng ngày, giặc Mỹ cho nhiều máy bay trực thăng vây bắt lực lượng vũ trang ta, chúng bắt được một số, còn đại bộ phận ta rút lui.

Sau những ngày tổng tiến công Tết Mậu Thân, địch càng ra sức tra tấn, bắn giết những người bị bắt. Tại đồn Trà Cầu, chúng tra tấn bắn giết nhiều người, trong đó có đồng chí Huỳnh Quang Trung (Hùng Nghĩa).

Ngày 16/4/1968, đồng chí Võ Cảnh, thôn đôi Vạn Lý đánh cá trên sông Trà Cầu đã thu nhặt và giấu vào rừng 1 đại liên, 1 trung liên, 3 súng AR15 của đơn vị lính Mỹ bị đánh bỏ lại. Sau hai ngày yên tĩnh, đồng chí vào rừng gánh toàn bộ súng về nộp cho du kích xã.

Cùng thời điểm này, chiến sĩ Nguyễn Văn Lý cùng du kích thôn Vĩnh Xuân gài 3 quả mìn tự tạo (đạn pháo 105, kíp điện) trên đường đi lại của giặc Mỹ ở núi Xương Rồng, làm chết tại chỗ 2 lính Mỹ và một số bị thương.

Tháng 8/1968, du kích ta ở thôn Gia An dùng súng trường Hung-ga-ri (có lúp ngắm thu gần mục tiêu), suốt 7 ngày liền, bắn tỉa từng tên lính Mỹ trên cứ điểm núi Xương Rồng. Ta tỉa dần cho đến khi diệt cả trung đội này, làm cho bọn Mỹ khiếp sợ không biết hướng súng bắn từ đâu đến. Sau đó du kích Phổ Phong phối hợp với đơn vị 120 đặc công của huyện, diệt nốt hai lỗ cốt dưới chân núi. Đồng thời, kết hợp bình vận, rải truyền đơn vào đồn, gọi loa trực tiếp nói chuyện với bọn lính, yêu cầu chúng ngừng bắn để cho nhân dân đi lại

làm ăn. Ta cũng vận động được 6 tên dân về mang theo 6 súng cachin về nạp cho xã.

Sau Mậu Thân (1968), đế quốc Mỹ và chính quyền ngụy ra sức tăng cường hơn nữa lực lượng phòng thủ, và chủ động tiến công, chúng cần quét ta ráo riết, lùng sục bắt cá bọ, dâng viên và quần chúng cách mạng. Với khẩu hiệu: "thả bắt nhằm hơn bỏ sót", hằng ngày chúng tung máy bay trực thăng đi rà soát trên từng ngọn cây, bụi rậm, nghi người nào là chúng hạ xuống bắt ngay lên máy bay mang về tra hỏi. Chỉ sau 1 năm mà nhà lao Quảng Ngãi không đủ chỗ giam người của ta.

Cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam làm cho nước Mỹ ngày càng mất ổn định về chính trị, gánh nặng về kinh tế. Nhân dân tiến bộ Mỹ đã bắt đầu phản đối. Đồng thời, dư luận thế giới cũng lên án chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam. Cuộc ném bom miền Bắc không đạt mục đích, nên ngày 1 tháng 11 năm 1968, Tổng thống Mỹ Giôn-xơn đã phải tuyên bố chấm dứt cuộc ném bom này, và sau đó ít lâu, Tổng thống Giôn-xơn đổ.

Cuối tháng 11 năm 1968, Tổng thống Mỹ Ních-xơn lên cầm quyền, tuyên bố tiếp tục chiến tranh ở Việt Nam. Chúng bày ra chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" làm cho cục diện chiến tranh ngày càng trở nên gay go, quyết liệt hơn. Trên mảnh đất Phổ Phong, địch đã có đến 3 trung đoàn Mỹ-Ngụy. Chúng dùng hỏa lực mạnh uy hiếp lực lượng chiến đấu của ta. Từ đây, nhân dân Phổ Phong sống cơ cực chưa từng có. Nhà cửa bị đốt đi, đốt lại nhiều lần, nhưng nhân dân vẫn không ngừng tiếp tục tiến công vào các đồn bót địch đóng trong xã. Thường xuyên phối hợp với các binh chủng chủ lực pháo kích, tấn công vào các đồn quân của lính Mỹ.

Đêm 25/2/1969 quân ta chỉ có 12 chiến sĩ bộ đội chủ lực, đã đánh vào cứ điểm núi Xương Rồng bằng hỏa lực cực mạnh, diệt nhiều lính Mỹ, một trận đánh có hiệu suất cao. Qua những năm chiến đấu ở Việt Nam, lính Mỹ ngày thêm quen thuộc lối đánh du kích, chúng nghĩ ra nhiều cách đánh nghi binh xảo quyết. Lúc đi càn, một lính Mỹ cõng một thành hai người. Lúc rút quân, chúng giấu người ở lại, nhân dân ta tưởng lính Mỹ đã rút hết, do đó ta đã bị chúng đánh úp một số lần. Lính Mỹ còn rình mò la lếch phục kích, nên ta thường gọi là "Mỹ lếch".

Xảo quyết hơn nữa là chúng trang phục giả bộ đội giải phóng, đi dép cao su, súng AK, mũ tai bèo, thọc sâu vào rừng, núi nơi trú quân của quân ta để tìm diệt, nhưng cuối cùng chúng cũng bị thất bại.

IV. ĐÁNH BẠI THỦ ĐOẠN XẢO QUYẾT CỦA ĐỊCH TRONG THỜI KỲ VIỆT NAM HÓA CHIẾN TRANH, GIÀNH LẠI QUYỀN LÀM CHỦ PHẦN LỚN ĐẤT ĐAI (1969-1972).

Cuộc Tổng tiến công nổi dậy Tết Mậu Thân, đã đánh bại một bước ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ. Chiến lược "chiến tranh cục bộ" bị thất bại, buộc Ních-xơn phải xuống thang chiến tranh và chủ trương "phi Mỹ hóa" cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.

Trong khi quân và dân Phổ Phong đang thực hiện kế hoạch chuẩn bị động viên toàn xã, ra sức khắc phục khó khăn, tiến lên hoàn thành nhiệm vụ thì, ngày 3/9/1969, nghe tin Hồ Chủ tịch kính yêu đã từ trần, tất cả cán bộ, đảng viên và quần chúng cách mạng ở Miền Nam đều đau thương

trước sự mất mát vô cùng lớn của Đảng và nhân dân Việt Nam. Nhiều người khóc Bác và tỏ lòng thương tiếc vô hạn đối với vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc, người sáng lập Đảng cộng sản Việt nam, Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, người lãnh đạo các cuộc kháng chiến chống kẻ thù xâm lược của quân và dân Việt Nam liên tiếp giành thắng lợi đã không còn nữa. Chi bộ Đảng đã tổ chức lễ truy điệu Bác Hồ ở nhiều nơi trong xã để tỏ lòng thành kính và biết ơn Bác. Tất cả đảng viên biến đau thương thành hành động cách mạng trong cuộc chiến đấu của mình. Bọn ta nguyện tuy biết ta tổ chức lễ truy điệu Bác Hồ, nhưng chúng cũng không dám xúc phạm, nhiều lính nguy còn tỏ ra kính trọng.

Cuối năm 1969, lính Mỹ còn có mặt trên đất Phố Phong khá đông. Ngày 12 tháng 10 năm 1969, hai tổ du kích do Nguyễn Văn Lý chỉ huy cùng đồng đội gài sắn 13 quả mìn tự tạo, (dạn pháo 105, tháo ngòi, cho kíp nổ điện Frinao), trên đường Mỹ thường hành quân. Đại đội Mỹ từ cây số 7 kéo xuống miếu Đồng Nghệ (Vạn Lý), khi đến trận địa, hai tổ du kích đồng thời giật mìn nổ tung giữa đội hình hành quân, làm chết tại chỗ 21 lính Mỹ, số lính còn lại kêu khóc ầm 1 và mang xác Mỹ tháo chạy. Ta thu 1 cối 81, 2 súng R.15 và 1 súng M.72.

Cùng thời gian này, chiến sĩ Phạm Có (con ông Phát ở Vĩnh Xuân) gài một quả mìn Mỹ tại Gò Quán, làm chết 3 tên Mỹ.

Đầu năm 1970, giặc Mỹ ra sức dồn quân bắt lính, chúng bắt hàng nghìn thanh niên từ 15 đến 35 tuổi, có khi chúng bắt cả người 45 tuổi để bổ xung cho lực lượng quân nguy. Chi bộ Đảng Phố Phong do đồng chí Trần Thanh Long quyền bí thư đã lãnh đạo và vận động thanh niên trong xã tìm cách

trốn lính. Nhân dân ta đã có nhiều sáng kiến hay để chống địch bắt lính, như để râu cho già, thay đổi tên họ, chuyển đổi vùng... Ngoài ra, còn lo lót tiền của để trốn lính, cuối cùng người không trốn được mới để cho chúng bắt, nhưng sau đó tìm mọi cách bỏ ngục trở về.

Phố Phong cũng như nhân dân miền Nam trải qua cuộc chiến đấu lâu dài, nhiều cán bộ, bộ đội phải nằm hầm, ngủ rừng, sức khỏe ngày càng giảm sút. Các cháu con em cán bộ, con các gia đình có công với cách mạng không được học hành. Trung ương có chủ trương đưa ra miền Bắc, một số cán bộ ốm đau trong đó có đồng chí Huỳnh Cừ, một số dũng sĩ diệt Mỹ và các cháu học sinh do chỉ bộ Đảng xét chọn.

Sau một thời gian, chủ trương chiến tranh "Đình định" chúng đã thực hiện được phần nào, Mỹ tiếp tục tăng cường vũ khí, đạn dược và hậu cần cho quân đội Ngụy để tiếp tục cướp đất, giành dân. Chúng cấm cờ vùng giải phóng của ta để giành đất. Thời kỳ này địch cho là chúng thắng lợi huy hoàng nhất. Chúng chấn chỉnh lại bộ máy nhà nước, bổ sung luật lệ, phân định lại ranh giới hành chính mới ở tỉnh ta, chúng lấy đường 5a làm ranh giới hành chính mới của hai huyện Đức Phổ và Mộ Đức. Do đó, xã Phố Phong bị cắt một phần đất phía bắc đường 5a về xã Đức Mỹ (tức xã Đức Lân). Huyện Đức Phổ chúng chia ra làm 15 xã, chữ đầu xã vẫn dùng là "Phổ" còn tên các xã chúng đổi hoàn toàn (Phố Phong chúng đổi thành Phố Nghĩa).

Thời kỳ năm 1970, ta tiếp tục khó khăn về nhiều mặt. Mỹ Ngụy đánh chiếm trở lại các vùng giải phóng của ta, toàn huyện Đức Phổ chúng chiếm lại 33 điểm, trong đó xã Phố Phong có 4 điểm là xóm ga Mộ Đức, cầu ông Thiều, cây số 4 Hùng Nghĩa và chân núi Xương Rồng.

Tại các chốt, điểm lính Mỹ thường lùng sục bắt cóc lẻ tẻ từng người dân mà chúng cho là cán bộ, du kích. Tại Hùng Nghĩa dịch tóm bắt đồng chí Trần Sẻ, tại Gia An dịch bắt đồng chí Hoàng Văn đem giam vào nhà lao Quảng Ngãi. Ngày 19/11/1970 chúng vây bắt đồng chí phó chủ tịch xã Đào Thanh (Gia An) đang mang con dấu ủy ban trong người, nên chúng coi là tù chính trị, và đưa đi tù ngoài Côn Đảo.

Sang năm 1971, địch thực hiện chủ trương phi Mỹ hóa, ra sức trang bị thêm cho các lực lượng chiến đấu của Ngụy nhiều vũ khí tối tân để đủ sức chiếm đóng trở lại vùng giải phóng.

Ngày 16/3/1971, tại xóm mới Hiệp An, Đào Tịnh xã đội phó và Nguyễn Văn Lý chính trị viên xã đội Phổ Phong chỉ huy, cùng các chiến sĩ Nguyễn Nam, Huỳnh Đồng, Trần Thị, Phạm Dãy, Nguyễn Văn Đồng và Đinh Tiêu đã vây đánh một đơn vị thuộc sư đoàn 2 ngụy từ hai mũi, phía núi Thụ vào và phía Xương Hồng ra. Các chiến sĩ quần lộn với địch trong ba ngày liền, chôn chân địch tại chỗ, bám địch tiêu diệt gần 100 tên. Quân ta chiến đấu cho đến khi hết đạn, các chiến sĩ rút lui bằng nhiều hướng giữa ban ngày. Địch truy kích, ta bắn trả cho đến khi rút xa, bên ta ba chiến sĩ hy sinh (Nam, Đồng, Thị). Một trận đánh quyết liệt, với sự hy sinh anh dũng để bảo vệ quê hương, nổi lên những cán bộ chỉ huy xuất sắc như Đào Tịnh và Nguyễn Văn Lý.

Tháng 9/1972, tại ngũ ông Mùi (Hùng Nghĩa) du kích Phổ Phong do chiến sĩ Nguyễn Văn Lý chỉ huy, đánh trung đoàn 4 ngụy suốt cả ngày, đẩy lùi 6 trận tiến công địch; các chiến sĩ dùng đạn B.40 đánh đứt xích một xe tăng. Trong trận này địch chết và bị thương 18 tên. lực lượng du kích rút lui an toàn.

Trong số 50 chiến sĩ du kích Phố Phong được tuyển vào đại đội chủ lực 219, đã tham gia đánh nhiều trận trong huyện, tỏ ra anh dũng, trong đó có chiến sĩ Nguyễn Cảnh (tức Mùi) ở thôn Trung Sơn, trong trận đánh Mỹ ở Phố An đồng chí đã bám xe tăng lật nắp ném thủ pháo vào trong tiêu diệt địch giành thắng lợi mới. Đại đội phó 219 Nguyễn Khánh (Gia An) chiến đấu anh dũng, đã trở thành dũng sĩ diệt Mỹ.

Những năm 1971 - 1972, chi bộ Đảng Phố Phong đã có hàng chục đảng viên do đồng chí Huỳnh Quốc Vệ làm bí thư, đã lãnh đạo đánh thắng nhiều trận và xây dựng lực lượng chiến đấu của xã lớn mạnh. Từ ngày 16 đến 20/9/1972 ta diệt và bức rút 17 điểm địch đóng trong xã. Bọn địch ở phía bắc Đức Phổ hoang mang lo sợ, phần lớn bỏ đồn bót tháo chạy. Hàng chục thanh niên "Phòng vệ dân sự" bỏ đồn về với gia đình. Ta bắt đầu làm chủ đường 5a qua Phố Phong. Chiến thắng các nơi trong tỉnh, huyện đã góp phần đánh bại một bước quan trọng của chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mỹ - Ngụy, buộc phía Mỹ phải ngồi lại đàm phán nghiêm chỉnh và ký kết hiệp định Pa ri, chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

Ngày 29/3/1973, ngày đánh dấu cái mốc lớn trong lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta, Ủy ban tổng chỉ huy quân đội Mỹ ở miền Nam Việt Nam làm lễ cuốn cờ, rút quân Mỹ về nước. Quân chư hầu cũng cuốn cờ rút khỏi nước ta. Kết thúc cuộc chiến tranh phiêu lưu gần 9 năm quân đội Mỹ đặt chân xâm lược lên đất nước Việt Nam. Đối với Mỹ đây là cuộc chiến tranh lâu dài nhất, lớn nhất và cũng thất bại nặng nề nhất trong lịch sử 200 năm của quân đội nhà nghề Hợp chúng quốc Hoa kỳ.

V - ĐÁNH BẠI QUÂN NGUYỄN NGỌAN CỔ LẤN CHIÊM, CÙNG TOÀN QUỐC GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM VIỆT NAM

Thắng lợi của Hiệp định Pa-ri đã đưa cách mạng miền Nam bước sang giai đoạn mới. So sánh lực lượng giữa ta và địch đã thay đổi căn bản, có lợi cho ta, không có lợi cho địch. Nhân dân miền Nam có điều kiện thuận lợi, tiếp tục tiến lên hoàn thành cuộc Cách mạng giải phóng dân tộc trong cả nước.

1/ Đấu tranh buộc địch công nhận ranh giới vùng giải phóng và đánh địch lấn chiếm vùng giải phóng.

Theo hiệp định Pa ri thì đế quốc Mỹ phải chấm dứt chiến tranh xâm lược Việt Nam, rút hết quân Mỹ và quân chư hầu về nước, cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt nam là độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ. Nhưng thực tế về những ngày gọi là hòa bình ở miền Nam Việt nam, tại quê hương Phố Phong, đế quốc Mỹ vẫn không chịu từ bỏ dã tâm xâm lược, chúng tiếp tục duy trì chính sách thực dân kiểu mới. Quân Mỹ rút đi nhưng vẫn tiếp tục viện trợ cho ngụy quyền Nguyễn văn Thiệu về quân sự và kinh tế. Mỹ đưa thêm vào miền Nam Việt Nam hàng trăm máy bay, hàng trăm xe tăng, xe bọc thép, súng đạn và nhiều phương tiện chiến tranh khác, Mỹ còn tài trợ cho nền kinh tế ngụy quyền đủ mạnh để đánh chiếm đất đai, phá hoại hiệp định Pa-ri.

Được Mỹ tiếp tay, Nguyễn Văn Thiệu ra sức lấn chiếm lại một số vùng giải phóng của ta. Chúng tiến công lên Phố Phong với tiểu đoàn biệt động số 39 và các đơn vị của sư 2,



XII Địa đạo Núi Mọt (Gia An) trong kháng chiến chống Mỹ.

chốt giữ các vùng ở cây số 4 đường 5a, kéo ngang sang thôn Tân Phong và cắm cờ ba que chiếm đất. Để khi Ủy ban liên hiệp bốn bên và Ủy hội quốc tế đến thì chúng lấy đó làm mốc ranh giới đóng quân.

Vào cuối năm 1973, bọn lính ngụy lần chiếm đất tại xóm Gò Chùa. 12 chiến sĩ du kích Phố Phong do Trần Nhâm xã đội trưởng, chính trị viên xã đội Nguyễn Văn Lý cùng đồng đội đánh địch trong hai ngày liền. Nhiều chiến sĩ tử ra đứng cắm, đã tiêu diệt 39 tên địch.

Theo tinh thần Hiệp định Pa-ri, hai bên thỏa thuận chọn địa điểm cây số 6 đường 5a xã Phố Phong làm nơi trao trả tù binh.

Bên ta thực hiện nghiêm chỉnh. Quân khu 5, cùng với nhân dân địa phương, dựng lên gần 100 lán tam lớn, nhỏ, làm nơi đón tiếp các phái đoàn Ủy ban liên hiệp 4 bên và nơi trú chân cho những người được trao trả.

Ngược lại, về phía địch thì ghen tức, hàng ngày chúng bắn pha xung quanh vùng cây số 6, quấy phá không cho ta tổ chức xây dựng điểm trao trả. Thời điểm đã đến, ngày 16/3/1973, Phái đoàn quân sự Hà Nội do Đại tá Phạm Trang dẫn đầu cùng với các phái viên vừa bước ra khỏi máy bay, thì bọn ngụy quyền cũ cải trang dân thường đi xem để phá rối, chúng gây gổ, ném đá làm bị thương một phái viên của ta là thiếu úy Trần Hán Ngộ. Nhân dân ở đây la ó phản đối và cứu chữa anh Ngộ để làm nhiệm vụ. Phái đoàn Hà Nội tỏ ra nghiêm túc và cứng rắn trong việc đấu tranh với phía Sài Gòn, nhất là về phân định ranh giới hai bên. Nhân dân Phố Phong đấu tranh kịch liệt và lên án phía quân ngụy vi phạm hiệp định, lấn chiếm. Đồng chí Huỳnh Quốc Vệ lúc này là bí thư chi bộ mang cương vị Chủ tịch xã Phố

Phong được mời lên máy bay HU1A cùng đi với phái đoàn 4 bên để chỉ ranh giới thực tế vùng giải phóng của ta. Sau đó, được phái đoàn các bên công nhận lấy ranh giới giải phóng của ta từ đường xe lửa và kết luận phía ngụy đã vi phạm lấn chiếm. Sau hai ngày bọn địch phải nhổ cờ bả que và rút quân ra khỏi Phố Phong, bên ta cắm cờ Mặt trận từ đường xe lửa. Kết quả cuộc trao trả là hai bên đã làm thủ tục giao, nhận: Ta trao trả cho địch 200 tên, trong đó có 10 sĩ quan ngụy. Phía địch ghi nhận trao trả cho ta 100 người, nhưng sau chúng không thực hiện. Trong số tù binh ta trao trả cho địch, có 1 sĩ quan người Nam Hàn (Nam Triều Tiên) đề nghị phái đoàn ta cho y một chiếc mũ tai bèo, một đôi dép cao su, một bộ quần áo giải phóng quân, một ba lô và cùng với ta chụp ảnh để mang về nước làm kỷ niệm. Ta đồng ý, lúc đó có tên đại úy người Mỹ tức giận nhưng không có lý lẽ gì bác bỏ được.

Hai bên trao trả xong, phía địch chỉ thực hiện được 1 tuần, sau đó chúng lập tức bán phá ta trở lại. Vào lúc 4 giờ chiều ngày 23 tháng 3 năm 1973, chúng bắn pháo cỡ lớn từ phía Gò Hội xuống cây số 6 xã Phố Phong để trả đũa. Thôn Vạn Lý phải gánh chịu hàng ngàn quả pháo một lúc, tổn thất nhiều về tài sản, gia súc, hoa màu.

Sau khi ta có ranh giới phần đất vùng giải phóng, một hôm dưới sự chỉ đạo của huyện đội, xã đội phố Phố Thuận Nguyễn Văn Tròn mặc hóa trang sĩ quan ngụy, cướp một xe jeep của địch từ phía Thạch Trụ chạy lên phần đất giải phóng Phố Phong, khi qua các trạm gác của địch, Tròn dừng xe lại và ung dung chào, lúc đó có vài tên ngụy xin đi nhờ.

Khí chiếc xe chạy đến vườn Chè Hai (cây số 3), bọn lính trên xe kêu lên đây là vùng Cộng sản và vội vàng nhảy xuống,

xe tiếp tục chạy. Khi phát hiện được, bọn địch liền vượt theo bắn đuổi. Do có sự chỉ huy trước của huyện, du kích ta từ xóm Gò Chùa (nhà ông Túc) lập tức bắn trả để hỗ trợ cho xe Nguyễn Văn Tròn vượt sâu vào vùng giải phóng an toàn. Trên xe còn có Trần Nhâm xã đội trưởng Phổ Phong phối hợp thực hiện vụ này.

Sau đó ít lâu, địch lại tiếp tục lấn chiếm đất. Vào một ngày tháng 6/1973, địch liều lĩnh chiếm chốt tại Hùng Nghĩa cạnh nhà ông Be (Rô-be)⁽¹⁾. Đồng chí Trần Nhâm, Nguyễn Văn Lý cùng đồng đội du kích Phổ Phong phục kích diệt gọn gần một trung đội Ngụy, phá tan chốt Rô-be.

Tuy Hiệp định về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam đã ký kết, nhưng nhân dân Phổ Phong chưa được hưởng một ngày hòa bình trọn vẹn. Cuộc chiến tranh vẫn cứ tiếp tục triển miên và không kém phần ác liệt. Vùng giải phóng của ta bị tiếp tục tàn phá, nhà cửa, ruộng vườn của nhân dân trở thành vùng trắng, loang lổ đầy những hố bom, đạn pháo cày xới. Nhân dân thực sự không có nhà ở, phải che tạm những tấm tôn mục rĩ và tranh, rạ dưới bóng cây để ở. Chi bộ Đảng lãnh đạo tư tưởng trong cán bộ, đảng viên cùng với nhân dân khác phục khố khăn, nắm chắc tay súng, quyết bảo vệ những thành quả đã đạt được. Đồng thời tiếp tục chống địch lấn chiếm. Mặt khác, về đấu tranh chính trị cũng nảy ra nhiều sáng kiến mới. Ta dựng lên một sự việc là quân ngụy vi phạm lấn chiếm đất đai, giết hại nhiều người tại thôn Tân Phong, gây đau thương, tang tóc để tố cáo với Ủy hội quốc tế.

(1) Ông Be có dị tật, thanh niên thường đùa thêm vào chữ Rô thành Rô-Be, và từ đó được lấy tên chốt Rô-be.

Chuẩn bị cho Ủy hội quốc tế đến tận nơi kiểm tra việc quân nguy sát hại nhân dân. những ngày trước đó ta tạo ra hiện trường có nhiều mộ giả lẫn mộ cũ. Khi Ủy hội quốc tế đến, vận động nhiều người, nhất là chị em phụ nữ mặc áo tang, khăn tang, xúm xít quanh bãi mộ. Một số thành viên trong Ủy hội không tin, đòi khai quật, thì lập tức số người mặc áo tang lăn ra khóc, ngăn cản không cho chúng đi lên. Cuối cùng, buộc chúng phải chấp nhận và kết luận phía nguy vi phạm.

Tiếp theo, một sự việc khác tại thôn Gia An, địch bắn bà Chấm chết, nhân dân ta có hơn 100 người khiêng xác bà Chấm đến đồn địch đòi bồi thường, kêu kiện với Ủy hội quốc tế, biến đám tang thành cuộc đấu tranh. Cuối cùng địch phải chịu phí tổn chôn cất và bồi thường thiệt hại.

Khoảng tháng 11 năm 1974, đồng chí Nguyễn Lợi (Vĩnh Xuân) đội viên du kích xã một mình bí mật đột nhập vào chốt ông Thuấn ở Hùng Nghĩa lúc 2 giờ sáng. Đồng chí đã mưu mẹo bắt ngờ diệt tên lính gác, dùng cạm xông vào diệt gọn 1 trung đội Ngụy đóng ở đồn này. Sau đó địch không đóng lại nữa.

Sau thời gian chiến đấu quyết liệt, vào cuối năm 1974, quân và dân Phố Phong đã đánh chiếm lại các vùng đã mất, giành lại các chốt quan trọng, đánh bật địch ra khỏi đèo ông Nguyễn, phần đất giáp ranh xã Phố Phong.

Những ngày đen tối đã qua, quân và dân Phố Phong lần lượt đánh tiêu hao, tiêu diệt địch, giành lại các chốt trong xã và diệt các chốt giáp ranh như núi Đất, núi Thụ. Hai cứ điểm này đã khống chế Phố Phong, hàng ngày chúng bắn pháo bừa bãi, ảnh hưởng đến việc làm ăn, sinh sống của nhân dân ta, gây ra nhiều thương vong, chết chóc.

Bọn tề nguỵ Phổ Phong lúc bấy giờ đã thấy tình thế nguy ngập, nhiều tên bỏ việc chạy trước, đi làm ăn nơi khác. Những tên không chạy trốn tình hình thì "làm ăn" phát phơ cho Mỹ. Nhân dân Phổ Phong dưới sự lãnh đạo sát sao của chi bộ Đảng đã nắm bắt tình hình, được thông báo những tin chiến thắng, tin tưởng chấm dứt chiến tranh bằng một cuộc tổng tiến công sắp tới, nên đã bắt đầu theo dõi, quản lý những tên gian ác chờ ngày sẽ bắt chúng ra đèn tội.

2/ Quét sạch quân địch đang hoang mang dao động, giải phóng hoàn toàn quê hương.

Chiến thắng trên các chiến trường ở miền Nam đã đẩy quân nguỵ vào thế bị động. Ở Đức Phổ, bọn lính đóng ở các chốt Trà Câu, Gò Hội, Sa Huỳnh cũng bắt đầu hoang mang lo sợ. Nhân cơ hội này huyện ủy Đức Phổ mở hội nghị cán bộ, gồm có cán bộ các xã, các đơn vị để trao đổi và cùng nhất trí hành động, vận động lôi kéo thanh niên trong hàng ngũ địch về gia đình để dần dần giải phóng các cứ điểm địch trong toàn huyện.

Đầu năm 1975, trước khí thế quân đội ta ào ào tiến quân vào miền Nam, tại Đức Phổ, các lực lượng vũ trang trong huyện đã khẩn trương chuẩn bị cho cuộc Tổng tiến công khi có thời cơ. Đã liên tục đánh chiếm, tháo gỡ các chốt lẻ tẻ. Các xã ở phía bắc như Phổ Phong, Phổ Nhơn, Phổ Thuận, Phổ An, đã phối hợp tháo gỡ hầu hết các chốt lẻ để chuẩn bị ngày giải phóng.

Mùa xuân năm 1975, tư tưởng cán bộ, đảng viên đã chuyển biến mạnh mẽ, chuẩn bị lực lượng sẵn sàng chờ lệnh nổ súng.

Từ những giờ phút này, tin vui thắng trận từ các chiến trường miền Nam dồn dập đưa về. Ngày 10/3/1975, cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975 được mở màn bằng trận đánh táo bạo bất ngờ vào thị xã Buôn Ma Thuột. Từ 18 đến 20/3/1975 các xã ở Đức Phổ nổi dậy đốt phá ấp chiến lược, đánh bọn dân vệ "Thanh niên tân trang", giải phóng các xã phía bắc: Phổ An, Phổ Phong, đồn địch về Gò Hội. Sau đó, giải phóng tiếp các xã còn lại như Phổ Khánh, Phổ Cường, cho về hàng ngàn tên phòng vệ dân sự, bắt hàng trăm Thanh niên tân trang. Bỏ còn lại chạy về Sa Huỳnh và chạy ra thị xã Quảng Ngãi.

Đến 20/3/1975, phần lớn các xã ở Đức Phổ đã giải phóng, chỉ còn lại một số chốt: Trà cầu, Vinh Hiến và các căn cứ lớn như Gò Hội, Sa Huỳnh. Mười hai trung đội dân vệ địch ở Đức Phổ tan rã nhanh chóng, nạp súng cho ta về nhà làm ăn. Lực lượng ta chặn giữ, thu súng của từng tốp lính nguy thuộc Sư đoàn 2, Trung đoàn 4, còn đơn vị Biệt động 39 bỏ chạy. Đến ngày 24/3/1975, các huyện phía bắc và thị xã Quảng Ngãi hoàn toàn giải phóng.

Ta bắt hơn 2000 tên nguy tập trung từng đoàn giải về xã Phổ Nhơn giam giữ chờ ngày giao cho tỉnh.

Nhân dân Phổ Phong, từ những ngày trước đó, cho đến ngày này rất vui mừng, phấn khởi. Nhiều cụ già, các anh chị em ra đường xem mặt những tên tù binh bị trời dẫn đi. Bọn tề nguy trong xã thì lẩn trốn.

Cán bộ xã Phổ Phong, được lệnh cấp trên giao nhiệm vụ đi tìm bắt những tên phản động, chiêu hồi. Ngày 24/4/1975, bốn đồng chí được giao nhiệm vụ gồm Nguyễn Văn Lý, Trần Nhâm, Đoàn Lành và Phạm Ngọc Châu vào các tỉnh phía nam tìm bắt bằng được những tên có trong

đanh sách. Chiếc xe Jeep do ông Hồ Sa lái, đưa 4 đồng chí làm nhiệm vụ vào đến Bình Tuy bắt Năm Phong, đến Võ Xu bắt Thám và Phẩm vào Sài Gòn bắt Trung và Chiến, đang trong khi Sài Gòn giải phóng. Mọi công việc giải quyết xong, đưa 5 tên về xã. Các đồng chí trên đây đã hoàn thành nhiệm vụ xuất sắc.

Ngày 24/3/1975, ngày lịch sử trọng đại, một cái mốc lớn đánh dấu kết thúc 21 năm kháng chiến chống Mỹ của quân và dân Quảng Ngãi. Tại Phố Phong, mảnh đất quê hương cách mạng của Quảng Ngãi, trải qua thời gian dài, nhân dân đã chịu đựng không biết bao hy sinh gian khổ. Nhiều cán bộ, đảng viên và quần chúng cách mạng đã ngã xuống trên mảnh đất thân yêu của mình. Biết bao con em đã ra đi bảo vệ Tổ quốc, không còn trở về với quê hương. Vinh dự của những người ở lại, bám trụ kháng chiến, đã trải qua nhiều gian khổ để sống với thửa ruộng mảnh vườn, ngày nay được chứng kiến cảnh quét sạch bóng quân thù.

Giờ đây, nhìn lại chặng đường đã qua, Đảng bộ và nhân dân Phố Phong đã viết nên những trang sử vẻ vang. Từ thời kỳ đen tối nhất ở quê hương (1955), một vài đảng viên trung kiên của Đảng, đã biết tập hợp quần chúng, bắt đầu xây dựng cơ sở kháng chiến, lập ra căn cứ địa Vực Liêm, bàn đạp tiến về đồng bằng. Cơ sở Đảng dần dần được phát triển đến hàng chục đảng viên và tổ chức hàng trăm quần chúng cách mạng, trực tiếp mật đối mặt với quân thù. Đã nổi lên nhiều gương hy sinh cao quý, lập nhiều chiến công, giải phóng xã nhà (1965). Đã bền bỉ dẻo dai tiếp tục cuộc kháng chiến chống Mỹ - Ngụy để bám trụ xóm làng, bảo vệ nhân dân, sản xuất chiến đấu, vượt qua những năm bảy mươi gian khổ. Đã duy trì các lớp học văn hóa, nhất là trong những năm

giặc Mỹ đánh phá ác liệt, trường lớp phải di chuyển nhiều nơi, thầy trò tìm đủ mọi cách để duy trì học tập, chống mù chữ cho các con em.

Tuy chiến tranh ác liệt, nhưng nhân dân xã Phổ Phong kiên quyết chống vùng trắng, dân số trong xã lúc nào cũng hơn 1.000 dân. Điều này đã thể hiện chí hy sinh bất khuất anh dũng tuyệt vời của cán bộ và nhân dân xã Phổ Phong ta.

Có được những thắng lợi to lớn nói trên (1955 - 1975), là do quá trình đấu tranh cách mạng đã phát huy đến đỉnh cao truyền thống yêu nước và kiên cường bất khuất của dân tộc, trong đó có anh hùng liệt sĩ Nguyễn Nghiêm. Lòng dân luôn tin tưởng, hướng về Đảng trong suốt cuộc chiến tranh ác liệt với quân thù. Nhiều gương đảng viên Cộng sản trung kiên đã ngã xuống cho quê hương. Nhiều người đã hiến dâng tài sản, che giấu cán bộ, cố công lao với cách mạng đã được ghi công. Tiêu biểu là:

- Ở Trung Liêm có các ông Phạm Khôi, Nguyễn Nhất, Phan Lê...

- Ở Vạn Lý có ông Lê Nhật, bà Nguyễn Thị Bổng, bà Lê Thị Tiến...

- Ở Hùng Nghĩa, có các gia đình ông Lê Văn Lào, bà Nguyễn Thị Dáng, bà Nguyễn Thị Diệu, bà Lê Thị Tiến (tức Vẹ)...

- Ở Tân Phong, có bà Nguyễn Thị Văn đã cống hiến nhiều công lao cho cách mạng, bà Lê Thị Thuộc, bà Thi, bà Nguyễn Thị Ny, ông Trần Thành...

- Ở Vĩnh Xuân, có ông Nguyễn Mưu đã liên tục cống hiến tài sản cho cách mạng từ tiền khởi nghĩa 1945, đến 9 năm

kháng chiến chống Pháp và cuộc chiến tranh chống Mỹ Ngụy. Tại đây, còn có các ông Nguyễn Sốt, Nguyễn Tráng...

- Ở Gia An, có ông Huỳnh Thuyền, ông Thuyền đã chịu nhiều lần tra tấn, tù đầy vẫn kiên cường một lòng trung thành với cách mạng. Tại đây còn có các ông Huỳnh Đào, Lê Tấn Mùi, Nguyễn Hơ, Hồ Nha, bà Hồ Thị Diệu, bà Lý Thị Tuần, bà Nguyễn Thị Thuận...

- Ở Hiệp An, có ông Huỳnh A (Hoàng), bà Bùi Thị Tú, ông thầy Bộ chùa Hiệp An...

Cuộc chiến tranh tàn khốc, đã tốn biết bao xương máu và tài sản. Chỉ riêng những người chiến đấu tại quê hương Phố Phong, trong hơn 20 năm qua đã có đến 313 người hy sinh, trong đó có hơn 70% là liệt sĩ và những cán bộ cốt cán của xã. Ngoài số liệt sĩ kể trên, còn có 57 thương binh.

Dảng và Chính phủ đã ghi công vào sử vàng trên quê hương Phố Phong, gồm:

- | | |
|--|------------|
| - Huân chương kháng chiến chống Mỹ
hạng nhất: | 99 người. |
| - Huân chương kháng chiến chống Mỹ
hạng nhì: | 71 người. |
| - Huân chương kháng chiến chống Mỹ
hạng ba: | 350 người. |
| - Huy chương kháng chiến chống Mỹ
hạng nhất: | 67 người. |
| - Huy chương kháng chiến chống Mỹ
hạng nhì: | 534 người. |
| - Bằng khen của HDBT: | 278 người. |

Ngoài ra, còn nhiều bằng vàng Tổ quốc ghi công cho các gia đình liệt sĩ để đời đời ghi nhớ công ơn của những người đã hy sinh. Chưa kể số đông những người con của quê hương Phổ Phong là cán bộ, bộ đội ra đi bảo vệ Tổ quốc, đã hy sinh trên khắp miền đất nước chưa có điều kiện thống kê.

Một lực lượng đông đảo cán bộ, đảng viên, bộ đội, thanh niên xung phong, con em học sinh xã nhà, họ sống và chiến đấu trên miền Bắc XHCN, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nhiều cán bộ đã cống hiến gần một nửa đời người, nhiều người đã học tập, công tác và trưởng thành đạt được học vị cao, là những cán bộ trung, cao cấp của Đảng và Nhà nước.

Đồng thời, số đông người Phổ Phong là quân đội, cán bộ các ngành từ miền Bắc được Đảng và Nhà nước điều động trở về chiến đấu trên khắp chiến trường miền Nam.

Một sự mất mát không tránh khỏi với các cán bộ, đảng viên chúng ta, khi họ chưa được nhìn thấy ngày đất nước thống nhất và đoàn tụ gia đình, đã sớm "nằm" trên đất Bắc. Số đông đồng chí về Nam chiến đấu đã ngã xuống trên các chiến trường miền Nam như: Trần Vệ, Đặng Thắng, Nguyễn Tình, Nguyễn Thiệt, Phạm Tùng Liên, Mai Đông...

Đồng thời, nhiều đồng chí bền bỉ chiến đấu cho đến ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Đối với đông đảo cán bộ, đảng viên, thanh niên, học sinh và nhân dân Phổ Phong, trong nhiều năm xa quê hương, mỗi người đã phấn đấu trong mọi lĩnh vực chiến đấu, học tập và công tác, đã cống hiến lớn lao trong công việc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và thống nhất đất nước. Có đồng chí là tướng lĩnh, nhiều đồng chí là đại tá, đã và đang phụ trách các ngành trong quân đội. Nhiều đồng chí lãnh đạo ở các cấp: Thứ trưởng, Vụ trưởng, Viện trưởng, Viện phó, Chuyên

viên cao cấp ở các bộ, ngành trung ương, phó chủ tịch tỉnh, giám đốc các công ty trong các ngành thủy lợi, bưu điện, giáo dục, y tế...

Trong các ngành khoa học kỹ thuật, đã có nhiều cán bộ trẻ được đào tạo trong nước và nước ngoài, đã trưởng thành và đạt các học vị cao như: tiến sĩ, phó tiến sĩ, kỹ sư, bác sĩ, giáo sư và xuất hiện nhiều người tài giỏi trong các lĩnh vực y tế, địa lý kinh tế, địa chất bản đồ... Đến nay đã có 1 tiến sĩ khoa học kỹ thuật, 6 phó tiến sĩ, giáo sư, 1 thầy thuốc ưu tú và đông đảo kỹ sư, bác sĩ... trong các ngành khoa học kỹ thuật.

Tuy vậy, trong hàng ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân, qua các thời kỳ cách mạng thử thách đá vàng, đã phân hóa biến chất một số người đã phạm sai lầm, khuyết điểm như Nguyễn Bá Diên, Phạm Văn Ngọc và Huỳnh Phẩm.

Tuy nhiên, trong suốt cuộc đấu tranh cách mạng của quê hương, đã diễn ra nhiều trường hợp đáng chú ý trong lịch sử. Trong đó, lịch sử Quảng Ngãi có Nguyễn Thân gian ác, nhưng huyết tộc Nguyễn Thân sinh ra nhà cách mạng vô sản Nguyễn Thiệu (Tú Thiệu). Ở Phố Phong dòng tộc Ban Thống - Nguyễn Vỹ đi ngược dòng với Tú Tuyên - Nguyễn Nghiêm. Địa chủ quan lại Thượng Hiền, có các con gái tham gia cách mạng như Nguyễn Thị Diệu, Nguyễn Thị Trang. Những trường hợp tương tự ở quê hương Phố Phong qua các thời kỳ cách mạng cũng là lẽ thường tình.

Kết thúc giai đoạn 20 năm kháng chiến trên đây (1955-1975), là kết thúc một giai đoạn lịch sử đấu tranh anh liệt của Đảng bộ và nhân dân xã Phố Phong. Trong đó bao gồm những người chiến đấu hy sinh tại quê nhà và những người ra đi vì nghĩa vụ chiến đấu xây dựng, bảo vệ tổ quốc Việt

Nam thân yêu. Số đông người ra đi lập kết, để rồi sau hai năm trở lại quê nhà, góp phần xây dựng quê hương và gặp lại người thân. Còn những người ở lại, quyết tâm chiến đấu hy sinh, bám trụ quê hương, ngày đêm mong mỏi hai năm mừng đón người về. Thế rồi, dằng dẳng mấy mươi năm xa cách đợi chờ.

Trong lịch sử đời người, đây cũng là điều kỳ diệu.

KẾT LUẬN

Đất nước, con người Phố Phong trải qua cuộc đấu tranh cách mạng của Đảng và nhân dân, được ghi chép bằng chuỗi thời gian dài của gần nửa thế kỷ qua.

Đây chỉ là một phần nhỏ trong biên niên sử cách mạng của xã, trong đó, đã mang nhiều màu sắc, phản ánh đầy đủ mọi mặt, mà cốt lõi vẫn là con người.

Con người của quê hương Phố Phong, sinh ra và lớn lên trên mảnh đất nghèo nàn, giàu nghị lực, họ hiểu rõ hơn ai hết, cảnh áp bức, bóc lột dưới chế độ phong kiến, thực dân, một xã hội đầy rẫy sự bất công, bạo ngược giữa người với người.

Người dân Phố Phong nhiều lần muốn vùng lên đập đổ chế độ bất công đó, nhưng lúc bấy giờ chưa có một chính đảng lãnh đạo.

Từ khi có Đảng cộng sản do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, nhân dân Phố Phong bắt đầu có phương hướng đấu tranh. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là chi bộ nằm trong lòng dân, nhân dân Phố Phong đã trải qua các thời kỳ đấu tranh cách mạng chống Pháp năm 1930, đến cách mạng tháng Tám thành công, 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp và hơn 20 năm đấu tranh chống Mỹ Ngụy trên quê hương xã nhà, cho đến ngày thống nhất đất nước.

Trải qua các giai đoạn đấu tranh nói trên, Đảng bộ và

nhân dân Phố Phong đã phải hy sinh xương máu để đổi lấy độc lập tự do như ngày nay.

Tiểu biểu của nhân dân Phố Phong là người chiến sĩ cộng sản Nguyễn Nghiêm và nhiều đồng chí cách mạng đã bị bắt bỏ tù, tù đầy ở các nhà lao của đế quốc đã trở về và tiếp tục đấu tranh cho sự nghiệp cách mạng.

Kế thừa truyền thống cha, anh những lớp người đàn em, đã dũng cảm chiến đấu, trong đó, nhiều người đã hy sinh cho quê hương.

Trong cuộc kháng chiến chống Pháp đã có 25 người hy sinh, riêng cuộc kháng chiến chống Mỹ đã có hơn 313 con em Phố Phong đã hy sinh xương máu trên mảnh đất quê hương mình, để đem lại độc lập, tự do cho Tổ quốc và màu xanh cho quê hương yêu quý.

Gần năm mươi năm qua, nhân dân Phố Phong đã đúc kết thành truyền thống bằng tám chữ vàng chói lọi: "Trung thành, Đoàn kết, Dũng cảm, Sáng tạo". Đó là đặc trưng cực kỳ sâu đậm của người dân Phố Phong nơi quê hương cách mạng.

Bằng tám chữ vàng đó, không chỉ ở lớp người chiến đấu tại quê hương, mà còn mang trong lòng những con em Phố Phong ra đi xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, họ đi theo tiếng gọi của Đảng ở bất cứ nơi nào, không tiếc máu xương để hoàn thành nhiệm vụ vinh quang mà Đảng đã giao cho.

Từ những người đi tập kết, những chiến sĩ trong các lực lượng vũ trang nhân dân Việt nam, đến Thanh niên xung phong, các con em chúng ta đã có mặt trên khắp miền của đất nước. Dân Phố Phong, không chỉ vì Phố Phong, mà đã thực sự đóng góp phần nhỏ cho cuộc cách mạng của dân tộc. Họ như những hạt giống đỏ, từ mảnh đất Phố Phong

được gieo trồng khắp các vùng rừng núi Tây Nguyên, trên dãy Trường Sơn hùng vĩ, tận biên giới xa xôi, chân trời hải đảo, đến các tỉnh, các vùng khắp đất nước, cũng như các thành phố lớn, Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh... đến đâu cũng nảy mầm xanh và phát triển.

Là người dân trong xã, đang sống hiện nay, cũng như các lớp người đời sau, coi đây là niềm vinh dự, được học tập truyền thống của lớp người đi trước, biết ơn những người đã ngã xuống cho quê hương, góp phần đem lại hòa bình, độc lập cho tổ quốc, tự do hạnh phúc cho nhân dân ngày nay và mai sau.

PHỤ LỤC 1

Danh sách các đồng chí cách mạng bị hy sinh - tù đầy dưới chế độ thực dân Pháp:

TT	Họ và tên	Quê quán	Thời kỳ bị bắt, bị tù
1	2	3	4
1	Nguyễn Tuyên	Tân Phong	Duy tân, khát thế, bị tù 1908
2	Nguyễn Nghiêm	Tân Phong	Phong trào cách mạng 30-31
3	Trần Kha	Hùng Nghĩa	nt
4	Lê Ngọc Thụy	Tân Phong	nt
5	Nguyễn Suyền	Hùng Nghĩa	nt
6	Huỳnh Long Thành	Tân Phong	nt
7	Huỳnh Thanh	Tân Phong	nt
8	Võ Trung	Vạn Lý	nt
9	Nguyễn Bá Diện	Gia An	nt
10	Huỳnh Toàn	Hùng Nghĩa	nt
11	Nguyễn Thị Văn	Tân Phong	nt
12	Mai Xuân Thuợng	Hùng Nghĩa	nt
13	Mai Thị (tức Phú)	Hùng Nghĩa	nt
14	Trần Hy	Tân Phong	nt
15	Trần Sang	Hùng Nghĩa	nt
16	Huỳnh Khoáng	Tân Phong	nt
17	Nguyễn Đức Liệu	Tân Phong	nt
18	Huỳnh Quyền	Tân Phong	nt

1	2	3	4
19	Nguyễn Chánh	Tân Phong	nt
20	Dũng Sĩ Tiến	Tân Phong	nt
21	Nguyễn Hào	Tân Phong	nt
22	Bùi Liêng	Tân Phong	nt
23	Nguyễn Giáo	Tân Phong	nt
24	Lưu Vây	Tân Phong	nt
25	Lê Mậu	Tân Phong	nt
26	Nguyễn Hoet	Vĩnh Xuân	nt
27	Ngô Kỳ	Tân Phong	nt
28	Phan Lễ	Tân Phong	nt
29	Vũ Văn Dệ	Hùng Nghĩa	nt
30	Nguyễn Cu	Tân Phong	nt
31	Huỳnh A	Tân Phong	Bị bắt năm 1939

PHỤ LỤC II

Danh sách bí thư chi bộ xã Phố Phong qua các thời kỳ cách mạng

TT	Họ và tên	Quê quán	Qua các thời kỳ cách mạng
1	Trần Kha	Hùng Nghĩa	Thời kỳ cách mạng 1930-1931
2	Nguyễn Duy Phê	Tân Phong	Thời kỳ tiền khởi nghĩa Tháng Tám
3	Trần Sĩ	Hùng Nghĩa	ni
4	Huỳnh Danh	Tân Phong	Thời kỳ cách mạng Tháng Tám năm 1945
5	Huỳnh A	Tân Phong	Sau cách mạng Tháng Tám năm 1945
6	Nguyễn Văn Dai	Tân Phong	1946 - 1947
7	Huỳnh Cử	Gia An	1947 - 1948
8	Trần Phổ	Tân Phong	1948 - 1953
9	Trần Sĩ	Hùng Nghĩa	1953 - 1954
10	Huỳnh A	Tân Phong	1954 - 1955
11	Nguyễn Phạn	Gia An	Thời kỳ chống Mỹ nguy 62-63
12	Phạm Thanh Thủy	Vực Liếm	Thời kỳ chống Mỹ nguy 64-65
13	Huỳnh Rân	Gia an	Thời kỳ chống Mỹ nguy 65-66
14	Nguyễn Ba (Khoa)	Tân Phong	Thời kỳ chống Mỹ nguy 66-67
15	Huỳnh Văn Lễ	Vạn Lý	Thời kỳ chống Mỹ nguy 68-69
16	Trần Thanh Long	Tân Phong	Quyền bí thư 1970
17	Huỳnh Quốc Vê	Gia An	Thời kỳ chống Mỹ nguy 71-73
18	Phan Trung Hòa	Vạn Lý	Thời kỳ chống Mỹ nguy 74-75

PHỤ LỤC III

Danh sách liệt sĩ xã Phố Phong qua các thời kỳ

TT	Họ và tên	TT	Họ và tên
----	-----------	----	-----------

A. Thời kỳ tiền khởi nghĩa 1945

- | | | | |
|---|---------------|---|----------|
| 1 | Nguyễn Nghiêm | 3 | Trần Kha |
| 2 | Nguyễn Suyền | 4 | Trần Hy |

B. Thời kỳ kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954)

- | | | | |
|----|----------------|----|-----------------|
| 1 | Lê Nhánh | 12 | Nguyễn Ngọc Anh |
| 2 | Lê Được | 13 | Nguyễn Xuân Lộc |
| 3 | Nguyễn Tô | 14 | Nguyễn Đạt |
| 4 | Mai Minh | 15 | Nguyễn Nô |
| 5 | Lê Văn Sang | 16 | Trần Ngọc Thanh |
| 6 | Nguyễn Đức Lân | 17 | Doãn Văn Diễm |
| 7 | Nguyễn Siêng | 18 | Dồng Ngọc Hoàng |
| 8 | Nguyễn Khởi | 19 | Nguyễn Trọng |
| 9 | Huỳnh Cáo | 20 | Nguyễn Mưu |
| 10 | Lê Ty | 21 | Lưu Dung |
| 11 | Huỳnh Nhuận | | |

C. Thời kỳ kháng chiến chống Mỹ ngụy

1. Thôn Tân Phong

- | | | | |
|---|---------------|---|--------------|
| 1 | Nguyễn Ba | 4 | Huỳnh Cầm |
| 2 | Nguyễn Tâm | 5 | Huỳnh Văn Dệ |
| 3 | Huỳnh Tấn Tâm | 6 | Huỳnh Tài |

7	Huỳnh Dân	28	Nguyễn Thị Thanh Nga
8	Trần Văn Việt	29	Cao Hồng Sơn
9	Ngô Thanh	30	Ngô Dương
10	Huỳnh Thịnh	31	Phạm Minh Thái
11	Nguyễn Văn Nuôi	32	Trần Thanh Long
12	Trần Thành	33	Trần Văn Sáu
13	Trần Thi	34	Trần Xuân Ba (Liều)
14	Trần Cường	35	Huỳnh Ngũ
15	Phạm Văn Tâm	36	Võ Văn Sơn
16	Trần Dung	37	Phạm Sang
17	Trần Văn Bảy	38	Nguyễn Đa
18	Huỳnh Thanh Trúc	39	Phạm Cầm
19	Mai Đông	40	Phạm Nam
20	Mai Khương	41	Nguyễn Hòa
21	Cao Văn Nhu	42	Huỳnh Thứ
22	Nguyễn Văn Ba	43	Bùi Lục
23	Nguyễn Dương	44	Huỳnh Kim Đồng
24	Huỳnh Bút	45	Trần Xuân Ba
25	Nguyễn Hội	46	Dặng Thị Minh
26	Lê Văn Trính	47	Trần Mười
27	Dinh Quân	48	Nguyễn Phú Xuân

2. Thôn Hùng Nghĩa

1	Nguyễn Quang Sáu	13	Trần Văn Nguyễn
2	Thới Tường	14	Thới Văn Nghĩa
3	Thới Văn Thuộc	15	Huỳnh Bình
4	Huỳnh Hưng	16	Nguyễn Đức
5	Trần Ngọc Tu	17	Nguyễn Trung
6	Huỳnh Thúc Nhẫn	18	Nguyễn Thị Muốn
7	Nguyễn Sủi	19	Lê Mên
8	Nguyễn Cội	20	Thới Dó
9	Trần Anh Tuấn	21	Phạm Ba
10	Lê Miên	22	Phạm Văn Liên
11	Huỳnh Quang Trung	23	Nguyễn Quốc Bảo
12	Nguyễn Ta	24	Trần Đình Lễ

25 Trần Thuận
26 Phạm Ba
27 Trần Bồng

28 Huỳnh Tấn Được
29 Võ Minh Đậu

3. Thôn Vạn Lý

1 Trương Chức
2 Thôn Thủ
3 Nguyễn Cường
4 Huỳnh Thị Thị
5 Phan Thị Minh Hương
6 Nguyễn Xuân Hải
7 Phan Hồng Thanh
8 Dăng Đình Phương
9 Nguyễn Đức Hương
10 Nguyễn Sau
11 Nguyễn Văn Mười

12 Lê Tấn Lưu
13 Dăng Thăng
14 Dăng Anh Tuấn
15 Nguyễn Văn Cường
16 Võ Tám
17 Ngõ Luôm
18 Huỳnh Thông
19 Võ Thấy
20 Võ Tuyết
21 Huỳnh Quang Diệu
22 Huỳnh Thanh Trúc
23 Đặng Lan

4. Thôn Vĩnh Xuân

1 Trần Văn Ba
2 Phan Tâm
3 Nguyễn Ngọc
4 Nguyễn Quốc Thái
5 Huỳnh Kiêm
6 Nguyễn Lợi
7 Đoàn Thị Phiến
8 Nguyễn Sốt
9 Nguyễn Lý
10 Đoàn Ngọc Hoàng
11 Đoàn Đức Mùa
12 Trần Nam
13 Phạm Ngọc Sáu
14 Nguyễn Văn Sáu
15 Nguyễn Văn Bảy
16 Nguyễn Lân

17 Nguyễn Xuân Ba
18 Phạm Đức
19 Trần Đậu
20 Phạm Có
21 Nguyễn Sang
22 Lê Bốn
23 Võ Bảy (tức Dủ)
24 Trần Văn Cửu
25 Võ Bảy
26 Nguyễn Ngọc Liêm
27 Trần Văn Năm
28 Nguyễn Thị Đồ
29 Phạm Ngọc Thạch
30 Lê Hai
31 Lê Thị Ba
32 Nguyễn Mới

5. Thôn Trung Liêm

1	Nguyễn Di	7	Trần Ngọc Bích
2	Nguyễn Ngọc Sơn	8	Lê Văn Sĩ
3	Nguyễn Gân	9	Huỳnh Trung
4	Nguyễn Thừa	10	Nguyễn Núi
5	Phạm Khôi	11	Nguyễn Cảnh
6	Nguyễn Hữu Huân		

6. Thôn Gia An

1	Huỳnh Thuyền	20	Nguyễn Minh (Pho)
2	Huỳnh Minh Hải	21	Nguyễn Thiệt
3	Nguyễn Tài	22	Huỳnh Ê
4	Huỳnh Rân	23	Trần Di
5	Huỳnh Thế	24	Nguyễn Phúc
6	Nguyễn Khánh	25	Nguyễn Ngọc Ba
7	Nguyễn Lem	26	Nguyễn Quốc
8	Huỳnh Ngón	27	Nguyễn Trường
9	Dào Tịnh	28	Nguyễn Cường
10	Nguyễn Minh	29	Nguyễn Triều
11	Nguyễn Thị Thăm	30	Tả Rê
12	Huỳnh Ba	31	Phạm Trung Chín
13	Dào Tiên	32	Hồ Nha
14	Phạm Anh	33	Nguyễn Chay
15	Huỳnh Núi	34	Lữ Mười
16	Trần Văn Nền	35	Nguyễn Thị Diệu
17	Nguyễn Bảy	36	Huỳnh Pháp
18	Nguyễn Bốn	37	Huỳnh Ngọc Khanh
19	Nguyễn Thành Dân	38	Nguyễn Thăm

7. Thôn Hiệp An

1	Trần Hoàng	7	Vô Sĩ Tích
2	Nguyễn Đức Thuận	8	Lê Văn Lão
3	Huỳnh Mười	9	Nguyễn Luận
4	Ngô Mai	10	Nguyễn Bằng
5	Trương Anh Dũng	11	Trần Ngọc Văn
6	Huỳnh Văn Châu	12	Nguyễn Núi

- 13 Trần Đức Đạt
- 14 Huỳnh Sư
- 15 Lê Thanh
- 16 Ngô Văn Quyền
- 17 Huỳnh Tấn Tài
- 18 Huỳnh Hoàng
- 19 Nguyễn Thế
- 20 Nguyễn Nghinh
- 21 Huỳnh Tới
- 22 Nguyễn Sáu
- 23 Nguyễn Văn Phương

- 24 Ngô Thị Liễu
- 25 Huỳnh Thị Thung
- 26 Bùi Văn Tám
- 27 Trần Đình
- 28 Nguyễn Mèo
- 29 Lê Đức Thuận
- 30 Ngô Tài
- 31 Trần Kết
- 32 Trần Ngọc Hương
- 33 Nguyễn Thị

PHỤ LỤC IV

VỀ - THƠ CÁCH MẠNG

NOI GIƯƠNG ĐỨC PHỔ

NGUYỄN HỮU MÔ

Mười sáu tháng tám
Đêm thu trăng sáng,
Lúc canh hai đã rằm rập tiếng chân người
Đến Gò Đa - Tân Hội
Giục tiếng trống đầu tiên dữ dội,
Báo hiệu nhanh " giờ nổi vùng lên"
Hùng Nghĩa ba thôn,
Văn Trường, Mỹ Thuận
Trống mỗi phút, mỗi giây lan rộng
Khắp bầu trời ba tổng: Cẩm, Ca, Tri.
Chuẩn bị xong, người kéo ra đi,
Nào cõm gỏi,
Nào đùi gà,
Nào cờ cầm tay

Nào băng biểu ngữ.
Có toán pha ngô,
Có toán vượt sông,
Có toán pha đập,
Có toán băng sông.
Tất cả về địa điểm tập trung,
Tại Lộ bản, đám đất bên trường
Một giờ sáng ba ngàn người có mặt.
Một đồng chí giả người phương bắc,⁽¹⁾
Bước lên đài diễn thuyết mọi người nghe.
Đồng chí nói:

"Thưa toàn thể đồng bào thân mến,
Nước Việt Nam hơn bốn nghìn năm
Đã từng chống giặc ngoại xâm,
Rạng danh lịch sử, tiếng tăm lẫy lừng.
Nào Phù Đổng, Bà Trưng, Bà Triệu,
Nào Lý, Ngô, Hưng Đạo, Úc Trai,
Dẹp thù trong, đuổi giặc ngoài,
Tây Sơn nối tiếp thu hồi giang sơn.
Việc chẳng may, Gia Long bán nước,
Và giày mổ, chúng rước voi Tây
Bán nước, cướp nước hai tay
Triều đình voi Pháp cả bầy hại dân

(1) Là đồng chí Nguyễn Hòa (Giáo Hòa-Phổ Ninh) cải trang mặt: áo dài đến giả nói tiếng Huế (Vợ sau Hòa học đầu, cách mạng tháng 8/1945 bị mìn ư)

Đồng bào chịu trăm phần khổ nhục
 Cùng đứng lên, Nam Bắc một lòng
 Trương Định, Hoa Thám, Đinh Phùng,
 Trung Đình, Xuân Trường khắp vùng đầu đầu.
 Nay đến lượt đồng bào Nghệ Tĩnh,
 Hàng vạn người sát cánh biểu tình.
 Phong trào tiếp tiếp đấu tranh,
 Xông lên, cương quyết hy sinh đòi quyền.
 Ta chẳng lẽ ngồi yên đứng ngó,
 Để thực dân khủng bố giống nòi.
 Đồng bào yêu nước ta ơi!
 Quốc thù không thể một trời đôi chung.
 Nhò có Đảng Đông dương cộng sản,
 Đảng dẫn đầu cách mạng chúng ta.
 Dang mưu độc lập nước nhà,
 Tự do, cơm áo làm đà tiến lên.
 Đảng kêu gọi công, nông, binh
 Cùng nhau siết chặt dành quyền lợi chung.
 Đảng kêu cả nước anh hùng
 Phá tan nô lệ, quyết vùng đứng lên !”

Lời vừa dứt tiếng vang hô như sấm
 Người người tay đưa quả đấm lên cao,
 Miệng thét to: giảm thuế, bỏ sưu,

- Chống khủng bố đồng bào Nghệ Tĩnh.
- Đả đảo đế quốc!
- Đả đảo phong kiến !

- Độc lập tự do thực hiện !
- Đảng cộng sản Đông dương muôn năm!
Nghe mỗi thù, càng thối, càng căm,
Nghe lời Đảng, càng tin, càng xác tới.

Hàng loạt truyền đơn,
Tuôn ra như xối.

Mọi người xem như cối tẩm lòng,
Mít tinh mọi việc vừa xong,
Lệnh truyền xuống: đồng bào trật tự,
Đầu dó xếp thành đội ngũ,
Thầy rập ràng, rầm rộ bước chân đi.
Gió tung bay phấp phới ngọn hồng kỳ
Chiếu liềm búa trắng khuya vàng rực rờ.
Tiếng trống đánh trời long, đất lở,
Giương cao băng biểu ngữ chính tề.
Trống rất nhịp nhàng, hùng tráng, uy nghi,
Từng chạng một, đội chỉ huy cất tiếng:

"Đi lên ! đi lên !

Mau lên ! Mau lên !

Chị em ! Anh em !

Mau lên ! Tiến lên !"

Muôn triệu người dân ta đứng lên!
Quyết đánh tan những loài đế quốc!
Quyết đánh tan những quân phong kiến !
Giành chính quyền về công, nông, binh!

Đi lên ! Đi lên !

Mau lên ! Mau lên !

Chi em ! Anh em !

Mau lên ! Mau lên !

Chúng ta đi thị uy biểu tình

Tổ một lòng cùng nhau đoàn kết,

Thề một lòng cùng nhau sống chết,

Đạp cường quyền bước tới đấu tranh.

Đoàn biểu tình chốc chốc lại thêm đông

Cuồn cuộn như sóng dâng,

Ào ào như thác đổ.

Gần mờ sáng xông vào vây huyện lỵ,

Bọn quan lại khiếp vía kinh hồn

Miễn thoát thân, trốn kẻ nha môn

Chúng bỏ huyện từ bao giờ trốn mất.

Thù lâu đời chồng chất,

Khí thế bùng bùng,

Có toán xông vào trại,

Bẻ gông, phá cùm,

Giải phóng tù nhân.

Có toán lên công đường,

Đập tan cửa kính,

Đập, đập, đập,

Ấn, dấu, sưng.

Luật lệ hồ sơ,

Dem ra sân đốt cháy ra tro.

Dầy bờ thành biểu ngữ, cờ bång

Dây mặt đất rải truyền đơn bướm bướm
Lá cờ Đảng,
Lá cờ đầu tiên, chỉ huy to tướng,
Kéo hiên ngang bay lượn trên không.
Chương trình xong, trời sắp chiếu tia hồng,
Lệnh tuyên bố: cuộc biểu tình giải tán.

Giờ giải tán, đoàn quân gần nửa vạn
Phấn khởi về như thắng trận khai hoàn.
Từ đây thề dúc lá gan,
Bước đi theo Đảng lên đường đấu tranh,
Bốn châu, sáu huyện đồng thanh,
Noi gương Đức Phổ đứng lên cho đều.

1930 - 1931

(Mai Xuân Thượng, Nguyễn Tấn, Trần Hữu cung cấp)

NHÀ NỖ HOA

HUỲNH THANH

1933

Nông nổi này ai thấu cho ta ?
Duyên nợ ba sinh dễ bỏ qua.
Trai đã đem thân đền nợ nước,
Gái nên thù chí trả thù nhà.
Chàng chẳng quản bao điều cay đắng,

Thiếp cố chỉ nài chuyện cách xa.
Lời nguyện bấy lâu còn ghi nhớ,
Nay xin cùng bạn tỏ bày ra.
Ôc tin chủ nghĩa, là tư tở,
Lòng nặng non sông, nhẹ cửa nhà
Hăm bốn tháng tròn còn chịu nổi.
Mười lăm năm lẻ chẳng bao xa.
Dầu bể khiến xuôi người cách biệt.
Biết gặp nhau không, ở đợi mà?
Chừng nào quét sạch thù xâm lược
Dân vui, nước đẹp, nhà nở hoa.

(Huỳnh Thị Bình, em tác giả cung cấp)

VÙNG LÊN RỬA HẬN THÙ

NGUYỄN NGHIỆM

1927

Bấm đốt xuân xanh đã hăm hai,
Tang bồng chưa trả nợ làm trai
Doái xót non sông bầm máu lệ,
Cầm thương nôi giống mác chông gai
Trời đất chuyển lay lòng khôn đổi,
Dá vàng mòn môi dạ chẳng sai
Xích xiềng còn đó, ta thề phá !
Hiểm nguy sanh tử có bao nài !

Bao nài vạn kiếp với thiên nguy,
 Chỉ sợ mịt mù hết lối đi,
 Dòng tân lập lo trời xuân mới.
 Nam vương vô ve đất thú thì.
 Giống đỏ, giống đen đều trời đây.
 Hoa hồng, hoa cúc thấy đua thì
 Nghìn năm gặp hội đua sắc thắm
 Một thuở ra tài chẳng mấy khi

 Mấy khi giống quý được gieo mầm,
 Non nước Lạc Hồng bảy mươi năm
 Quyền lợi trong tay người khác hưởng
 Tôi đòi tố phạm huộc lo chăm.
 Vì đâu nên nổi nũa như thế ?
 Bởi phường cướp nước với buôn dân
 Nghĩ làm tức thay càng làm giận,
 Đau lòng hâu thế hổ tiên nhân!
 Quyết tâm giữ vẹn dấu tiên rồng,
 Nung đúc một lò: diệt xám lằng,
 Độc lập là nguồn nguyên động lực,
 Tự do ấy thế chủ nhân ông!
 Vì nước, vì dân ta gắng sức,
 Không suy, không tính chuyện tiểu nhân
 Ai ơi, có Đảng ra cầm lái,
 Tất cả vùng lên rửa tui hờn.

(Nguyễn Tín cung cấp)

HÁY XỐC TÔI

NGUYỄN NGHIÊM

Hãy xốc tôi, phá tan nền thống trị,
Đạp chông gai xây dựng cột dân quyền
Nổi phong ba, để quốc dã ngã nghiêng,
Dây, sấm sét, rung rinh bề dân chủ
Sống cách mạng ào ào trong vũ trụ,
Chớp lửa lòng sáng rực ánh tương lai
Đường đấu tranh hiện tại đấu còn dài
Là cho trận cuối: diệt trừ loài giặc dữ
Hỡi tất cả bạn đồng tâm đồng chí !
Xin cùng nhau gắn chặt nghĩa keo sơn:
Còn người, còn nước, còn non
Hết còn áp bức, ta còn đấu tranh !

Quảng Ngãi năm 1930
(chị Hồng Hà cung cấp)

HUÔNG THEO CỜ ĐĂNG THẮNG XÔNG

NGUYỄN NGHIỆM

1930

Sách có chữ hữu thành, năng hữu bại.
Xông vào rồi phải xét cho xa,
Thuyết binh quyền, khi mới sinh ra
Biết bao cánh máu sông xương núi
Đường cách mạng lúc vừa phấn khởi
Phải thi gan bao súng biến đạn rừng
Giống nòi ta đang gặp bước gian truân
Ach nô lệ thật bầm gan túi hổ
Để quốc Pháp mượn danh bảo hộ,
Để đè dân ta thống khổ trăm đường,
Hút máu me và gặm hết thịt xương,
Tội ác của chúng khôn cùng xiết kể
Càng dục ta phá tan vòng áp chế,
Dem thân ra mà làm lại cuộc đời.
Cờ chỉ huy pháp phối khắp nơi nơi
Xông pháo đạn mà giành quyền lợi lại
Tới ! Bước tới cả trẻ già trai gái!
Vì giống nòi, quyết trừ thâm họa chung.
Hè cùng nhau nổi dậy dưng dưng,
Sống cách mạng ào ào như bão tố.

Mặc cho quân thù thắng tay không bố,
Cướp phá, hãm hiếp, bán giải... dù điều
Tội ác này nào chỉ có bấy nhiêu,
Họa diệt chủng, ắt còn hơn thế nữa.
Nếu ta chẳng ra tay trong một thuở,
Thì cam đành tiêu diệt, hận muôn thu!
Hả nữ đế non sông mãi ngục tù?
Ông cha ta đâu kém thời oanh liệt
Thế giới đang nở hoa trời Xô Viết,
Đón ta về cờ vô sản sáng soi
Hỡi anh chị em ơi ! Nghĩ thử coi!
Người vùng đây, sao ta ngồi im lặng ?
Không ! Quyết không, chân trời hồng tỏa rạng.
Giờ dầu bại, là thắng lợi của ngày mai,
Cánh đại đồng là hy vọng ở tương lai
Chúng ta quyết: không lùi trận tiến công
Hương theo cờ Đảng thắng xông,
Xứng danh nước Việt con rồng cháu tiên.
Hè cùng nhau: Tiến lên ! Tiến lên!
(chị Hồng Hà cung cấp)

ĐẤU ĐANH NĂM IM

NGUYỄN NGHIÊM

1930

Tử sanh sanh tử là gì?
Dem thân ra trận mà thi mới hào
Đền nợ nước nơi máu đào,
Đã vì nghiệp lớn sá nào tình riêng,
Đời còn lắm nỗi truân chuyên,
Nước còn ly loạn, đâu yên việc nhà
Tình dân nghĩa nước bao la,
Phất cao cờ Đảng xông ra chiến trường
Thân dầu thịt nát xương tan,
Giống nòi sống mãi non sông huy hoàng.
Lòng ta chan chứa nhiệt thành,
Đầu răng ngã xuống đầu đánh năm im
Biến thành hồn nước thiêng liêng,
Hòa trong sông cả dâng lên diệt thù.
Đời lời nhắn bạn chinh phu:
Tử sanh há dễ mờ lu chí hùng !
(Trần Hàm cung cấp)

LÁ CỜ GIAI CẤP BÊN TAY PHÁT

NGUYỄN NGHIÊM

Cuộc đời cách mạng chà mảy thu,
Sải bước chân riêng chết mặc dù.
Nơi gương kẻ trước thờ non nước,
Tiếp chí người sau rửa hận thù.
Lá cờ giai cấp bên tay phát,
Lưỡi kiếm thiêng mài trong trắng lu
Rời dây bão táp vùi thây giặc,
Việt nam độc lập đẹp muôn thu.

Lao Quảng Ngãi 1931

(chị Hồng Hà cung cấp).

MỤC LỤC

LỜI NÓI DẦU	2
Chương I - Phố Phong đất nước con người và truyền thống cách mạng.	6
Chương II- Sự thành lập Đảng bộ Đảng cộng sản Việt Nam xã Phố Phong và cuộc đấu tranh của nhân dân Phố Phong từ năm 1926 đến ngày tổng khởi nghĩa Tháng Tám (1926-1945)	17
I. Sự thành lập Đảng bộ xã Phố Phong và cao trào 1930 - 1931.	17
1. Sự ra đời của Đảng bộ Phố Phong - Đồng chí Nguyễn Nghiêm người tổ chức và chỉ đạo Đảng bộ trong những ngày thành lập.	17
2. Cao trào cách mạng 1930 - 1931.	23
II. Cuộc đấu tranh phục hồi phong trào và cao trào vận động dân chủ (1932 - 1939).	34
1. Cuộc đấu tranh phục hồi phong trào (1932 - 1939).	34
2. Cao trào vận động dân chủ (1936 - 1939).	36
III. Cao trào vận động cứu nước và cuộc khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945.	40
1. Tình hình những năm đầu của thời kỳ mới.	40
2. Cuộc khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 ở Phố Phong.	48
	161

Chương III. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.	51
I. Vừa xây dựng cơ sở mới, vừa khẩn trương chuẩn bị kháng chiến (1945 - 1948).	51
II. Bảo vệ quê hương, bồi dưỡng sức dân, thực hiện khẩu hiệu "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng" (1945 - 1954).	62
Chương IV. Phố Phong trong cuộc đấu tranh cách mạng hơn 20 năm chống Mỹ - Ngụy (1955 - 1975).	81
I. Vừa đấu tranh chính trị, vừa xây dựng căn cứ, sử dụng bạo lực cách mạng để tự vệ (1955 - 1960).	81
1. Chuyển hướng các mặt hoạt động chống địch khủng bố, đòi thi hành hiệp định Giơ-ne-vơ, xây dựng căn cứ Vực Liêm.	81
2. Phát triển căn cứ Vực Liêm, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang giành quyền làm chủ.	88
II. Giành thắng lợi lớn trong thời kỳ chiến tranh đặc biệt (1960 - 1965).	92
1. Vượt qua những thử thách của chiến tranh đặc biệt.	92
2. Đẩy mạnh đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị giành quyền làm chủ từng thôn, tiến lên giải phóng toàn xã Phố Phong.	97
III. Quân dân Phố Phong đánh Mỹ, diệt Ngụy trong cuộc chiến tranh cục bộ (1965 - 1968).	108

1. Mỹ đổ quân xuống Phố Phong, sự ác liệt của chiến tranh cục bộ.	108
2. Quân dân Phố Phong kiên trì bám trụ, tiếp tục tiến công địch hàng chính trị và quân sự.	116
IV. Đánh bại thủ đoạn xảo quyệt của địch trong thời kỳ Việt Nam hòa chiến tranh, giành lại quyền làm chủ phần lớn đất đai (1969 - 1972).	119
V. Đánh bại quân Ngụy ngoan cố lấn chiếm, cùng toàn quốc giải phóng hoàn toàn miền Nam Việt Nam.	124
1. Đấu tranh buộc địch công nhận biên giới vùng giải phóng và đánh địch lấn chiếm vùng giải phóng.	124
2. Quét sạch quân địch đangg hoang mang dao động, giải phóng hoàn toàn quê hương.	129
Kết luận.	137

In 400 cuốn, khổ 13 x 19 tại xưởng in V18- BNV.

Giấy phép xuất bản số 40/XB - VH TT ngày 9/5/1992

của Sở VH - TT và thể thao Quảng Ngãi.

Nạp lưu chuyển tháng 8/1992.

Thư viện tỉnh Quảng Ngãi



DCN.000066

